

# LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

## QUYỂN I PHẬT VẤN ANAN VỀ CÁI TÂM



**Bhikkhu Visuddhamma**

# MỤC LỤC

Lời Phi Lộ.....	1
Bài 1: Mở Đầu .....	2
Bài 2: Phá Chấp Trực Tâm, Phật Vấn A Nan Bảy Lần	25
Bài 3: Phá Chấp Tâm.....	56
Bài 4: Bảy Lần Phật Vấn A Nan - Tâm.....	85
Bài 5: Vạn Pháp Đều Là Phật Pháp.....	126

## LỜI PHI LỘ

Tu Phật tức tu Tâm. Phật tức là Giác. Tâm là Biết. Tâm Phật hay là Phật Tánh tức là luôn Biết Trong Sáng rõ ràng. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật chỉ cho ngài A Nan Tâm là gì? Ở đâu? Và cái Biết như thế nào? Tất cả chỉ là phương tiện phơi bày Bản Lai Diện Mục (Kinh Kim Cang) hay là Tâm Khởi Thủy trong sáng (Kinh Trường Bộ).

Trong 5 bài luận giải đầu tiên, hành giả có thể bị động tâm để tìm ra được cái vô sanh của chính ta. Phương tiện không phải là cứu cánh. Nhưng cứu cánh là gì mà cần có phương tiện thiện xảo? Nếu hành giả chuyên tu thì 5 bài đầu tiên cũng trợ duyên cho hành giả ngộ ra được Tâm và Biết. Như thế thì mục đích đã hoàn thành, không cần phải đọc tiếp 95 bài nữa.

Chúng ta cùng nhau lên đường tìm về Cái Tâm Ban Đầu Trong Sáng Vô Sinh Vô Diệt nhé...

(Các Bài Luận Giảng được đánh máy ghi lại trong năm 2000).

*Tỳ-kheo Visuddhamma*

## BÀI 1: MỞ ĐẦU

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là một bộ kinh rất thù thắng, ở chỗ chỉ thẳng vào tâm của chúng ta. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn đã dạy cho ngài A Nan sau khi Ngài gặp nạn Ma Đăng Già. Nhưng người phía sau điều khiển nạn này không phải Ma Đăng Già mà là con gái của Ma Đăng Già, người dùng chú thuật để quyến rũ ngài A Nan, làm cho ngài A Nan xém chút nữa mất giới thể.

Khi ngài A Nan gặp nạn, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn biết nên Ngài nhờ Bồ Tát Văn Thù đến tụng chú Lăng Nghiêm lên để ngài A Nan tỉnh táo trở lại và quay trở về. Khi quay trở về, ngài A Nan sám hối, lạy dưới chân Phật nói rằng: *“Con ý con là em Phật, con ý con là thị giả của Phật, con ý con đã vấn, cái gì cũng ý lại hết mà con không chịu tu nên xém chút nữa là con phạm giới rồi”*.

Đức Thế Tôn mới dạy: *“Người nào tu học theo Phật, tức là đi theo con đường của Đức Phật mà nếu không thấy được tánh thì chẳng khác nào mong lấy sỏi đá mà nấu thành cơm, việc ấy thì không thể có được”*.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm xuất hiện lần đầu nhờ vào sự việc ngài A Nan gặp nạn con gái Ma Đăng Già, điều này

có nghĩa là gì? Điều này có nghĩa là ở nơi tánh tâm, không quán chiếu được rõ ràng cho nên mới gặp nạn. Đức Thế Tôn nhân cơ hội như thế mới dạy Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Vì kinh Thủ Lăng Nghiêm hóa giải được năng lượng tâm, biến năng lượng tâm ấy thành năng lượng của trí tuệ siêu việt, cho nên kinh Thủ Lăng Nghiêm rất thù thắng. Ngược lại nếu ai khởi tâm tà, thì rất sợ kinh Thủ Lăng Nghiêm, vì khi tụng thì điên đảo vì chú Lăng Nghiêm là chú đi thẳng vào tâm.

Nếu nói có kinh này, kinh kia mà Đức Phật thuyết thì e rằng chúng ta cũng không đủ trí tuệ để phân biệt kinh nào là kinh Đức Phật thuyết, kinh nào không phải Đức Phật thuyết. Cho nên trong bài kinh Kalama Đức Thế Tôn nói: *“Chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì do nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của ta”* mà hãy đem nó thực hiện như người thợ bạc thử vàng, đem vào trong lửa thử, nếu điều ấy có lợi lạc cho cuộc sống của ta và nó mang lại lợi lạc cho con đường tu học của ta thì đó là chân lý.

Vì Đức Thế Tôn khi nói thì chỉ truyền khẩu và từ thời Đức Thế Tôn tới gần 500 năm sau đó mới bắt đầu viết ra kinh điển trên lá bối. Truyền khẩu từ đời này truyền xuống đời kia chưa chắc đã đúng hoàn toàn, khi viết lại chưa chắc gì đã viết đúng theo ý Đức Thế Tôn dạy.



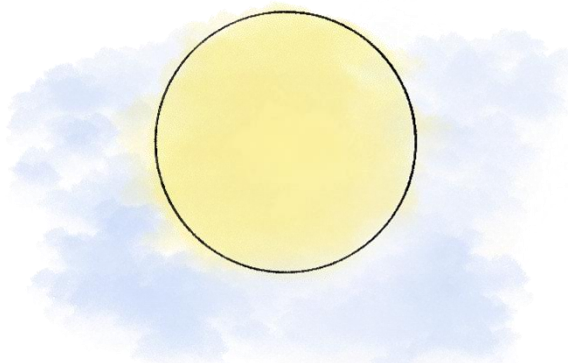
Vào thời mà lúc ngài A Nan còn sống, tức là sau khi Phật nhập diệt không bao lâu, mà đã có người hiểu sai ý của Đức Thế Tôn, ngay thời Đức Thế Tôn còn sống cũng hiểu sai ý của Đức Thế Tôn.

Có một câu chuyện vào thời Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn thấy dân chúng lại khiêu nại rằng mấy ông Tăng

chuyên môn leo cây. Sau khi nghe khiêu nại Ngài mới chế ra giới luật rằng các vị Tăng Ni không được leo cây.

Rồi có một vị Tăng bị cọp rượt, vị ấy nghe lời Phật dạy không được leo cây, liền cầm đầu bò chạy mà không leo lên cây, khi con cọp rượt tới vô được vị Tăng, nó ăn thịt vị ấy. Khi nghe tới chuyện ấy, Phật mới sửa lại luật là Tăng Ni không được leo cây ngoại trừ các trường hợp bắt buộc phải leo cây như bị cọp rượt...

Ý của Đức Thế Tôn nói sao? Đức Thế Tôn nói tất cả đều là phương tiện, tất cả những lời Đức Thế Tôn nói đều là phương tiện, nên sau 45 năm thuyết pháp Ngài mới nói là Ngài không nói gì cả, tất cả những gì Ngài nói chỉ là phương tiện thôi, không phải là chân lý. Những điều Ngài nói chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng, là cái bè đi qua sông. Khi đi qua sông rồi thì vứt bè đi, khi thấy mặt trăng rồi thì quên ngón tay đi, cứ bám cứng vào ngón tay thì sao thấy được mặt trăng?



Ý của Đức Thế Tôn là như vậy, rất rõ ràng. Để chúng mình được Kinh Thủ Lăng Nghiêm là do Đức Thế Tôn nói, chư Thánh nói, hay chư Tổ nói... chúng ta cùng tìm hiểu ở trong Kinh Pháp Diệt Tận, trong quyển 13 Đại Chánh Tạng. Đức Thế Tôn ở thành Câu Thi Na, trong vòng 3 tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn nên nói với Tăng chúng Tỳ-kheo biết trước như thế. Khi đó ngài A Nan mới đánh lễ và hỏi như thế này: *“Bạch Đức Thế Tôn, từ trước tới nay khi nào Đức Thế Tôn thuyết pháp thì ánh sáng uy nghi đều xuất hiện, nhưng hôm nay không thấy ánh hào quang ấy từ Đức Thế Tôn tỏa ra, chắc hẳn có nguyên nhân gì?”*.

Đức Phật im lặng không trả lời cho đến khi ngài A Nan câu thỉnh tới 3 lần. Nói rõ hơn, khi mà Đức Thế Tôn thuyết pháp thì đại chúng phải thưa thỉnh đến 3 lần, tại sao lại phải thỉnh đến 3 lần, Đức Từ Phụ có nghiêm khắc không? Không, Ngài rất từ bi, Ngài để đại chúng thưa thỉnh đến 3 lần là để có tín tâm, vì có khởi tín tâm nên nghe Ngài giảng là thông hiểu ngay. Vì thế hồi thời Đức Thế Tôn có nhiều vị chứng đắc A La Hán. Tức là tâm phải tĩnh lặng và phải có tín tâm, Đức Thế Tôn chỉ cần nói là họ hiểu ngay và người ta ngộ được ngay và vì thế nhiều vị chứng đắc A La Hán.



Sau khi ngài A Nan thỉnh cầu 3 lần thì đức Phật mới nói: *“Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, giáo Pháp bắt đầu suy yếu trong đời ngũ trước ác thế, ma đạo rất thịnh hành, ma quỷ biến thành Sa-môn, xuyên tạc giáo lý, chúng mặc y phục thế tục, yêu thích cà sa rực rỡ, uống rượu, ăn thịt giết hại sinh vật, tham đắm mùi vị, không có lòng từ, thường mang lòng sân hận đố kỵ lẫn nhau”*.

Điều này có nghĩa là ma đạo giả mặc áo cà sa, rồi ưa uống rượu. Cà sa ở đây là để đoạn diệt sanh tử. Khi thái tử Tất Đạt Đa đi xuất gia tầm đạo, kêu Xa Nặc dẫn con ngựa đi theo, đi tới bờ sông thì Ngài mới đuổi Xa Nặc và con ngựa về, việc đầu tiên khi Ngài bước xuống ngựa là thấy mảnh vải màu vàng. Mảnh áo màu vàng theo tập quán của người Ấn Độ là khi người ta sắp tử hình ai thì người ta lấy miếng vải màu vàng khoác lên người bị tử hình. Thái tử Tất Đạt Đa khoác mảnh vải màu vàng có ý nghĩa là thái tử Tất Đạt Đa đã chết, chỉ có một người đi tầm đạo hoàn toàn mới. Nên **khi mặc áo cà sa màu vàng có nghĩa là con người cũ đã hoàn toàn chết, con người mới đã sinh ra**.

Khi Đức Phật nói với ngài A Nan như thế thì Đức Phật cũng nói thêm: *“Vào lúc ấy sẽ có những vị Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán siêng năng tu đức được mọi người kính trọng, tiếp đãi, giáo hóa bình đẳng. Những*

*người tu đạo thường cứu giúp kẻ nghèo, quan tâm người già, khuyến khích mọi người thờ phượng, có lòng từ bi, làm lành, không hại kẻ khác, thường nhân nhục hiền hòa. Nếu có những người như vậy thì các Tỳ-kheo tà ma thường ganh ghét, ma quỷ sẽ nổi ác phi báng”.*

Bạn còn nhớ câu chuyện Ma Ba Tuần từng đến gặp Đức Phật, và nói: “*Bạch Như Lai, bây giờ giáo lý của Ngài rất là mạnh, tăng đoàn đều mạnh, mọi người rất là thanh tịnh, chúng tôi không làm gì được. Nhưng sau này, vào thời Mạt Pháp, lúc bấy giờ Ngài không còn nữa, vọng khí của Chánh Pháp không còn nữa thì chúng tôi sẽ giả làm những tu sĩ, mặc áo cà sa phá Chánh Pháp, làm những điều hủy hoại Chánh Pháp”.* “*Sư tử trùng, sư tử nhục*” là như thế đấy.

Khi nghe Ma Ba Tuần nói như thế thì Đức Thế Tôn rớt nước mắt, Ngài rớt nước mắt không phải vì Ngài sợ Ma Ba Tuần phá, mà Ngài biết những đứa con của Ngài là chúng ta đây sẽ bị khảo đảo vô cùng, nếu chúng ta là những người quyết tâm tu học để liễu đoạn sanh tử, chúng ta sẽ bị ma nó khảo đảo, dụ dỗ, nào là quyến, danh, sắc, thanh hương vị xúc pháp, ... tất cả các thứ ấy đều là địa ngục, nếu cảm thụ uẩn thì ngay lập tức đi vào cửa địa ngục.

Trong kinh Pháp Diệt Tận, Đức Thế Tôn cũng nói rất rõ hậu quả của những người tu sĩ mà không hành trì tinh tấn, giữ gìn giới luật. Khi mà căn ác ma của các Tỳ-khưu này chấm dứt, thần thức của họ liền đọa vào địa ngục A Tỳ, phạm phải năm tội trọng nên họ tái sinh liên tục chịu khổ trong loài quỷ đói, súc sanh. Họ sẽ nếm những nỗi thống khổ trong vô kiếp nhiều như cát sông Hằng, khi tội hết họ tái sinh vào các vùng biên địa, nơi không có Tam Bảo lưu hành.

*Và khi Chánh Pháp sắp biến mất thì phụ nữ trở nên tinh tấn, thường làm việc công đức, đàn ông sẽ trở nên lười biếng và không còn ai giảng pháp. Những vị Samôn chân chính sẽ bị coi như đất phân, không ai tin ở các vị ấy nữa. Người ác gia tăng nhiều như cát dưới biển, người thiện rất ít hầu như chỉ có một hoặc hai.*

Khi kiếp sắp hết, vòng quay của mặt trời và mặt trăng ngắn hơn, mạng sống con người giảm lại. Những dòng sông lớn sẽ dâng cao bất thường không đúng chu kỳ tự nhiên nhưng con người lại không để ý, không quan tâm. Khí hậu khắc nghiệt được xem là điều bình thường.

Người và các chủng tộc lai tạp lẫn nhau không phân quý tiện, chìm đắm trôi nổi như cá rùa kiếm ăn. Lúc đó các vị Bồ Tát, Bích Chi Phật bị chúng ma xua đuổi, trục xuất không còn cùng dự trong chúng hội, giáo lý Tam

Thừa vẫn còn lưu hành ở vùng hẻo lánh, người tu tập vẫn tìm thấy được sự an lạc và thọ mạng kéo dài.

Tuy nhiên trong năm mươi hai năm kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Bát Chu Tam Muội sẽ bị sửa đổi trước tiên rồi biến mất. Mười hai bộ kinh sau đó sẽ dần dần bị tiêu trảm cho đến khi hoại diệt hoàn toàn, không bao giờ xuất hiện lại nữa. Văn tự kinh điển sau đó hoàn toàn không được biết đến và giới y của Sa-môn sẽ tự biến thành màu trắng. Khi giáo pháp của Ngài sắp biến mất, cũng giống như ngọn đèn dầu tỏa sáng lên trong chốc lát trước khi tàn lụi, Chánh Pháp cũng bừng sáng rồi suy tàn. Từ đó về sau khó nói chắc được điều gì sẽ xảy ra. Thời kỳ này sẽ kéo dài suốt mười triệu năm.

Khi Đức Di Lặc sắp thị hiện ở thế gian để thành vị Phật tiếp theo, các cõi nước đều được hoàn toàn an vui. Khí độc sẽ bị tiêu tán, mưa nhiều và đều đặn, năm thứ ngũ cốc lại tươi tốt, cây cối sum suê cao lớn, và loài người sẽ cao đến tám trượng (hơn 24 mét) tuổi thọ trung bình của con người sẽ đến 84.000 năm, chúng sanh được độ khó có thể tính đếm được.

Ngài A Nan thưa thỉnh Đức Phật: “*Bạch Thế Tôn, chúng con nên gọi kinh này là gì, và làm thế nào để phụng trì kinh ấy?*” Đức Phật bảo: “*Này A Nan, kinh này gọi là Pháp Diệt Tận. Hãy dạy cho mọi người truyền*

*bá rộng rãi kinh này. Những ai truyền bá kinh này, công đức của những người ấy không thể nghĩ bàn, không thể nào tính đếm được”.*

Trong kinh Pháp Diệt Tận, Đức Thế Tôn đã nhắc nhở: trong năm mươi hai năm kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Bát Chu Tam Muội sẽ bị sửa đổi trước tiên rồi biến mất, có nghĩa là kinh Pháp Diệt Tận đã có giới thiệu đến kinh Thủ Lăng Nghiêm. Như vậy kinh Thủ Lăng Nghiêm không phải tự người ta nói ra, cũng không phải là các chư Tổ nói ra, mà là do Phật nói và được nhắc đến trong kinh Pháp Diệt Tận trong Đại Chánh Tạng quyển 13.

Kinh Pháp Diệt Tận nói rất rõ. Thứ nhất, nói sự thay đổi của thế giới, nhất là khí hậu, thời tiết... Thứ nhì, ở thời Mạt Pháp, những người mà sanh tâm lười biếng, giải đãi, ít có giảng pháp là nam, còn những người siêng năng tu học làm nhiều công đức là nữ. Thứ ba nói kinh pháp được sửa đổi, rồi dần dần mười hai bộ kinh Bắc Truyền sẽ bị tiêu trầm từ từ hết. Dẫn chứng này để thấy Kinh Thủ Lăng Nghiêm là có thực.

Kinh thường thường sẽ có ba loại: **nhân, pháp, dụ**. Nhân nói về con người, pháp thì nói về pháp, dụ tức là đưa ra ả dụ, thí dụ như ở trong kinh Pháp Hoa có pháp và có dụ, lấy hoa sen ả dụ cho pháp của Như Lai, trong kinh Hoa Nghiêm có nhân, pháp, dụ nói đầy đủ hết.

Đức Phật đã nói ra trong kinh Pháp Diệt Tận, trong thời Mạt pháp kinh Thủ Lăng Nghiêm bị hoại trước nhất. Tại sao kinh Thủ Lăng Nghiêm bị tiêu hủy trước tiên là bởi vì kinh Thủ Lăng Nghiêm là chơn thân của Đức Phật, là xá lợi của Đức Phật, là tháp miếu chân thực của Đức Phật, tại vì kinh nói về cái tánh, nói về đạo lý ở bên trong rất rõ ràng.

Đức Thế Tôn đã nói, kẻ nào tu mà không thấy được tánh thì chẳng khác nào lấy sỏi cát mà mong nấu thành cơm, kinh Thủ Lăng Nghiêm xác minh rõ ràng như thế với ngài A Nan. Và vì đạo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ làm thế nào để mà nhìn rõ thực tánh của ta, bản năng thường trụ của ta, cho nên các ma vương đều tìm cách ngăn chặn những người nào mà tụng Kinh Lăng Nghiêm hoặc là hoằng pháp Kinh Lăng Nghiêm, sẽ bị khảo đảo, cách này cách khác đều bị khảo đảo hết.

Duyên sự của kinh Thủ Lăng Nghiêm là trong lúc Đức Thế Tôn được nhà vua mời vào thọ trai, tất cả các Tăng chúng đều đi theo, riêng có ngài A Nan còn chậm trễ do đi khát thực. Khi Ngài đi khát thực, Ngài rất là nghiêm túc, chăm chú nhìn đằng trước, không nhìn ngang nhìn dọc, cứ thẳng đường mà đi (theo luật mà Đức Thế Tôn chế ra hễ tới nhà nào khát thực thì sáu nhà sau

đều phải đi cho tuần tự, bất kể người ta có thù oán với ta, có chửi có ghét ta cũng phải đi) và ngài A Nan đều chăm chú thực hành như vậy.

Khi Ngài đi khát thực thì thân tướng rất nghiêm trang, cho nên con gái của Ma Đăng Già rất mê, thấy Ngài đẹp trai, đi đứng nghiêm trang nên rất mê, và khi mê rồi thì khởi tâm dâm dục lên là muốn, từ chỗ mê dẫn đến muốn, thích thú ái dục rồi muốn. Không có cách nào để gần gũi ngài A Nan cho nên mới nhờ mẹ là Ma Đăng Già, bà mẹ này có một chú thuật rất hay. Bà mẹ dạy cho cô con gái bùa chú để khi cô con gái đọc chú đó thì ngài A Nan mê mẩn không còn biết ta là ai nữa.

Cho nên khi ngài A Nan đi khát thực, thì bà Ma Đăng Già đưa chú thuật của phái ngoại đạo, chú này gọi là chú Tiên Phạm Thiên, khi cô con gái niệm chú này thì ngài A Nan không có định lực, không làm chủ được. Không có định lực là vì ngài A Nan thường thường ý lại vào là em Phật, ý ta là đa văn, học giỏi, rồi làm thị giả cho Phật, gần Phật cho nên không thềm tu, chờ đợi Phật ban cho trí tuệ. Vì không chịu tu nên không có định lực, vì không có định lực nên bị con gái của Ma Đăng Già dùng chú thuật để quyến rũ.

Con gái Ma Đăng Già dẫn Ngài vào trong phòng cạo vai, cạo má... làm đủ các kiểu, xem chút xíu nữa là Ngài

mắt giới thể. Lúc đó Đức Phật đang ngồi thọ trai, Ngài biết A Nan sắp sửa mắt giới thanh tịnh, cho nên lập tức nói chú Lăng Nghiêm để phá chú ngoại đạo của Ma Đăng Già. Khi mà nghe chú Lăng Nghiêm thì lập tức ngài A Nan tỉnh lại như tỉnh rượu, tỉnh cơn mê mà sáng suốt trở lại. Tự nhiên tỉnh rồi mới hết hồn, thấy tại sao ta ở trong khung cảnh như thế này, tại sao mà có cô con gái ngồi kế bên ta thế này?

Ngài biết là do không có định nên mới bị tà ma ngoại đạo quyến rũ. Biết như thế cho nên Ngài mới đi về gặp Phật quý xuống lay, khóc nức nở. Ngài bạch với Phật: *“Trước giờ con ý con đa văn, cậy là em Phật, cậy là thị giả cho Phật cho nên con tưởng con theo hầu cận Phật thì trước sau gì Phật cũng sẽ ban cho con trí tuệ, cho nên con không chú tâm vào vấn đề tu, vì không chú tâm vào vấn đề tu cho nên con không có định, mới bị thần chú của ngoại đạo quyến rũ.”*

Vì duyên sự ngài A Nan thọ nạn nên Đức Phật thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm. Vì Đức Phật muốn phá tan sự mê chấp của ngài A Nan và phá tan được như thế nên ngài A Nan quyết tâm triệt để tu hành, không dám dựa dẫm vào sự đa văn, thân cận Phật như trước nữa.

Đường vào Đạo lúc nào cũng thênh thang rộng mở, nhưng kẻ nào muốn bước vào Đạo của Đức Từ Phụ dạy



thì phải quăng hết tất cả những kiến thức thế tục ở ngoài đời. Nếu còn giữ những kiến thức thế tục ngoài đời như đa văn (biết nhiều) thì những kiến thức ấy lại che mờ con mắt của tuệ giác. Nếu còn chấp rằng còn có ngã sở thì tất cả các thứ ấy không bao giờ có thể bước vào cửa Đạo, chỉ là đứng ở ngoài cửa chùa nhìn thấy chùa cao đẹp vậy thôi chứ chưa bước vào cổng được. Người tu hành nếu không thấy được tánh, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Đức Phật đã dạy như thế thì chẳng khác nào lấy sỏi cát mà mong nấu thành cơm.

Cũng như vậy, khi tổ thứ 28 (Tổ Đạt Ma) từ Ấn Độ đi sang Trung Quốc gặp vua Lương Võ Đế, sau khi nói chuyện với nhà vua thì nhà vua cũng chẳng hiểu gì, ông bạch Tổ: *“Con xây cất 82 kiếng chùa, in hàng ngàn bộ kinh sách, cúng dường cả hàng ngàn Tăng Ni, thì có chút công đức nào không?”* Tổ phũ tay nói: *“Không có một chút công đức nào hết”*.

Khi Tổ nói như vậy vua Lương Võ Đế không hiểu, chán quá, Tổ mới đi ra chùa lớn thấy mấy vị sư đang ngồi thiền, Tổ mới lấy cục ngói đem ra mài. Mấy vị sư thấy Tổ làm như vậy mới lấy làm lạ, tự nhiên có ông sư bên Ấn sang, lấy cục ngói ngồi mài, các vị sư hỏi Tổ: *“Ông mài làm gì mà lộn xộn vậy, ồn ào quá, chỗ người*

*ta đang ngồi thiền mà ông tới ông mài?” Tô Đạt Ma nói: “Ta mài để làm gương”.*

*Mấy vị sư mới cười ồ lên, nói “Ông này bị khùng, ngồi sao mà mài thành gương được, ông nói huyền hoặc, ông nói chuyện không có”. Tô mới nói: “Cũng như thế, cũng như thế, việc các ông ngồi thiền mà mong được chứng đắc, phá tan mê lầm, liễu đoạn sanh tử luân hồi là chuyện không thể có được, ông mà cứ ngồi thiền là chập vào tướng, tướng ngồi thiền để mà tìm ra cái chơn tâm của ta, sống trong cái bản ngã chơn tịnh của ta để liễu đoạn sanh tử thì chuyện đó không bao giờ có được giống như tôi đang mài ngói mà mong được thành gương cũng thế thôi”.*

Nếu mà chúng ta cố gắng đè nén tâm, nộ, si, ... tất cả cái đó làm nhiều loạn tâm của chúng ta, nên chúng ta phải diệt trừ nó, thấy nó phải múa gươm chém liên, hay là lấy đá đè nó xuống đừng cho nó lên thì ở đây trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy rất rõ nếu làm những cái việc ấy giống như tiền trần thanh tịnh, lấy đá đè cỏ thì chẳng có ăn thua gì hết, cỏ cũng sẽ mọc lên thôi.

Cho nên trong Đại Trí Độ Luận, có cuộc tranh luận giữa ngài pháp sư Hỷ Căn và ngài pháp sư Ý Căn. Ngài pháp sư Ý Căn thì dạy các đệ tử lúc nào cũng phải đề phòng tâm nộ si, vì tâm nộ si làm nhiều loạn người tu,

nếu không cẩn thận bị nó làm cho nhiễu loạn là coi như mất hạt giống bồ đề, không thể nào chứng đắc được. Nhưng ngược lại pháp sư Hỷ Căn nói rất rõ thật sự bản chất của dâm, nộ, si.

Đức Từ Phụ đã dạy vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt. Dâm nộ si cũng là một pháp, đã là một pháp thì nó cũng tuân theo pháp duyên sanh duyên diệt. Có nghĩa là dâm nộ si cũng không phải tự nó sanh ra, nó đều do duyên sanh, mà hề theo duyên sanh là như huyễn, không có thật, chẳng qua do duyên mà nó thành tựu như thể thôi, dâm thì phải có đối tượng, mới khởi tâm dâm, cho nên căn trần thức nó phải giao thoa với nhau. Căn trần giao thoa thì sanh ra cái thức, thức ấy nó có điều kiện tức là duyên sanh, cũng là như huyễn, thực tánh vốn có của nó là không. Tại sao ta thấy ta sợ? Là vì ta chấp, có căn có trần rồi chúng ta chấp có thức và vì vậy chúng ta bị nhiễu loạn. Chúng ta nói có ngã và có ngã sở.

Ở trong câu chuyện giữa ngài Phật Ấn và ngài Tô Đông Pha, một buổi nọ ngài Phật Ấn đang thuyết pháp thì ngài Tô Đông Pha (lúc bấy giờ đang làm quan thượng thư bộ lễ) đi lên núi gặp ngài Phật Ấn đang thuyết pháp, tứ chúng đang ngồi rất đông, không có chỗ chen vào.

Ngài Tô Đông Pha ý là quan thượng thư, muốn ngồi ở phía trước, muốn ngồi gần ngài Phật Ấn để lấy uy và

nghe cho dễ, cho nên mới chen chen vào. Ngài Phật Ấn thấy như vậy lập tức nói: “*Này, ở chỗ này không có chỗ ngồi cho Ngài đại học sĩ*”. Điều này có nghĩa là **ở cửa thiên không có chỗ ngồi cho người đa văn**, người nào biết nhiều kiến thức ở ngoài đời thì chỗ ấy phải vút đi hết, tâm phải trống rỗng mới có thể bước vào cửa thiên.

Cửa thiên là cửa không, nếu mang những gì ở bên ngoài vào, coi như không bao giờ vào lọt, chỉ hời hợt ở ngoài thôi. Cho nên ngài Phật Ấn mới nói câu “*Nơi đây không có chỗ ngồi cho ngài đại học sĩ*” ý nói cửa không là cửa thiên, mà cửa thiên thì người đa văn không thể bước vào, cho nên ông Tô Đông Pha nên đi chỗ khác.

Tô Đông Pha nhân cơ hội đó mới nói một câu: “*nếu vậy thì lão Hoà Thượng cho ta mượn cái thân của lão để ta ngồi*”. Ngài Thiên sư Phật Ấn rất là hoan hỷ, Ngài nói: “*Nếu Ngài thượng thư trả lời được cho ta câu hỏi thì ta sẵn sàng đưa cái thân già này cho ông ngồi, còn nếu như ông không trả lời được thì ông vui lòng để lại cái đai ngọc làm vật trấn sơn môn*”.

Thế là cuộc đấu lý giữa hai người đưa tới cuối cùng là ngài Phật Ấn hỏi ngài Tô Đông Pha một câu: “*Thân là do tứ đại và ngũ uẩn, tứ đại là giai không, ngũ uẩn là vô chủ. Tứ đại là đất nước gió lửa chia ra nhỏ hơn nữa thì nó chỉ là điện tích dương và điện tích âm, tức là bản*

*tánh nó vốn là không, không có gì hết. Ngũ uẩn cũng vậy, nó cũng không có gì hết, cái không mà bản chất nó không có, chẳng qua do duyên sanh nó tạo ra như thế mà thôi. Như vậy cái gì cũng không hết thì ông lấy cái gì để mà ngồi? ”.* Ngài Tô Đông Pha không trả lời được nên mới cời đai ngọc ra để lại làm vật trấn sơn môn.

Qua câu chuyện để thấy bước vào cửa thiền phải bỏ đa văn, phải bỏ kiến thức ngoài đời, đem vào một tâm trong trắng, tâm thanh tịnh, tâm mong cầu học đạo thì may ra mới có thể bước vào cửa đạo được.

Bởi vì sao ngài A Nan thọ nạn con gái Ma Đăng Già? Vì ngã lớn hơn cửa chùa cho nên phải chờ cho tới khi Ngài ấy thọ nạn Đức Phật mới thuyết giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, và ngài A Nan thọ nạn là do ý lại đa văn thông minh cho nên không cần tu học.

## **Phật Pháp Vấn Đáp**

**Câu hỏi:** Chúng quả Tu Đà Hoàn nhập lưu vô dòng thánh thì tánh dâm có còn không mà bị nạn này?

**Trả lời:** Trong Đại Trí Độ Luận ngài Long Thọ đã vạch rõ tánh dâm đó là gì, Ngài đã chỉ rõ cho ta thấy, tánh dâm tự nó vốn là thanh tịnh, không có thực, chẳng qua là do duyên sanh, nếu nó dâm là dâm cái gì, ai dâm, dâm

ở đâu, dâm lúc nào? Tất cả đều phải có điều kiện, có duyên sanh, không phải tự nhiên mà nó phát sinh như thế. Nó phải có những điều kiện, phải có mầm, nhân duyên, thế thì tự nó vốn là tánh không.

Đã có hai ông sư, một người phạm tội sát, một người phạm tội dâm nhưng khi đưa tới ngài Duy Ma Cật, ngài đã chỉ dạy rất rõ như thế. Cho nên cái dâm tự tánh nó không có, do duyên sanh mà thôi. Vì thế nếu mà không thấy được tánh thì coi như còn đứng ở ngoài cổng chùa.

Bởi vậy Đức Phật mới nói: *"Này các Tỳ-kheo, cho tới khi nào các ông chứng quả A La Hán thì các ông hãy tin vào cái tâm của, còn bây giờ các ông chưa chứng đắc thì hãy khoan tin vào cái tâm của các ông"*.

Nói như thế đã bước vào dòng Thánh là hiểu được lý, nhưng mà còn từ cái chỗ từ lúc bước vào cho tới khi chứng được A La Hán, tức là liễu đoạn kiết sử phiền não thì còn xa. Thấy được cổng chùa xa xa nhưng mà còn phải làm sao mở được cổng chùa, rồi làm sao bước vào chánh điện để lễ Phật cũng còn xa.

Người mà mở được cổng chùa là người ấy mới thấy được tánh thôi, còn phải tu tập biết bao nhiêu lâu nữa mới có thể bước vào ngay chánh điện để lễ Phật. Cho

nên từ cái chỗ mà thấy được cái tánh thì nó mới có đủ duyên sự để mà tu, tức là không đi nhầm đường.

Nếu mà thấy được tánh thì quán chiếu cái tánh bên trong của ta nó sanh sanh diệt diệt như thế nào, vì đâu mà có thì đương nhiên ta dẹp tan được tham sân si. Hễ dẹp tan được tham sân si thì nó trở thành năng lượng trí tuệ (tuệ năng).

Tham sân si nó cũng là một dạng năng lượng, khi chuyển hóa được rồi thì nó trở thành năng lượng trí tuệ mà gọi là định tuệ (hay gọi là tuệ định) mà không phải là thiền định. *Thiền định tức là còn có nhập có xuất, còn tuệ định lúc nào nó cũng định hết, lúc nào đi đứng nằm ngồi cũng đều định hết thì mới gọi là tuệ định.* Đức Thế Tôn cũng có lúc ngồi, có lúc nằm để định, chẳng qua là để đại chúng thấy và tập theo như thế chứ Ngài đã chứng đắc rồi thì Ngài là tuệ định, đi đứng nằm ngồi gì Ngài đều định chứ không phải đợi đến lúc Ngài ngồi thiền mới định.

Ở trong kinh Nikaya Đức Thế Tôn nói rất rõ, đi đứng nằm ngồi Ngài đều định. Và ngài Xá Lợi Phất lúc đó có hỏi là lục thông, ngũ thông của Đức Phật, tha tâm thông lúc nào cũng có thì Đức Phật rầy: “*Không phải vậy*”. Lúc nào cần thì Đức Phật mới dùng nó thôi, còn lúc bình thường dính mắc làm gì. Lúc nào cần nhìn về quá khứ

thì lúc đó Ngài mới quán chiếu, Ngài thấy rất rõ Ngài sanh ở đâu, làm cái gì chứ không phải lúc nào Ngài cũng thấy nó. Tại vì tâm định rồi thì đâu cần thấy nó nữa làm gì.

**Câu hỏi:** Ngày xưa Đức Phật từ bỏ ngôi vị, Ngài không dùng bất cứ phương tiện nào để đi mà Ngài chỉ đi bộ. Nay nhiều vị xuất gia đi xe đẹp, có điện thoại toàn đất tiền thì xin hỏi thầy như thế có đúng với giáo lý đức Phật đưa ra hay không?

**Trả lời:** Cái quan trọng là không phải việc sử dụng các phương tiện ấy, mà quan trọng là có chấp, dính mắc vào các phương tiện ấy là của ta hay không. Chấp vào phương tiện ấy thì lập tức có ngã. Mà hễ có ngã và ngã sở thì đang mở cửa địa ngục.

**Câu hỏi:** Vì sao khi Phật phóng hào quang thì có chúng sanh thấy được, còn có chúng sanh không thấy được?

**Trả lời:** Cái này nó giống như tần sóng. Ở trong không gian thì ánh sáng hay âm thanh cũng có tần sóng. Ví dụ, có đài phát thanh với radio, giờ đài phát thanh phát sóng, nếu đài radio của bạn không bắt trúng tần sóng đó thì ta cũng không nghe được âm thanh nào hết.

Cũng như thế, bản thể của mười phương chư Phật đều là thanh tịnh, đều là trống vắng, nếu mà tâm bạn thanh tịnh,



trống vắng thì tự nhiên bạn bắt làn sóng đó được thôi, không những bạn thấy được Đức Phật mà còn nghe Đức Phật nói.

Nếu bản thể của bạn không thanh tịnh, còn ngã còn sở còn bỉ còn thử còn hơn còn thua thì coi như khi khởi sự lên thì có ngã và ngã sở thì làm sao mà thấy được. Thật sự thì hào quang của Đức Phật cũng không có gì là ghê gớm, những người nào mà tu thanh tịnh thì cũng thấy hết chứ không phải không. Nhưng thật sự ra điều quan trọng là chúng ta có tu thanh tịnh hay không.

Nếu tâm của bạn lúc nào cũng thanh tịnh thì bạn sẽ thấy hào quang của chư Phật thôi. Thấy rồi thì bạn cũng chẳng muốn nói cho ai nghe.

Nhưng mà thấy để làm gì, Tứ Tổ đã nói rất rõ, Con ma nó tới gặp Tứ Tổ, sau khi Tứ Tổ cho nó thọ tam quy ngũ giới cứu nó thoát nạn thì nó xin Tứ Tổ sai nó cái gì nó cũng làm được hết. Cho nên Tổ nói: “Tổ sanh ra đời sau nên không thấy được Đức Phật và Tăng đoàn của Đức Thế Tôn nên ao ước được thấy”. Nó nói ma có thể làm cho Tổ thấy, nhưng nó ra điều kiện là Tổ không được đánh lể, bởi vì do ma hóa ra. Thế rồi nó đi vào trong rừng, biến mất và sau đó có Đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn 500 vị đi ra nghiêm trang, hào quang sáng chói.

Ngay lúc bấy giờ Tứ Tổ thấy Đức Thế Tôn thì lập tức quỳ xuống đánh lễ. Con ma nó mới hết hồn biến mất, và nó nói lúc nãy con đã nói với thầy con đã hóa ra như thế mà thầy còn đánh lễ là con bị mất phước đức, là con bị tổn thọ. Tứ Tổ chỉ cười thôi.

Cho nên bạn nhớ cẩn thận, thấy Phật chưa chắc đã là Phật, nhiều khi ma nó giả ra như thế rồi nó xúi bạn làm bậy. Cho nên phải cẩn thận, phải cẩn thận. Vì vậy trong kinh Kalama mới nói đừng tin mà hãy thử nghiệm như người thợ bạc thử vàng.



## **BÀI 2: PHÁ CHẤP TRỰC TÂM, PHẬT VẤN A NAN BẢY LẦN**

Kinh Thủ Lăng Nghiêm được nói ở trong kinh Pháp Diệt Tận. Đức Thế Tôn đã nói sau này thời Mật Pháp, Kinh Thủ Lăng Nghiêm là Kinh bị sửa đổi đầu tiên, bị mai một đầu tiên vì người ta rất sợ kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tại vì kinh Thủ Lăng Nghiêm chỉ thẳng nơi bốn tánh của ta cho nên kinh Thủ Lăng Nghiêm rất là thù thắng. Tuy nhiên duyên sự của kinh Thủ Lăng Nghiêm là do Ngài A Nan bị ngộ nạn với tánh đầu tiên mà ta rất là quan tâm đó là tánh tâm.

Khi sanh ra làm con người thì con người cũng là một con thú nhưng nó khác với một con thú ở chỗ nó biết nó là ai. Con thú nó không biết nó là ai, nó biết nó là con thú thôi thì nó là con thú.

Ở trong câu chuyện một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: “*Con chó có Phật tánh hay không?*” Ngài Thiền sư Triệu Châu, (Tổ Triệu Châu) nói rằng: “*Con chó không có Phật tánh*”. Vị Tăng kia mới nói: “*Đức Thế Tôn nói vạn pháp đều có Phật tánh và Phật tánh đều bình đẳng. Tại sao Ngài lại dám nói con chó không có Phật tánh*”. Ngài Triệu Châu nói: “*Nó có Phật tánh nhưng nó bị nghiệp*”

*thức che mờ cho nên nó không thấy mà nếu không thấy thì coi như có cũng như không”.*

Phật tánh ở nơi chúng sanh đều bình đẳng nghĩa là ở bạn và chúng tôi đều bình đẳng. Bạn và chúng tôi đều có Phật tánh. Bình đẳng ở chỗ là thể tánh của nó đều giống y như nhau nhưng mà có người thấy, có người không thấy. Người nào thấy người ấy là Phật, người nào không thấy thì người ấy là chúng sanh mà nếu không thấy và bị che mờ hết thì là thú.

Con người chúng ta có bốn tánh: Phật tánh, Bồ tát tánh, Nhân tánh, Thú tánh đều ở chung với nhau, gọi là phàm tánh đồng cư (trong kinh A Di Đà). Con người mà có thú tánh là: ham ăn, ham ngủ, ham giành giật đó là thú tánh. Con thú nó cũng y như thế. Rồi lúc mà con người có cộng đồng, có cha mẹ, có anh, em biết lễ nghĩa lúc đó gọi là nhân tánh, tức là sống có lễ nghĩa, có trên, có dưới, có anh, chị, cha, mẹ. Nếu con người ấy sống hy sinh cho người khác không nghĩ đến ta, con người ấy gọi là Bồ Tát Tánh, còn thấy các vạn pháp đều bình đẳng như thân quyến thì lúc ấy gọi là Phật tánh. Thường thường con người có sự tranh chấp giữa thú tánh với nhân tánh.

Như chúng ta đã biết duyên sự của kinh Thủ Lăng Nghiêm là do Ngài A Nan ngộ nạn con gái Ma Đăng Già

tức là tánh tâm, khởi sự từ nơi tánh tâm để mà đi tìm chân lý. Phải có tâm là cái tướng bên ngoài, rồi đi tìm tánh tâm là tánh bên trong, đi tìm tâm của nó. Bằng cách đi ngược như vậy may ra mới tìm được ra bản thể gọi là chân tâm thường trụ, gọi là Phật tánh.

Sau khi ngài A Nan được thoát ra khỏi nguy hiểm đó, quay trở về gieo năm vóc (gieo mình năm vóc là hai tay, hai chân, đầu mặt đều nằm sát đất), khóc lóc với Đức Phật nói: “*Con tâm không định nên con mới bị nạn*”.

Tại sao Tâm không định? Tâm không định vì ý ta là em Phật, ý ta đa văn thông tuệ, ý ta là thị giả của Phật nên trước sau gì cũng được Phật ban cho trí tuệ mà không lo tu, không lo tự ta tu nên mới mắc nạn con gái Ma Đăng Già. Đây là bài học cho chúng ta, tức là ai ăn nấy no.

Đức Phật thấy Ngài A Nan khóc lóc, gieo năm vóc xuống hồi hận khóc, lúc bấy giờ Đức Thế Tôn mới đưa tay sờ đầu Ngài A Nan, nói với đại chúng là: “*Có một pháp Tam-ma-đề gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, là đường lối vi diệu trang nghiêm đưa đến giải thoát cuối cùng, các người hãy lắng nghe*”. Đức Phật bắt đầu giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Nhưng tại sao lại được gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm? Đại là lớn, Phật Đảnh là ở trên đầu. Vậy cái gì lớn ở trên đầu? Có phải là ông Phật lớn hay là cái gì lớn ở trên đầu không?

Đức Phật hỏi Ngài A Nan: *“Ngươi và ta là anh em, cùng một giống nòi, thế ngươi thấy cái gì thù thắng mà ngươi dám bỏ hết để đi tu? Ngươi thấy cái gì ở nơi ta mà ngươi ham đi tu thế?”*.

Ngài A Nan mới thưa: *“Con thấy ba mươi hai tướng thù thắng tuyệt diệu của Như Lai, hình thể trong sáng như lưu ly thường từng nghĩ tướng này chẳng phải do ái dục mà sinh ra. Tại sao? Vì nếu ái dục ô nhiễm dơ bẩn không thể sanh ra diệu tướng quang minh do đó nên theo Phật xuất gia”*.

Tức là Ngài A Nan mê ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Đức Thế Tôn và khi thấy nó đẹp quá nên mới khởi tâm nghĩ tướng đẹp này không phải do ái dục sanh ra mà phải do sự tu tập, cho nên mới xuất gia.

Phật mới khen: *“Lành thay! Lành thay A Nan! Các ngươi nên biết tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay sanh tử liên tục chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ thể tánh trong sạch, nương theo vọng tưởng, vọng tưởng chẳng chơn nên có luân hồi”*. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến

nay sanh tử liên tục chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, tức là có mà không biết.

Giống như con chó của ngài Triệu Châu, nghiệp thức che mờ cho nên có Phật tánh mà không thấy thì cũng như không, cho nên mới nói tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay sanh tử liên tục, tức là vào trong luân hồi chỉ vì không biết chơn tâm thường trụ.

Chơn tâm thường trụ là gì? Chơn tâm thường trụ là ở nơi ấy rỗng rang, ở nơi ấy không sanh, không diệt, ở nơi ấy có đủ hết các thứ. Thế tánh trong sạch sáng tỏ lại nương theo vọng tưởng tức là mê theo vọng tưởng điên đảo, niệm sanh sanh rồi diệt, cứ theo nó mới xảy ra sanh tử luân hồi.

Mười Phương Chư Phật cũng đều cùng một đạo là khỏi sanh tử gọi là trực tâm. Tất cả Chư Phật Mười Phương ba đời thoát ra khỏi sanh tử đều do trực tâm mà thôi. Trong kinh Duy Ma Cật, trực tâm tức đạo tràng, đạo tràng tức trực tâm. Vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng như thế từ đầu cho đến cuối, cho đến các ngôi giữa chẳng có tí quanh co, tức là thấy sao thì nói vậy liền như tấm gương vật gì đi ngang thấy liền, dòng sông thấy con chim bay ngang là nó in bóng ở dòng sông liền. Nó không chần chờ, không suy nghĩ và không phân biệt. Đó gọi là tâm hạnh và lời nói ngay thẳng không quanh co.

Đức Thế Tôn dạy: “*Nay người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề pháp môn chơn tánh thì hãy trực tâm mà trả lời câu hỏi của ta*”, nghĩa là Đức Thế Tôn nói trước khi mà Ta nói thì người hãy dùng trực tâm mà trả lời cho Ta, Ta mới có thể giúp được nếu người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề, tức là muốn đoạt được trí tuệ tuyệt vời, gọi là không phân biệt trí tuệ vô thường thì phải dùng trực tâm. Tức là không suy nghĩ nữa, thấy sao nói liền.

Đức Phật mới hỏi A Nan: “*A Nan, nay người phát tâm duyên theo ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thì lấy gì để thấy và biết sự ham thích?*”

Vì ngài A Nan nói: “*Con đi tu tại vì con thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, con cũng suy nghĩ rằng tướng tốt ấy nó không phải do tinh cha huyết mẹ mà có được, tại vì tinh cha huyết mẹ còn như uế, mà nếu tu mà có ba mươi hai tướng tốt này là phải do công lực tu học của ta. Bởi thế cho nên mới phát tâm đi tu*”.

Nói rằng vì mê ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tức là mê hình tướng bên ngoài. Trong kinh Kim Cang Phật nói: “*Phàm tất cả cái gì, sự việc gì có hình tướng thì đều là hư vọng, đều là không có thực*”. Thế rồi Phật mới nhắc kỹ: “*Ta hỏi thì ông phải dùng trực tâm trả*



*lời thì ta mới giúp được”. Đức Thế Tôn mới hỏi tiếp: “Ông thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ông lấy cái gì để thấy và ông nói rằng ông khởi tâm ưa thích thì ông mới đi tu thế thì tâm ấy nằm ở đâu? Ông lấy cái gì để thấy? Phải có cái gì để ông thấy chứ? Cái tâm ưa thích đó nằm ở đâu? Hình dáng nó như thế nào?”*

*Chỗ này tối quan trọng. Tu mà không thấy thì chỉ được phước chút xíu, phước hữu lậu mà thôi chứ không thể nào ra khỏi sanh tử luân hồi.*

Ngài A Nan trả lời: “*Bạch Đức Thế Tôn, con dùng mắt để thấy và con dùng tâm để khởi lên sự ưa thích*”.

Phật hỏi: “*Nếu người nói, người dùng mắt để thấy và sự ưa thích khởi lên tâm, người chẳng biết mắt và tâm ở đâu? Nếu người chẳng biết tâm ở đâu thì người chẳng thể hàng phục được trần lao*”.

Giống như khi đất nước có giặc, vua sai lính đánh giặc, lính phải biết sào huyệt của giặc. Lính đi dẹp giặc mà không biết giặc trốn ở đâu, sào huyệt của giặc ở đâu thì làm sao mà tiêu diệt được. Cho nên nói lấy con mắt để nhìn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Thế Tôn và lấy tâm khởi tâm ưa thích để mà đi tu.

Ngài A Nan nói vậy nên Phật mới hỏi: “*Vậy chứ con mắt ở đâu, rồi tâm ở đâu?*”. Cho nên nếu không thấy

được con mắt ở đâu, tâm ở đâu thì luôn bị luân chuyển trong ba cõi sáu đường. Cho nên Đức Thế Tôn hỏi Ngài A Nan: *“Tâm và mắt của người hiện giờ đang ở đâu?”*

Hồi xưa Ngài A Nan cũng nói y như thế. Đức Thế Tôn hỏi thì Ngài A Nan cũng nói y như thế. Và bảy lần Đức Thế Tôn hỏi, thì bảy lần Ngài A Nan đều trả lời sai. Không những trả lời không đúng mà còn lý luận, không dùng trực tâm. Trực tâm là thấy sao nói liền mà đằng này phải có lý do vì như thế này, vì như thế kia, cho nên con thấy nó như thế này con thấy nó như thế kia. Tức là cong co quanh quẹo không có đi thẳng, không có trực tâm.

Đức Thế Tôn hỏi: *“Con mắt và tâm người ở đâu?”* Ngài A Nan: *“Bạch Đức Thế Tôn trong mười loại chúng sanh trên thế gian này đều cho tâm thức ở trong tâm, nay con nhận được mắt con ở trên mặt và tâm thức con ở trong thân, mắt ở trong thân như mắt thanh liên hoa của Như Lai vậy”*.

Đức Thế Tôn hỏi: *“Chứ mắt người và tâm người ở chỗ nào?”* Ngài A Nan nói: *“Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân, nay con nhận được mắt con trên mặt và tâm thức của con trong thân như mắt thanh liên hoa của Như Lai trên mặt Như Lai vậy”*.

Trả lời như vậy là trả lời thẳng nhưng nghe thì có vẻ không thẳng. Tại vì Đức Thế Tôn hỏi con mắt người ở đâu? Tâm người ở đâu thì trả lời thẳng, đằng này lại trả lời tất cả mười loại chúng sanh ở trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân, tức là ông nói vì mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân tức là ông lý luận, mà khi đã khởi tâm lên lý luận thì rớt vào trong vòng phân biệt. Nếu có sự phân biệt thì lập tức có đối đãi, mà có đối đãi thì vọng tưởng điên đảo ngay lập tức. Cho nên mới nghe thì có vẻ như là ông trả lời trực tiếp nhưng mà thật sự ra ông đang bị vọng tưởng điên đảo.

Ông nói rằng vì mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân thì ông cố cãi tại mọi người đều nói như thế, nay con nhận được mắt con trên mặt, tâm thức con trong thân nhưng mà ông cũng còn chưa chắc chắn, còn cố biện luận. Ông thêm một câu nữa như mắt thanh liên của Như Lai trên mặt của Như Lai vậy. Tức là ông nói con mắt ở trên mặt con thì nó cũng giống như mắt Phật ở trên mặt Phật vậy thôi. Nghĩa là Ngài lấy lý do con mắt Phật nằm ở trên mặt Phật thì cũng giống như mắt con nằm ở trên mặt con.

Ở đây ngài A Nan đã khởi tâm so đo, tâm biện luận, tâm phân biệt mà khi khởi tâm so đo, tâm biện luận, tâm

phân biệt thì chạy theo vọng tình điên đảo. Vì nó đâu phải là dùng trực tâm thấy sao nói vậy liền. Giống như tấm gương, con chó chạy ngang thì biết con chó, con mèo chạy ngang thì biết con mèo chứ đừng vì thế này vì thế kia mà con nghĩ thế này, con nghĩ thế kia. Niệm đó không phải niệm thứ nhất nữa mà niệm thứ hai, niệm thứ ba, niệm thứ tư rồi. Niệm thứ nhất nó chỉ ghi nhận, con chó đi ngang nó biết con chó, em bé đi ngang nó biết em bé, con chim đi ngang nó biết con chim, không khởi lên phân biệt. Còn đấng này ông khởi lên phân biệt nên ông đã rớt ngay khúc đầu.



Người đi tu nếu không phân biệt được trực tâm, không nắm bắt được nó thì toàn nắm được vọng tưởng điên đảo mà vọng tưởng điên đảo như đốm trên hoa không, như

bóng trắng dưới mặt nước. Nó không có thật, mà nếu ta chấp vào đấy, ta bám vào đấy ta chạy hết niệ m thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, ... cho tới niệ m thứ một trăm thì coi như ta mất gốc. Tức là niệ m đầu tiên vừa mới nhận diện ra sự kiện nó đã chạy mất tiêu rồi, nó đã không còn. Và nó nhanh lắm, như tên trộm, chỉ cần rình chúng ta sơ hở là nó nhào tới thôi.

Cho nên chúng ta sống ở trong vọng tưởng điên đảo hàng ngày, sống ở trong tưởng tri. Tưởng tri tức là biết do tưởng mà có chứ không phải biết do nhận biết. Mà nếu biết không phải do nhận biết mà có thì làm sao mà nhận diện được trực tánh, thấy được chơn tâm thường trụ? Tức là sống trong vọng tưởng điên đảo có mà như không giống như con chó của Ngài Triệu Châu bị nghiệp thức che đậy cho nên không thấy được Phật tánh.

Ngài A Nan cứ trả lời vòng vo vậy hoài, Phật mới bảo: “A Nan, nay người ngồi ở trong giảng đường của Như Lai, người thấy vườn Kỳ Đà ở chỗ nào không?” tức là ngồi ở trong phòng có thấy rừng Kỳ Đà không? Thế thì ngài A Nan mới nói giảng đường rộng rãi thanh tịnh, còn vườn Kỳ Đà ở ngoài giảng đường. Đức Phật mới nói: “Bây giờ người ở trong giảng đường người thấy cái gì?” Đức Phật bắt đầu dẫn dắt: “Người thấy cái gì trước?” Ngài A Nan nói: “Con ở trong giảng đường dĩ

*nhiên là con thấy Như Lai, con thấy đại chúng, rồi con mới nhìn ra ngoài con mới thấy rừng cây”. Đức Phật mới hỏi: “Ngươi thấy rừng cây, do nhân nào ngươi thấy được?” Ngài A Nan trả lời: “Vì cửa sổ giảng đường trống nên con thấy suốt bên ngoài”.*

Nghĩa là nếu có cửa sổ thì mới thấy bên ngoài, nếu không có cửa sổ thì làm sao thấy được bên ngoài? Có cửa sổ trống mới thấy suốt bên ngoài. Có nghĩa là Đức Phật cố ý nói cho Ngài A Nan hiểu.

Cửa sổ là gì? Cửa sổ là con mắt. Nếu không có con mắt thì làm sao chúng ta nhìn thấy được cảnh bên ngoài, cho nên cửa sổ tức là con mắt, con mắt tức là cửa sổ, nó chỉ là phương tiện, nó không phải là cái thấy, tánh thấy cho nên có sự nhầm lẫn giữa con mắt với tánh thấy. Phật mới bảo A Nan: *“Ngươi mới nói thân ở trong giảng đường thấy rừng cây mà có chúng sanh nào trong giảng đường không thấy Như Lai trong giảng đường mà lại thấy rừng cây bên ngoài không? Ngài A Nan mới trả lời là không đúng là tại vì chúng sanh nào ở trong giảng đường thấy rừng cây bên ngoài mà không thấy Như Lai ở trong giảng đường thì là sai.*

Phật mới nói: *“A Nan, ngươi cũng vậy, tâm của ngươi tất phải sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ của ngươi hiện tiền ở trong thân thì trước hết phải thấy rõ trong thân, tức là*

ở trong nhà phải thấy rõ những cái gì trong nhà chứ. Tức là nếu tâm ở trong thân thì nó phải thấy những gì ở trong thân, tức là nó phải thấy ruột gan, phèo phổi; mà nó còn chưa thấy mà đã thấy cái ở bên ngoài là vô lý phải không nào? Nếu nó không thấy thì giả thuyết tâm ở trong thân là sai”. Tức là đầu tiên phá: **tâm ở trong thân.**

Phật nói rất rõ: “Tâm không có phải ở trong thân, nếu có thì nó phải thấy ruột, gan, phèo phổi trước khi nó thấy ở bên ngoài”. Nghe nói như vậy, ngài A Nan mới xấu hổ nói rằng bây giờ con nghe lời dạy của Như Lai mới ngộ được tâm con thật ở ngoài thân, tại sao? Giống như ngọn đèn thấp ở trong phòng chiếu sáng trong phòng, rồi mới chiếu sáng ngoài sân cũng như ngọn đèn ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, chẳng còn nghi ngờ. Vậy so với nghĩa lý rất ráo. Phật chẳng thể sai ư.

Trả lời như vậy, nghĩa là Ngài A Nan vẫn là trả lời cong queo chứ chưa trả lời thẳng, vẫn nói là con nghe lời dạy của Như Lai. Tại vì Như Lai nói là tâm không ở trong thân thì bây giờ con đoán nó ở ngoài thân, tức là nếu nó không ở trong thì nó ở ngoài. Tại vì ông còn lý luận, tại vì như đèn thấp sáng ở chỗ này, mới sáng ở bên ngoài.



Cũng như thế nếu nó không thấy được ruột, gan, pèo phổi thì nó phải ở bên ngoài. Ý ông nói ông còn lý luận như vậy, rồi ông còn nghi ngờ không biết có đúng hay không? Vậy ý nghĩa rốt ráo của Phật có đúng với ý này không? Ông vẫn còn cong queo chứ không dùng trực tâm.

Cho nên Đức Phật mới nói: “*Này A Nan, các Tỳ-kheo vừa theo ta khát thực trong thành trở về vườn Kỳ Đà, ta thọ trai xong, người thử nghĩ xem trong số chỉ có một người ăn mà các Tỳ-kheo khác no không?*”

Ngài A Nan nói: “*Không, các bậc đều là bậc A La Hán nhưng cơ thể chẳng đồng, người nào ăn người đó*



*no, A La Hán cũng thế thôi. Người nào ăn người đó no, chứ không phải một người ăn người khác no”.*

Đức Thế Tôn mới nói: *“Nếu tâm giác trí của người thật ở ngoài thân thì chẳng có liên quan gì vì hễ tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết nay ta cho người xem trong lúc mắt thấy thì tâm người biết được không, tâm biết thì thân người thấy được không?”*

Đức Thế Tôn mới hỏi đưa tay lên, tâm nó ở ngoài thân thì có nghĩa nó không dính mắc gì với thân, tâm biết thì thân không biết, thân biết thì tâm không biết, khi Thế Tôn đưa tay lên con mắt thấy, tâm biết được không? Mắt là ở trên thân mà tâm ở ngoài thân, nó chẳng dính mắc gì hết có nghĩa là nó ở ngoài, vậy tâm biết chuyện của tâm, thân biết chuyện của thân, nó chẳng dính mắc gì hết. Thế tại sao mà hễ tâm biết là thân biết, thân biết là tâm biết? Và ngay lập tức tại sao nó cùng một lượt. Đức Thế Tôn mới nói thân và tâm cùng biết một lượt thế tại sao nói thân ở ngoài tâm, tâm ở ngoài thân? Người nói tâm giác trí trụ ở ngoài thân, đó là không đúng. Tức là nếu nói thân và tâm ở ngoài không dính mắc nhau thì giả thuyết đó cũng không đúng. Đó là câu thứ nhì.

Giờ tới câu thứ ba. Sau khi nghe nói như vậy, Ngài A Nan bắt đầu rung động. Ngài A Nan mới nói: *“Bạch Thế Tôn, nếu chẳng thế ở bên trong, chẳng thế ở ngoài,*

*chẳng thể rời nhau, con đoán là tâm phải ở một chỗ.”*  
Tức là không dám nói liền mà phải đoán xem Đức Thế Tôn dạy như thế nào.

Thì Đức Thế Tôn mới vặn hỏi: *“Vậy nó ở chỗ nào? Tâm ở chỗ nào? Nếu mà nói nó không ở ngoài, không ở trong thì tâm ở chỗ nào?”*

Ngài A Nan: *“Tâm giác tri nay đã chẳng ở trong mà thấy bên ngoài thì nó ẩn núp sau con mắt, giống như lấy chén lưu ly úp vào con mắt, tuy có vật úp mà chẳng ngại nhãn cách, tùy vào sự thấy không phân biệt được.*

Ngài A Nan nói ở trong thì không đúng vì nếu ở trong thì phải thấy ruột, gan, phèo phổi mà không thấy ruột, gan, phèo, phổi thì nó phải ở ngoài; mà nói ở ngoài thì nó không dính mắc tới thân, như vậy làm sao có chuyện thân và tâm cùng biết một lúc. Con mắt thấy là tâm biết liền thế thì đâu có đúng. Như vậy ngài A Nan nói nó núp sau con mắt, Đức Thế Tôn nói nếu nó úp sau con mắt thì lúc thấy núi sông, mắt thấy chén lưu ly không?

Đức Thế Tôn nói: *“Nếu tâm núp sau con mắt thì làm sao nó không thấy mắt, nó phải thấy mắt chứ, giống như chén lưu ly úp lên thì nó phải thấy chứ? Thấy cái chén chứ, tại sao không thấy cái chén? Tại sao tâm không*

*thấy mắt? Mắt tức là cảnh, cảnh thì làm sao thấy cảnh?”.*

Ngài A Nan thấy trả lời ba lần đều sai mới nói thế này: *“Con lại nghĩ rằng, thân thể chúng sanh, tạng phủ ở trong thiếu nguyệt ở ngoài, nơi tạng thì tối nơi thiếu thì sáng nay con ở trước mặt Phật mở mắt thấy sáng gọi là bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là trong thân nghĩa này là thế nào?”.* Tức là ý ông muốn hỏi trước, rồi mới dám trả lời.

Phật mới nói: *“Khi người nhắm mắt thấy tối thì cảnh tối đó đối với mắt hay là chẳng phải đối với mắt?”*

Ngài A Nan trả lời: *“Đối với mắt tối tức là tối ở trong mắt, tức ngoài thân, sao nói ở trong thân, giả sử chỗ tối trong thân thì lúc trong phòng tối không có ánh sáng thì trong phòng tối đều là tạng phủ của người sao?”* Có nghĩa là bỏ vào trong phòng tối, có con mắt, không có ánh sáng thì đâu có thấy gì, nếu không thấy gì, thì con mắt không thấy thì giống như tạng phủ hay sao?

Cho nên nói rằng dùng con mắt nhắm lại thấy cái tối rồi suy ra tâm tức là lìa sự thấy bên ngoài là thấy đối với bên trong thì nhắm mắt lại thấy tối gọi là trong thân, mở mắt ra thấy sáng là tại sao? Cái thấy sáng nó không thấy được mặt, nếu nói rằng thấy sáng thì nó phải thấy mặt

chứ. Cho nên nói nó không thể ở trong cũng không thể ở ngoài được. Nếu mắt biết thì thân chẳng biết vì nó không thấy được mắt, nếu cho rằng mắt và thân cùng biết một lượt tức là phải có hai biết, như vậy một thân thành ra hai phần. Tức là thấy tới thì gọi là trong thân như vậy là không đúng.

Thế rồi ngài A Nan mới nói: “*Như vậy tâm nó không phải dính mắc tới con mắt mà do sự suy nghĩ bởi vì Phật thường nói tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh cho nên như vậy sự suy nghĩ là tâm, tâm là sự suy nghĩ. Nếu có khởi lên một niệm suy nghĩ thì ngay lập tức là có tâm*”.

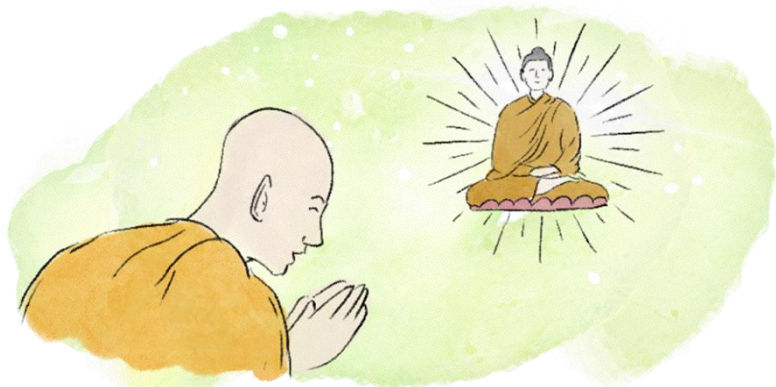
Thế Tôn mới nói: “*A Nan, người nói các pháp sanh nên tâm sanh, tùy theo suy nghĩ tâm liền có, tâm thì chẳng có tự thể thì cũng chẳng thể suy nghĩ được, mà chẳng có tự thể thì cũng chẳng thể tự suy nghĩ được thì vô căn phải thấy được vô trần. Nếu không có tự thể thì vô căn phải thấy được vô trần mà đằng này tâm chẳng có tự thể nên cũng chẳng thể suy nghĩ người thử dùng tay búng thân mình xem, tâm biết của người từ trong thân ra hay từ ngoài ra?*”

Bây giờ lấy tay đánh vào mình nếu nó biết liền thì biết ấy từ đâu mà có? Cho nên mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa. Phật mới bảo A

Nan: “*Nếu thấy con mắt thì người ở trong phòng cửa thấy biết chăng?*” Tức là nếu nói con mắt là sự thấy thì nếu mà người ta ở trong phòng thì cánh cửa có biết sự thấy ấy không? Con mắt nó có biết cái tánh thấy không? Thí dụ như người đã chết thì con mắt vẫn còn, lẽ ra thấy được sự vật nhưng tại sao nó không thấy? Vì nó chết làm sao nó thấy, mặc dù con mắt nó còn nhưng mà nó không thấy được.

Đức Phật giải thích rất rõ như thế đấy, rồi Phật lại bảo A Nan: “*Nếu tâm hay biết của người là một thể hay nhiều thể? Nó ở một chỗ hay nhiều chỗ?*” Thí dụ lấy tay đánh vào đùi biết đau liền, thì cái gì biết? Ở khắp mọi chỗ hay ở một chỗ? Nếu nói một thể thì tứ chi đều biết, nếu nói nhiều thể thì thể nào là của ta? Tại vì nhiều cái biết thì cái biết nào gọi là cái biết của ta. Nếu nói rằng khắp cơ thể đều đồng một thể giống đánh tay vào trong đùi thì ở khắp nơi từ đầu tới chân, đầu có biết chân phải không biết nhưng hiện nay không thấy như thế nên chuyện suy nghĩ từ tâm là không đúng. Tức là hễ có khởi lên sự suy nghĩ là tâm phát hiện thì chuyện đó là không đúng. Đánh một chỗ, chỗ ấy nó biết đau chứ đâu có phải toàn cơ thể con người biết đau.

Nghe nói như thế Ngài A Nan nói thế này: “*Bạch Thế Tôn khi luận với Văn Thù về Tứ con nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài*” Tức là ông luận Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Ông gài Phật vào thế là Phật đã nói như thế cho nên con nghĩ rằng tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Thân tâm cùng biết một lượt nên chẳng thể ở ngoài, nay cũng ở một lượt mà chẳng thấy bên trong, tất phải ở giữa. Tức là ông nói không ngoài, không trong thì nó phải ở giữa.



Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan, mà ngài A Nan nói nó không ở ngoài, nó không ở trong thế thì nó ở giữa. Ngài A Nan nói nó ở chính giữa, Đức Thế Tôn nói ở giữa thì phải rõ ràng, giữa chỗ nào? Gồm có lục căn, lục trần thế thì ở giữa chỗ nào hay nó ở nơi thân? Nếu ở nơi thân, ở ngoài da thì chẳng phải là ở giữa, ở giữa mà đồng như ở trong, tại vì nếu ở ngay da thì nó chẳng phải ở giữa nữa.

Nếu ở nơi xứ tức là lục căn, lục trần thì là nêu ra hay không thể nêu ra. Nếu không thể nêu ra thì coi như không có.

Giống như chuyện con chó có Phật tánh bị nghiệp thức che mờ thì có cũng như không. Cho nên nếu nói nó ở chỗ nào mà không nói được thì coi như bằng không. Giống như người cầm cây nêu mà cầm xuống rồi nói từ cây nêu ta biết được hướng Đông, hướng Tây, hướng Nam, hướng Bắc nhưng mà khi rời vị trí của người đứng với cây nêu đi thì chẳng biết nó ở hướng nào tại vì giữa cây nêu và vị trí con người đứng đều là tương đối. Nếu con người nhìn về cây nêu thì mới nói đằng trước ta là phương Tây, phương Đông và cây nêu đứng đằng trước ta nhưng dời hai vị trí thay đổi đi thì ngay lập tức nó thay đổi vị trí ngay.

Sau đó ngài A Nan mới thưa: “*Chính giữa*”. Nghe vậy Đức Thế Tôn mới hỏi có phải lục căn, lục trần tức là lấy căn trần nó ở chính giữa thì ngài A Nan mới nói “*Bạch Thế Tôn không phải vậy, nhãn căn và sắc trần duyên sanh ra nhãn thức, nhãn căn phân biệt và sắc trần vô tri, thức sanh ở giữa tức là tâm*” vậy ngài mới nói rằng do nhãn căn và sắc trần duyên với nhau tức là căn với trần giao thoa với nhau mới sinh ra thức vì thức sinh ra do căn với trần giao thoa cho nên thức sinh ra ở giữa tức

là-tâm là thức, thức là tâm, ý ngài muốn nói là tâm là sự biết và sự biết đó chính là thức, thức đó biết.

Người ta từ xưa tới nay, **sinh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường cũng vì chấp tâm làm thức, chấp thức làm tâm.** Tưởng rằng ta biết mà thực ra đó chỉ là thức, tức là sự giao thoa giữa vật căn và vật trần. Con mắt khi nhìn thấy một vật và nói rằng vật ấy là như thế vì con mắt nhìn thấy và vật ấy có ánh sáng, thì sinh ra thức, là sự nhận diện qua con mắt, và người ta thường chấp nhãn thức là tâm.

Phật bảo nếu tâm của người ở giữa căn trần, vậy tâm này là cả hai hay không phải cả hai? Nếu là hai thì vật và thể xen lẫn lộn là biết thành ra hai thứ đối nghịch lấy gì làm giữa. Một cái là không biết, một cái là biết tức là một cái là vô tri, một cái là hữu tri thì làm sao nói nó ở chính giữa. Nếu bỏ căn, bỏ trần đi thì làm sao có tánh, vậy thì lấy tướng nào làm chính giữa. Cho nên nói ở chính giữa cũng không đúng.

Khi đó ngài A Nan nghe vậy mới nghĩ: trước, trên, dưới, trong, ngoài cũng không phải thì làm sao con mắt thấy đúng cho nên ngài A Nan mới cố chấp nói *“Bạch Thế Tôn khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử, ngài Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô La và ngài Xá Lợi Phất cùng Chuyển Pháp Luân thường nói rằng tâm giác*



*tri trần chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chỗ nào tất cả vô trước gọi là tâm. Vậy vô trước gọi là tâm chẳng?”*

Lúc ấy Ngài mới không dám quả quyết, không ỷ lại nơi ta đã vấn, nói là Đức Thế Tôn mới nói người nói tâm chẳng ở chỗ nào vậy các loài bay trên cao, ở dưới nước hay trên bờ. Tất cả các vật tượng nơi thế gian vô trước đó có hay không, không thì giống như lông rùa, sừng thỏ thì nói gì tới chuyện vô trước tức là nói nó không có thì nói gì tới chuyện vô trước. Nếu sự vô trước chẳng thể gọi là không, không tướng mới không, tâm đã chấp có tướng thì nói gì vô trước, nếu tâm đã chấp là có tướng thì nói làm chi chuyện vô trước cho nên nói rằng tâm vô trước gọi là tâm giác tri, tức là nói vô trước là tâm là không đúng.

Đức Phật muốn đưa ngài A Nan đến chỗ tự ngộ. Đức Phật muốn nói cho ngài A Nan biết rằng những lời Phật nói chỉ là phương tiện, ngón tay, lời Phật không phải là chân lý, chỉ là phương tiện tùy bệnh mà cho thuốc. Tại vì ngài A Nan kiến chấp, chấp này, chấp kia. Cho nên Đức Phật đưa ra để phá chấp thôi. Và ngay những lời phá chấp của Phật cũng không phải là thật bởi vì nó là phương tiện, không phải là chân lý.

Cho nên ngài A Nan nói tâm ở trong thân, tâm ở ngoài thân cho đến vô trước nhưng thực kỳ chẳng có chỗ đúng mà chẳng có chỗ sai. Không phải là có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai mà vì Ngài chấp rằng nhất định là nó phải ở một chỗ. Thật ra nó đâu ở chỗ nào, thực ra **chấp** mới là vấn đề quan trọng.

Lời nói của Phật không phải là thực, không phải là chân lý, sự phá chấp của Phật cũng không phải là chân lý tại vì nó là phương tiện dùng để phá chấp, tức là thuốc để trị bệnh chứ không phải lời nói của Phật là chân lý. Nếu chúng ta chấp là chúng ta bị kẹt. Cho nên nếu bệnh chấp chưa hết thì phải uống thuốc, chừng nào hết bệnh chấp thì không cần dùng thuốc nữa.

Vì vậy, nếu bệnh đã chấp thì một chỗ cũng không có nói chi đến bảy chỗ, nói chi đến trong, đến ngoài. Đức Thế Tôn mới nói là “*Phàm hữu ngô thuyết, giai phi thật nghĩa*” có nghĩa là phàm lời nói, có lời để nói thì không phải là nghĩa thật chỉ là phương tiện, nghĩa là thuốc cho uống mà thôi.

Đức Phật hỏi ngài A Nan bảy lần ngài đều trả lời sai. Thứ nhất tại vì ngài A Nan không bao giờ dùng trực tâm, cho tới cuối cùng còn nói là con nghĩ thế này vì lý do thế kia, khi Đức Phật và các Văn Thù luận về thật tướng, con nghe Phật nói tâm chẳng ở trong, tâm chẳng ở ngoài

theo con biết nó chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, thân tâm cùng biết một lượt nhưng chẳng phải ở ngoài chẳng phải ở trong thì tất phải ở giữa.

Ngài nói vì như thế này, vì như thế kia, cho nên con nghĩ như thế này, con nghĩ như thế kia, ... tất cả chỉ là sự tác động của căn, trần, thức và sự chuyển hóa giữa ý thức, mặt na thức và ngay khi có ý thức, mặt na thức thì có ngay sự vọng tưởng điên đảo vì khởi tâm phân biệt cho nên kẹt ở ngay chỗ này, nghĩa là chấp theo hình tướng, chấp theo có, chấp theo không và điều quan trọng ở đây là bảy lần Đức Thế Tôn hỏi để phá chấp của ngài A Nan cho nên những lời nói của Đức Thế Tôn chẳng qua chỉ là phương tiện và những lời phá chấp của Đức Thế Tôn cũng không phải là thực tại vì nó chỉ có một mục đích là phá chấp, vì dùng để phá chấp cho nên nó không phải là chân lý. Chúng ta chấp đó là thực chúng ta bị kẹt.

Có ba thứ chấp mà chúng ta đều kẹt đó là: Ngã chấp, pháp chấp, kiến chấp. Đức Thế Tôn phương tiện thiện xảo để phá chấp của ngài A Nan để chỉ ra chơn tâm thường trụ. Nếu nói rằng có thì kẹt, nói rằng không cũng kẹt. Sau khi nghe như vậy thì ngài A Nan mới đứng dậy quỳ xuống: *“Bạch Phật, con là em út Như Lai, được Phật thương mến, nhưng y lại nơi lòng thương của Phật,*

*chỉ ham học rộng, nghe nhiều chưa được vô lậu, chưa đẹp được những suy tư, kiến thức của thế gian, không biết tâm ở đâu cho nên mới lâm nạn Ma Đăng Già. Nay xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót chỉ cho con đường lối tu thiền Samatha để xóa bỏ đi ác kiến".* Và sau đó Ngài gieo năm vốc sát đất.

Đức Phật hỏi ngài A Nan 7 lần mà ngài A Nan không trả lời được mà còn tham lam xin Đức Phật chỉ phép Samatha. Lẽ ra ngài A Nan nên phải biết nhận sai và xin Đức Phật chỉ ra nó là cái gì. Ngài A Nan giống như chưa biết bệnh tên là gì mà yêu cầu xin thuốc trị bệnh. Đúng ra phải đi chẩn đoán bệnh sau đó mới cho thuốc.

Đức Phật mới nói *"Tất cả các chúng sanh từ vô thỉ đến nay đủ thứ điên đảo tạo thành giống nghiệp, kết tụ nghiệp nhân thành quả, luân hồi. Những người tu hành chẳng chứng được quả vô thượng Bồ Đề trở thành Thanh Văn Duyên Giác hoặc cõi trời ngoại đạo Ma Vương, quyến thuộc ma, đều do chẳng biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu cho trải qua nhiều kiếp cũng không thể đắc".*

Đức Thế Tôn mới nói tiếp hai thứ căn bản ấy là gì. Sự căn bản thứ nhất đó là từ vô thủy tức là nhân sanh duyên làm tự tánh của chúng sanh tức là căn trần thức lấy cái đó làm tâm, chấp là có tâm và tâm đấy nó có hình tướng

và nếu nó có hình tướng thì nó do căn trần, căn trần là không thực mà lại chấp rằng căn trần sinh ra thức mà tự tánh của ta cho nên cái biết ấy là biết giả, không phải là biết thật. Cái biết ấy là tướng tri tại vì nó do căn trần.

Vạn pháp do duyên sanh mà hễ duyên sanh thì như huyễn cho nên biết đó là huyễn, là không thực, là vọng tưởng điên đảo mà chấp là thực cho nên mới sanh tử luân hồi. Cái thứ hai là bản thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề Niết Bàn từ vô thi tức là thức vốn sanh ra các duyên bị các duyên che khuất thành ra lạc mất. Ví như chúng sanh lạc mất bản thức sáng tỏ nhưng hàng ngày đánh mất bản thức cho nên lăn trôi trong lục đạo luân hồi. Giống như ngài Triệu Châu nói con chó có Phật Tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ.

Bản thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề Niết Bàn từ xưa đến nay là bản thức sáng tỏ nhưng vì các duyên tức là các điều kiện căn, trần, thức rồi vọng tưởng điên đảo, tham, sân, si che khuất đi cho nên mới không thấy và vì không thấy được bản tánh vốn thanh tịnh của ta cho nên hàng ngày mới sống trong vọng tưởng điên đảo cho nên mới huân tập ra một nghiệp và tạo ra một tạp khí và cứ như thế lăn trôi trong ba cõi sáu đường.

## Phật Pháp Vấn Đáp

**Câu hỏi:** “Niệm Phật không phát nguyện về Tây Phương mà tâm thanh tịnh thì có được không?”

**Trả lời:** Lành thay! Lành thay!. Câu hỏi mà không biết người hỏi có biết ta hỏi cái gì không? Đó mới là điều quan trọng. Giống như ngài A Nan, Đức Phật hỏi tâm ở đâu? Mà ngài A Nan cứ lo suy nghĩ những chuyện khác, thực sự không biết câu hỏi là câu nào. Vấn đề khi Đức Phật hỏi ngài A Nan vì lý do gì ngài đi tu. Ngài A Nan trả lời lý do ngài đi tu là vì thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Thế Tôn nên ngài khởi tâm ưa thích mà đi tu. Đức Thế Tôn mới hỏi tiếp nếu ngài thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp thì ông lấy cái gì để thấy? Và tâm của ngài A Nan nằm ở đâu? Và bảy lần ngài A Nan trả lời đều không đúng.

Tức là ngài A Nan cũng chưa hiểu là ta hỏi gì? Thế thì tương tự như câu hỏi “*Niệm Phật không phát nguyện về Tây Phương mà tâm thanh tịnh thì có được không?*” Nếu mà làm được thì Sư nói là lành thay, tối thù thắng nhưng mà muốn có được tâm thanh tịnh thì phải làm sao? Có lẽ vị này chưa có nhân duyên nghe bài giảng về kinh A Di Đà.

Muốn có tâm thanh tịnh trước hết phải ly dục, ly ác pháp. Tức là phải giữ giới, giới phải thanh tịnh thì tâm mới thanh tịnh và tâm thanh tịnh thì niệm Phật mới thanh tịnh được. Niệm Phật ba la mật muốn đạt được phải có tâm thanh tịnh, muốn có tâm thanh tịnh thì giới phải thanh tịnh.

Muốn có giới thanh tịnh thì 37 phẩm trợ đạo đều phải làm thì buông xả được hết, khi buông xả được hết thì phải mượn một pháp nào đó để nương thì vẫn phải có tín, hạnh, nguyện cho nên không phải chỉ nguyện về Tây Phương Cực Lạc, nhưng nương vào nguyện lực ấy mà đạt được tâm thanh tịnh thì đó là lý đương nhiên.

Phải tin rằng có cõi Cực Lạc, tin rằng có Đức Phật A Di Đà, tức là phải có tín tâm, tin chắc chắn rằng ta niệm Phật tới mức nhất tâm bất loạn thì y như kinh nói sẽ về cõi Tây Phương Cực Lạc. Vì vậy trước hết phải có tín tâm, sau đó là hạnh thì phải tu 37 phẩm trợ đạo tức là giữ giới hoàn toàn thì tâm mới được thanh tịnh, khi tâm thanh tịnh rồi thì niệm Phật mới được thanh tịnh.

Nguyện để làm gì? Nguyện tạo ra lực, tức là mượn cái đây làm phương tiện để chú tâm, để gạt trừ đi tất cả các vọng tưởng điên đảo đó là kinh A Di Đà chỉ cho pháp với người sơ cơ. Còn đối với những người có căn cơ cao

rồi thì người ta sẽ biết tự tánh Di Đà, Di Đà tự tánh, vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức.

Ngay khi phát hiện ra bản thể thanh tịnh, sống trong bản thể thanh tịnh thì nhất tâm bất loạn thì niệm Phật đâu cần phát nguyện, đâu cần có tín, có hạnh và đương nhiên là an trú trong cõi Cực Lạc, Di Đà tự tánh rồi chứ không phải ở đâu xa. Trong kinh Đức Phật nói là cõi Cực Lạc cách xa mười muôn vạn quốc độ. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh thì ngài Huệ Năng nói rất rõ rằng mười điều ấy chính là mười điều ác tức là ly được mười điều ác thì cõi Cực Lạc đã xuất hiện rồi.

Kinh vô tự mới giải quyết được sinh tử luân hồi, còn kinh có chữ thì là phương tiện thôi. Nói rằng cõi Cực Lạc cách xa mười muôn vạn quốc độ. Quốc độ lớn như thế nào bạn có biết không? Mà nói dài mười muôn vạn thì đi chừng nào tới? Ngài Xá Lợi Phất đã vận dụng thần thông cũng không thể tới được để đánh lễ Đức Phật A Di Đà là nghĩa làm sao?

Ngài Xá Lợi Phất là tượng trưng cho trí tuệ, trí tuệ ấy là kiến thức tu học mà hễ có dụng công là trí tuệ thế gian cho nên dùng trí tuệ thế gian thì không thể nào tới cõi Cực Lạc và gặp Đức Phật A Di Đà. Cho nên phải buông xả hết thì tâm mới thanh tịnh, giữ giới hoàn toàn để có



tâm thanh tịnh, tức là sống trong tự tánh Di Đà rồi. Cõi Cực Lạc là trong tâm rồi chứ đâu xa.



### **BÀI 3: PHÁ CHẤP TÂM**

Sau khi Ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già quay về khóc, Đức Thế Tôn mới hỏi về tâm và con mắt thì A Nan trả lời vì thấy Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cho nên khởi tâm ưa thích mà đi tu, Đức Thế Tôn hỏi con mắt nằm ở đâu và tâm là cái gì nằm ở đâu?

Vấn đề con mắt và tâm là cái rất quan trọng tại vì con mắt là ngũ căn, thông qua mắt ta giao tiếp với thế giới bên ngoài và những thứ ấy tự tánh vốn thanh tịnh. Con mắt không có tội và cái vật nhìn thấy cũng vô tội, hai thứ này đều thanh tịnh, nhưng tại làm sao khi mình nhìn cái gì lại khởi cái tâm ưa thích hay ghét. Đó là thức, tức là căn trần giao thoa thì sinh ra thức mà thức tàng trữ ở ngay trong a lại da thức.

Đối với những người ngòi thiên vấn đề này rất quan trọng tại vì nó cứ nhảy tới nhảy lui hoài trong tư tưởng của chúng ta và nó làm cho chúng ta không được định, không định thì không vào được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên. Không vào được sơ thiên là chúng ta còn bị lôi cuốn bởi cảm giác do mắt, tai, mũi đem lại. Tai nghe có âm thanh thì tâm mình chạy theo âm thanh, con mắt nhìn chạy theo cái thấy và cái mũi cũng thế, nếu

mình không tập quán chiếu thì tất cả tâm mình sanh sanh, diệt diệt.

Bảy lần Thế Tôn hỏi Ngài A Nan con mắt nằm ở đâu thì Ngài A Nan không trả lời được, hỏi cái tâm nằm ở đâu thì lúc đầu nói ở trong, sau đó nói ở ngoài và cuối cùng nói ở giữa. Kinh thì nói như thế nhưng cái diệu dụng trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm là phải buông cái văn tự tức là buông chữ đi, cái ý Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan tức là dạy chúng ta để đi tìm cái tâm của chúng ta.

Lúc Tổ Đạt Ma gặp Huệ Khả thì Huệ Khả đã hỏi Tổ Đạt Ma: “*Bạch tổ tâm của con không an xin Tổ dạy cho con phép an tâm*”. Người tu thiền nếu không tìm thấy cái tâm thì nó lăng xăng sẽ không bao giờ thành tựu, có tụng kinh cũng không thành tựu, tụng lấy tiếng chẳng qua được chút phước hữu lậu. Ngồi thiền cũng thế cảm thấy ngứa ngáy, đau chân, đau tay đủ thứ thì những thứ này chẳng qua vọng tưởng nó sinh ra gọi là tập khí lâu ngày nó vọng mà mình không biết trong một sát na nó nảy sinh ra vô số chỉ khi nào quán chiếu được nó, thấy rõ thực tướng của nó vốn là duyên sanh tức là căn, trần, thức đều là huyễn không có thực.

Nếu nói rằng con mắt nhìn thấy thì con mắt của người chết có nhìn thấy hay không, người chết vẫn còn con mắt đấy nhưng mà tại sao nó không nhìn thấy, còn nói do cái cảnh bên ngoài nên mới nhìn thấy thì nếu ở trong phòng kín tắt đèn hết rồi thì có nhìn thấy gì đâu. Cho nên vẫn phải có đầy đủ điều kiện duyên sanh tức là có con mắt, vật, ánh sáng thì mới thấy được, thế thì cái thấy này là thấy gì? Là cái thấy có điều kiện có nghĩa là do duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyền không thực cho nên bảy lần Đức Thế Tôn hỏi Ngài A Nan đã có rất nhiều người chấp vào đấy, chấp rằng đó là phương thức Phật chỉ cho đi tìm cái tâm.



Phật không chỉ chúng ta bằng bảy phương pháp ấy để đi tìm cái tâm mà Phật chỉ cho chúng ta biết là chúng ta **cố chấp**. Tại sao Phật không hỏi ngài Xá Lợi Phất mà

hỏi ngài A Nan vì A Nan ý mình là đa văn cho nên tất cả những người nào muốn bước vào cửa thiên phải loại bỏ tất cả những kiến thức tầm thường của thế gian đầu cho mình có học tới tiến sĩ, thạc sĩ học tới cấp gì đi nữa thì bao nhiêu cái trí khôn của thiên hạ đều phải vứt đi hết vì tất cả những cái này đều là điều kiện, điều kiện là duyên sanh, là như huyễn không thực.

Muốn quán chiếu thật sự cái tâm là gì trước hết phải bỏ cái ngã, còn có đa văn thì còn có ngã. Ngài Pháp Đạt đi đến đánh lễ Tổ Huệ Năng đầu cúi không sát đất, Tổ rầy: *“Ông có công trạng gì mà ông đánh lễ không sát đất, người đánh lễ cúi đầu sát đất là đẹp bỏ cái ngã, người tu hành mà cúi đầu không sát đất tức là tâm không thành tín, như vậy còn phải có gì vướng mắc lắm mà ông không cúi đầu sát đất”*.

Ngài Pháp Đạt nói: *“Con đã tụng ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa”*, ý nói Tổ chưa chắc đã tụng đến ba ngàn, tại sao con phải cúi đầu sát đất với Tổ, ý là khoe mà khoe như thế là chấp thủ vào cái ngã cho nên Tổ mới quở *“Như vậy là Pháp Hoa chuyển ông chứ đâu phải ông chuyển Pháp Hoa”*.

Khi phát hiện ra cái ngã tức ngã sở nên Ngài A Nan được Đức Thế Tôn dạy tới bảy lần chẳng qua là diệt bỏ cái chấp. Nếu chúng ta chấp rằng những lời Thế Tôn nói

trong kinh Thủ Lăng Nghiêm là có, là đúng thì chúng ta vướng ngay, tại vì Đức Thế Tôn chỉ phương tiện để mà trị bệnh thôi, tùy bệnh mà cho thuốc. Cho nên nếu chúng ta nói Đức Thế Tôn nói cái tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa cứ như thế đi mò là chúng ta lạc ngay vào trong rừng rậm không tìm được lối ra.

Thực chất bảy lần Đức Thế Tôn vấn Ngài A Nan chỉ có một cái duy nhất là chỉ cho chúng ta biết là chúng ta hãy buông bỏ cái chấp. Nếu chúng ta còn chấp chúng ta còn xa cửa đạo. Chấp ngã, chấp pháp, kiến chấp, ba thứ này thì chúng ta còn ở xa. Chấp ngã thì lập tức có ngã sở, căn, trần, thức khuấy động.

Người tụng kinh theo pháp Tịnh Độ nếu chấp rằng có ngã thì nói rằng ta tụng kinh hay hơn người khác, pháp ấy là pháp tụng kinh, ngã ấy là chính bản thân người tụng và như vậy là vướng không giải thoát được. Người ngồi thiền cũng thế, nếu nói rằng có pháp gọi là pháp ngồi thiền và có ngã là ta đang ngồi thiền thì lập tức vướng cho nên Đức Thế Tôn mới chỉ cho Ngài A Nan thực sự ra là chỉ cho chúng ta, nói rằng đừng chấp.

Ở trong kinh Kim Cang: phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, có nghĩa là cái gì có hình tướng thì đều là giả, không thực. Cho nên nói rằng không chấp là để cho chúng ta buông hết tất cả những cái chúng ta thấy, nghe,

ngủ tại vì đều là duyên sanh không thực. Đức Thế Tôn cũng nói phàm hữu ngôn thuyết giai phi thật nghĩa, có nghĩa là cái gì có lời nói ra được thì đều không có nghĩa thực tại vì cái thật không nói ra được chỉ mượn cái ngôn từ để nói thôi, chúng ta phải hiểu dụng ý đằng sau của Đức Từ Phụ thì chúng ta mới có thể tu học được.

Khi nói tới cái tâm thì thường thường người ta nói cái tâm nó ở trong. Thế thì Đức Thế Tôn hỏi Ngài A Nan khi con mắt thấy Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp khởi tâm ưa thích, thế thì cái tâm ở chỗ nào? Đức Thế Tôn hỏi bảy lần như thế và A Nan đều không biết nói sao, nói lúc ở trong, lúc ở ngoài, điều đó nói lên chúng ta chấp cứng ngặt **có cái tâm**.

Chúng ta học ở Vi Diệu Pháp cũng như duy thức học thì cái tâm là gì? Người ta nói tâm tham, tâm sân, tâm si, có ai nói tâm tâm không? Có nghĩa là cái tâm ấy phải gá vào một cái gì đó thì mới có tên. Có khi nào quý vị buồn hay giận mà không có lý do? Nó phải gá theo cảnh, có ai nói một câu gì đó mình không vừa ý thì lập tức mình khởi tâm sân, nếu có tiền rớt ngoài đường thì khởi tâm tham. Bình thường mình nói con tu rồi không có tham nhưng thử 12 giờ đêm vắng đi ngoài đường thấy cái túi rớt mở ra thấy có 10kg vàng, lúc bấy giờ mới biết tâm mình có tham hay không? Khởi lên một cái niệm ưa

thích cái vàng ấy là mình đã có tham rồi chứ không cần phải lấy, vàng của người ta không phải của mình tự nhiên khởi tâm ưa thích, rồi từ chỗ ưa thích sẽ dẫn dắt đến chỗ muốn thủ đắc cho nên mới khởi tâm tham, bởi thế cho nên tâm tham, tâm sân, tâm si đều có cảnh gá vào.

Trong bài thơ Tổng Biệt Hành (tác giả Thâm Tâm) có câu: “Đưa người, ta không đưa qua sông. Sao có tiếng sóng ở trong lòng?” vì mất cái cảnh nên mình buồn, cái tâm đi theo cảnh. Người tu hành luôn quán chiếu thấy rõ nhưng tìm được cái tâm không? Không bao giờ tìm được cái tâm đâu, chỉ khi nào dẹp bỏ được tâm vọng tưởng điên đảo, cái tâm vẫn gọi là tâm nhưng là tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm vọng, nếu nhìn thấy được nó thì tự nhiên tâm vọng mất. Tại vì phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng cho nên cái tâm có hình tướng đều là hư vọng, không thực và vì không thực nên chúng ta mới tu được, chứ có thực làm sao tu nổi.

Tâm tham, tâm sân, tâm si đều không thực vì do duyên sanh, khi biết rằng nó không thực thì chúng ta từ từ loại nó thôi, các loại tâm này khi nào nhìn thấy nó thì nó biến mất. Cho nên Phật hỏi A Nan bảy lần là để phá chấp, Đức Thế Tôn chỉ dùng phương tiện vì Ngài A Nan



ngĩ mình đa văn dựa vào đấđ không bước vào cửa đạo đượ cho nên Phật mới phá chấp ấy.

Ngài Triệu Châu có một công án rất nổi tiếng là con chó có Phật tánh hay không? Có một vị tăng đến hỏi Ngài Triệu Châu là: “*Con chó có Phật tánh hay không?*”. Ngài Triệu Châu nói: “*Không*”. Vị Tăng nói: “*Đức Thế Tôn đã từng dạy là chúng sanh đều có Phật tánh, con chó cũng là một chúng sanh tại sao Ngài Triệu Châu nói không có?*”.

Ngài Triệu Châu nói: “*Con chó có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ cho nên nó không thấy đượ Phật tánh, mà nếu có mà không thấy thì cũng như không*”. Cho nên ngài Triệu Châu nói là không có. Trong chúng ta cũng thế, cái nghiệp chính là sự huân tập có tác ý. Nếu chúng ta hằng ngày huân tập có tác ý tức là khởi lên ý rồi huân tập bị ô nhiễm, hễ bị ô nhiễm rồi thì bị che mờ bản thể thanh tịnh của chúng ta chỉ toàn là tâm vọng tưởng điên đảo cho nên không thấy đượ Phật tánh.

Ví dụ quý vị thấy mặt trăng đêm rằm sáng nhưng mà thấy có đám mây bay ngang thì mặt trăng tối đi. Chúng ta thường thường nói theo ngôn ngữ dân gian là mặt trăng tối nhưng thật sự mặt trăng không có tối. Đám mây có che ngang đi nữa thì mặt trăng cũng không tối tí nào.

Điều đó có nghĩa là bản thể thanh tịnh của mình vẫn thường hằng, trong sáng, rõ ràng nhưng vì tâm tham, tâm sân, tâm si khởi lên che mờ đi bản thể thanh tịnh của mình gọi là bấn lai diện mục hay Phật tánh, nó chỉ là cái để nhận diện ra thực tướng các pháp. Khi mình bị che mờ đi thì nói nó tối.



Thế thì hằng ngày nghiệp là gì? Là sự huân tập có tác ý, có nghĩa là quý vị khởi lên cái ý ưa thích, cái ý muốn làm cái này cái kia thì lập tức khởi lên cái niệm ấy gọi là nghiệp được huân tập hằng ngày và làm cho chúng ta quen.

Thế thì người nào huân tập luôn luôn ở gần chùa tụng kinh thì lúc nào cũng nghĩ thiện, thanh tịnh tập mãi rồi như tờ giấy trắng. Còn người nào ở gần chợ buôn bán thì đương nhiên bị ô nhiễm.

Nghiệp là sự huân tập có tác ý khởi lên một niệm là có tác ý rồi rớt vào trong cái nghiệp nó sẽ lôi kéo tại vì nghiệp là sự thừa tự và cũng là chủ, mình là chủ nó và mình cũng là thừa tự của nó. Mình tạo ra nghiệp và chính nghiệp cũng sẽ dẫn dắt mình đi không cưỡng lại được cho nên chúng ta cẩn thận không tạo ra nghiệp tức là không có đám mây che, không có tác ý.

Nếu muốn không có tác ý thì phải huân tập để bỏ nó đi cho nên phải tụng kinh, ngồi thiền, sám hối, đi, đứng, nằm, ngồi đều chánh niệm.

Trong Kinh Nikaya có bài pháp rất tâm đắc đó là không có pháp nào. Đức Thế Tôn dạy không có một pháp nào thù thắng kể cả bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, ba mươi bảy phẩm trợ đạo hay in kinh cúng dường, xây chùa, bố thí cho người nghèo... quý vị làm hết đi nhưng không có một pháp nào thù thắng.

Tức là làm thì được phước, có phước thì hưởng. In kinh thì có trí tuệ, cúng dường sau này không đói và giàu có nhưng những thứ này đưa quý vị trở lại sanh tử luân hồi vì những thứ ấy là phước hữu lậu, có nhân thì có quả cho nên Đức Thế Tôn nói rằng không có một pháp nào kể cả bố thí, trì giới, nhẫn nhục, in kinh v.v...không có một pháp nào quan trọng hết.

Pháp này rất quan trọng: “Người hành giả luôn luôn quán chiếu trong tâm mình khi một niệm sanh biết nó vừa sanh, khi một niệm diệt biết nó vừa diệt và luôn quán chiếu như thế đó là sự thành tựu thù thắng vô cùng”.

Ngài A Nan trong một buổi đến hỏi: “Bạch Đức Thế Tôn, người chết đi về đâu”. Đức Thế Tôn nói như thế này: “Này A Nan cái cây ngoài kia nghiêng về hướng nào” thì Ngài A Nan nói: “Bạch Đức Thế Tôn cái cây ngoài bìa rừng nghiêng về hướng Đông theo ánh sáng mặt trời”. Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp: “Vậy khi chết nó nghiêng về hướng nào”, A Nan trả lời: “Bạch Đức Thế Tôn khi cái cây sống nghiêng về hướng đông thì khi chết cũng đổ về hướng đông”.



Có nghĩa là tất cả những gì tác ý của quý vị, những việc làm của quý vị thì đều tạo nên duyên để cuối cùng nhân đưa ra quả. Cho nên khi sống quý vị làm cái gì thì khi chết nó như thế thôi, khi sống ô nhiễm thì khi chết ô nhiễm.

Đức Thế Tôn nói rất rõ có nghĩa là trong cuộc sống tu hành của chúng ta hằng ngày chúng ta luôn luôn quán chiếu trong tâm mình, khi một niệm sanh biết nó sanh, khi một niệm diệt biết nó diệt, khi một tâm tham nổi lên biết nó khởi lên thì ngay lập tức chúng ta đã loại trừ tất cả vọng tưởng điên đảo và tự nhiên nó lắng đi hết không cần phải dẹp.

Khi cố gắng dẹp nó là quý vị đã ức chế cái tâm mà ức chế tâm thì dễ bị đưa đến tẩu hỏa nhập ma nó không có ích lợi gì hết tại vì nó là mình, mình là nó cho nên ức chế nó là không được nên cứ để nó tự nhiên. Nó khởi lên cái niệm dâm thì biết nó xuất hiện, khởi niệm tham thì biết tham cứ nhìn nó như thế và lâu ngày rồi cái tâm mình sẽ thuần thực giống như chẵn trâu.

Mình chẵn con trâu thuần thực đến mức tự nhiên nó hiểu ý mình giống như người mục đồng leo lên lưng trâu không cần vỗ bên trái, bên phải để nó đi cho đúng đâu, tự nhiên nó đi đúng thôi giống như con chiến mã tự nhiên nó thấy bóng roi là nó biết hướng nào để đi.

Cho nên chúng ta cứ huân tập cái tâm, niệm nào vừa sanh biết nó vừa sanh niệm nào vừa diệt biết nó vừa diệt và cứ như thế Đức Thế Tôn nói phương pháp này thù thắng vô cùng, phương pháp ấy dẫn người hành giả ra khỏi sanh tử luân hồi tại vì khi biết được nó rồi thì không chấp cho nên **không chấp vọng cũng không chấp chơn**.

Ở trong Chúng Đạo Ca có câu: chẳng trừ vọng mà cũng chẳng cầu chơn tại vì vọng, chơn là hai phương pháp đối đãi. Nó là hai mặt của đồng tiền. Sóng và nước cũng thế thôi, sóng là nước và nước cũng là sóng, chẳng qua có gió là có sóng, chứ thật ra sóng với nước là một bởi thế cho nên khi quán chiếu mà không có phương pháp thì chúng ta sẽ nhận diện ra bản thể thanh tịnh của mình có nghĩa là Phật tánh, là chơn như tam muội có nghĩa là bản lai diện mục.

Ngài Huệ Minh đuổi theo Ngài Lục Tổ Huệ Năng để giành lại y bát thì đi tới nơi dỡ y bát lên không dỡ được cho nên mới quỳ xuống la lên: “*Tôi đến đây cầu pháp chứ không muốn giành y bát xin nói cho tôi nghe*”, lúc bấy giờ Tổ Huệ Năng mới xuất hiện, Ngài mới bảo như thế này: “*Nếu ông muốn nghe ta nói thì hãy ngồi yên lặng, buông hết không nghĩ thiện không nghĩ ác*”.

Tại sao nói không nghĩ thiện không nghĩ ác có nghĩa là đừng khởi lên vọng tưởng, nếu quý vị còn nghĩ thiện là còn vọng tâm tại vì hễ có thiện thì đương nhiên có ác, hễ có thanh là có tịnh. Thanh tịnh chẳng qua là đối đãi không có thực, đủ duyên sanh thì thanh cho nên đều là huyễn, buông hết, một niệm không sanh thì nơi ấy là cực lạc.

Trong kinh A Di Đà, niệm Phật một niệm không sanh nơi ấy là cực lạc, trí tuệ phát sinh thì nơi ấy không còn điên đảo vọng tưởng nữa, có nghĩa là không còn chấp nữa, thấy rõ ràng thực tướng của các pháp y như thế không sai chạy. Không khởi lên niệm phê bình, không thấy người ác khởi lên tâm buồn phiền chê trách, không thấy người ta nói sai, có sai có đúng chẳng qua mình bị huân tập trong môi trường, bối cảnh của mình rồi mình nghĩ rằng nó là sai, là đúng. Sai theo mình, đúng theo mình tùy theo góc độ, không gian, thời gian.

Có thể sáng quý vị nói việc ấy là đúng rồi cũng việc ấy mà chiều tối quý vị nói nó là sai, ngay trong chúng ta đã có suy nghĩ như thế rồi hướng gì đối với người ngoài, một người bạn mình nói câu ấy là đúng, kẻ thù cũng nói câu ấy. Chúng ta chê, nói nó sai thế thì chẳng qua nó có đối tượng, có đối đãi nó không thực mà chúng ta cứ chạy theo như thế thì vọng tưởng điên đảo, mà hễ vọng tưởng

điên đảo thì huân tập cho mình một cái tâm điên đảo. Cái tâm nó không thực cho nên chạy theo ấy là mình kẹt.

Bảy lần Đức Thế Tôn hỏi Ngài A Nan thực sự nói cho chúng ta biết là cái tâm nó không có, nó không nằm ngoài, không nằm trong, không nằm giữa đùng có chấp vào đây và cũng đùng có chấp vào lời Đức Phật. Phật nói là phương tiện vì Ngài A Nan đa văn ỷ mình là người học giỏi biết nhiều cho nên nói cái tâm chỗ này, chỗ kia. Vì muốn phá cái chấp cho nên Phật mới hỏi bảy lần để cho A Nan phải buông cái chấp, mục đích là phá chấp chứ không có nói gì hết. Cái vọng tưởng điên đảo mới là cái quan trọng và cái chấp nơi chỗ có thanh có trược, có đúng, có sai cho nên chúng ta mới kẹt.

Nếu chúng ta chấp rằng có thân, có pháp thì chúng ta phiền não, nếu chúng ta thực hành theo bài pháp mà Đức Thế Tôn dạy cho Ngài A Nan trong kinh Không Có Pháp Nào thì rất là thù thắng và pháp ấy cũng được diễn tả theo một ngôn ngữ khác trong kinh Pháp Cú phẩm Ngàn: Khi Đức Thế Tôn gặp ông Bahiya, ông này hỏi hai lần mà Đức Thế Tôn đều từ chối không trả lời vì ông rất là ngỗ nghịch cho nên Đức Thế Tôn hai lần không trả lời và không có đúng giờ tức là phi thời.

Tới lần thứ ba khi Đức Thế Tôn sắp sửa vào thành khát thực, ông Bahiya quỳ lạy ngoài đường và nói rằng:



*“Bạch Đức Thế Tôn con không biết chết lúc nào xin Đức Thế Tôn cho con một lời”. “Nếu nhà người thực tâm muốn tu học thì ta nói cho người nghe. Hãy luôn luôn quán chiếu trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái nghe chỉ có cái nghe, trong cái hiểu biết chỉ có cái hiểu biết”* có nghĩa là căn trần thức giao thoa nó không có thực. Nếu hiểu rõ rồi thì nó như không có gì để quan trọng hết.

Khi Đức Thế Tôn chứng đắc thì Ngài đi tìm năm anh em Kiều Trần Như giảng Tứ Diệu Đế, Đức Phật nói có sự khổ, nguyên nhân khổ, có cách diệt khổ và có đạo. Mục đích Thế Tôn nói cái khổ là gì? Là vì chấp cho nên mới khổ.

Thực tế Tứ Diệu Đế rỗng không, không có gì hết vì cái khổ gọi là Dukkha, Dukkha có nghĩa là trống rỗng, không có thực tướng nhưng vì chấp rằng nó có cho nên mới đau khổ.

Ngài chỉ nói là có sự khổ mà khi Ngài nói có sự khổ thì chữ Dukkha đó có nghĩa là cái sự khổ là trống rỗng, nó do duyên sanh vì nó trống rỗng cho nên cái khổ là không có thực mà mình chấp vào đấy là mắc kẹt.

Đức Thế Tôn rất thiện xảo Ngài tùy duyên, tùy phương tiện để độ cho nên thuốc là tùy người, không phải người nào uống cũng hết bệnh, khi gặp mười ngàn

đạo sĩ tu theo phái thờ lửa, Ngài nói trong các thứ lửa không có thứ lửa nào quan trọng bằng lửa tham, lửa sân, lửa si.

Sau khi nghe xong bài pháp thì mười ngàn người ấy đều chứng đắc bước vào dòng thánh. Đức Thế Tôn tùy theo căn cơ chúng sanh, tùy theo duyên sự mà nói; ở đây cũng thế, kinh Thủ Lăng Nghiêm chỉ cho chúng ta nên buông bỏ cái chấp chứ không phải nói cái tâm ở đâu vì cái tâm có ở chỗ nào đâu, hễ chỗ nào có cảnh thì gá vào do đó có tâm, thấy một cô gái quyến rũ thì nổi tâm dâm lên gọi là tâm dâm.

Ai chọc giận mình, nói gì mình không vừa ý thì khởi tâm sân, thấy của cải rớt ngoài đường thì khởi tâm tham; tức là phải có cảnh chứ không tự nhiên khởi lên cho nên tâm ấy là tâm giả, tâm không thực, cho nên Đức Thế Tôn nói vì nó không thực cho nên mới tu được.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rõ kẻ nào đi tu mà không thấy được tánh chẳng khác nào giống như lấy cát sỏi mà mong nấu thành cơm, chuyện ấy không thể nào có được tại vì không thấy tánh thì chúng ta chạy theo cảnh giống như đi chùa cầu được phước, cúng dường cũng mong cầu cho có phước, làm như vậy sẽ được phước vì trong kinh nói rất rõ ai in kinh, cúng dường, tụng kinh đều được phước nhưng tất cả những cái này là

nhân, nương theo cái nhân để được quả. Quả ấy khiến quý vị sanh trở lại cõi luân hồi này và tiếp tục hưởng cái quả ấy.

Một người hành giả tu theo Phật là buông hết tất cả, để ra khỏi sanh tử luân hồi mới là mục đích chính. Muốn thoát ly khỏi sanh tử luân hồi thì phải biết sanh tử luân hồi là gì, biết rất rõ nó là cái gì thì mới thoát ra được, mà muốn biết nó là cái gì thì phải có trí tuệ, muốn có trí tuệ thì phải một niệm không sanh, ở nơi một niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh, các pháp không sanh thì trí tuệ phát sinh. Các pháp đều là huyễn cho nên hiểu được rất rõ thì không chấp ngã, không chấp pháp, không chấp kiến.

Ngài A Nan tượng trưng cho đa văn là kiến chấp, hề kiến chấp là kẹt, là sinh ra phiền não. Ở trong Đại Trí Độ luận Ngài Phạm Chí Trường Trảo tới gặp Đức Thế Tôn hỏi Phật: *“Này Cù Đàm nếu có kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?”*. Phật trả lời: *“Kẻ ấy có thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp không?”*.

Ngài Phạm Chí Trường Trảo (cậu của Ngài Xá Lợi Phất) đến tranh đua với Đức Phật nói rằng kẻ không thọ các pháp tức là đối với pháp không dính mắc thì Phật lại hỏi nhưng mà kẻ ấy có thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp không? Có nghĩa là mình có nghĩ mình không

thọ các pháp hay không, kiến chấp là quan trọng. Nói rằng có cái Pháp không thọ nhưng có kiến chấp là mình có pháp không thọ hay không?

Phạm Chí Trường Trảo bí vì nêu nói rằng không cũng không được, có cũng không được, mới nói rằng: “*Này Cù Đàm kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*”. Tức là không dính mắc vào một cái pháp nào thì ông nghĩ sao, thế thì tuyệt vời rồi chứ gì nhưng mà không, Đức Thế Tôn khai thị từ bi ngài nói liền: “*Nhưng kẻ ấy có thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp hay không?*” ngay chỗ này như con chiến mã, Ngài Phạm Chí Trường Trảo thấy bóng roi biết đi đúng đường lập tức quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn và thưa: “*Nhưng nếu kẻ ấy không thọ kiến chấp là mình không thọ các pháp thì Cù Đàm nghĩ sao?*”



Lúc bảy giờ Thế Tôn nói: “*Như thế thì nhân ngã bình đẳng, ta và nhà người bình đẳng hà có gì mà nhà người cóng cao ngã mạn lại đây la lối?*.” Tại vì nếu không thọ kiến chấp thì ta với người bình đẳng, vạn pháp đều bình đẳng tại vì mình chấp, chấp ngã, chấp pháp, chấp kiến cho nên mới có sự phân biệt có cao có thấp.

Nếu quý vị chấp có giảng sư, có người ngồi nghe thì lập tức quý vị có phân biệt, từ chỗ phân biệt là quý vị rớt, còn nếu quý vị thấy vạn pháp bình đẳng giảng sư và quý vị cũng là một chẳng có gì khác hết thì quý vị thấy rõ các pháp bình đẳng và như vậy mới gọi là thù thắng.

Trong bài pháp không có pháp nào Đức Thế Tôn nói rất rõ không có một pháp nào thù thắng kể cả bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định v.v...những thứ này là pháp hữu lậu, quý vị làm bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu, quý vị cứ làm thiện đi sẽ tiếp tục quay lại cõi trần để hưởng nữa nhưng không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi cho tới khi nào quán chiếu trong tâm mình một niệm sanh biết nó sanh, một niệm diệt biết nó diệt và cứ liên tục quán chiếu trong từng sát na thì cách ấy là thù thắng.

Có nghĩa là gạn lọc được hết tất cả những vọng tưởng điên đảo tự nhiên nó biến mất, mà biến mất rồi thì bản thể thanh tịnh nó hiện ra giống như mặt trăng không có mây che nữa. Phật tánh của mình vẫn hiện hữu nhưng

chúng ta không thấy nó là tại bị che mờ bởi tham, sân, si. Khi chúng ta biết một niệm tham nổi lên thì nó sẽ biến mất không làm hại gì được mình.

Cũng trong Đại Trí Độ Luận, cuộc tranh luận giữa pháp sư Hỷ Căn và Ý Căn. Ngài Ý Căn nói: “*Dâm, nộ, si là phải tránh xa tại vì nó làm não loạn người tu*” nhưng ngược lại ngài pháp sư Hỷ Căn nói bản chất của dâm, nộ, si là duyên sanh, dâm không thể nào tự nhiên, dâm phải có đối tượng, nộ và si cũng thế.

Các pháp do duyên sanh thì đều như huyễn không thực thì tại sao phải sợ nó, chỉ cần quán chiếu được mặt mũi của nó thôi thì đương nhiên nó không làm não loạn được, tự nhiên nó biến mất thôi.

Tham, sân, si là ba tên trộm không phải cướp, nó rình mình sơ hở là lẻn vào nhà mình chứ không phải đem súng ống vào nhà mình để lấy của. Cho nên Phật tánh của mình là sáng trưng, nếu như mình rình từ ngoài cửa thì nó trốn mất tiêu đâu có vào nhà mình được, có nghĩa là lúc nào ta cũng canh chừng cái niệm ở trong tâm khi một niệm sanh ra phải quán chiếu liền ngay lập tức trong từng sát na niệm gì sanh chỉ cần biết thôi cũng đừng cưỡng chế dẹp bỏ vì nếu cưỡng chế là ức chế tâm, là gom năng lượng lại thì nó phản ứng lại, bùng lên cho

nên người ngồi thiền cũng như thế, ngồi xuống lập tức quán chiếu.

Bảy lần Phật vấn A Nan chỉ nói:

1. Hãy buông bỏ những kiến thức của thế gian thì mới bước vào cửa đạo
2. Không còn chấp nữa nếu còn chấp đúng, chấp sai, chấp có chấp không tất cả đều rớt

## **Phật Pháp Vấn Đáp**

**Câu hỏi:** Hiện tại con không biết mình tu tập như thế nào hết, con muốn tìm cho mình một pháp môn phù hợp để tu tập. Sau khi con nghe thầy giảng cho con hỏi nếu như hiện tại con chỉ quan sát tâm, theo dõi tham, sân, si nổi lên hay những tập khí từ trước giờ tiềm ẩn bên trong mình đủ duyên là nó khởi lên thì con quán chiếu theo dõi như vậy thôi, không gây phiền não cho người khác, con chỉ tu tập vậy thôi. Con không có chọn một pháp môn nào, không có nguyện về Tây Phương hay trở lại Ta Bà. Con xin thầy chỉ dạy thêm, thành kính tri ân thầy.

**Trả lời:** Ở trong kinh có nói như thế này vì chúng sanh có tới tám vạn bốn ngàn (pháp uẩn) cho nên có nhiều phiền não, tự (pháp uẩn) nó sanh ra phiền não cho nên Đức Thế Tôn mới chế ra tám vạn bốn ngàn pháp môn để

cho chúng sanh tu học. Có nghĩa là tùy theo căn cơ chúng sanh, sự thích ứng với mỗi pháp môn có lợi lạc cho người nào thì người ấy tu.

Tu bất cứ cái nào cũng đều thành tựu hết. Ngày hôm nay chúng ta mới học Phật vấn A Nan 7 lần để cho chúng ta biết rằng Đức Thế Tôn phá chấp, nếu chúng ta còn chấp thì chúng ta không thể nào bước vào cửa đạo.

Tại sao chấp vào một pháp môn và nếu đi theo pháp môn ấy thì mới thành tựu tức là có chấp là có ngã, có cách tu mới thành tựu như vậy là chấp cứng ngắc nên chúng ta bị kẹt.

Ví dụ quý vị đi vào nhà hàng đói bụng muốn ăn, nhà hàng đưa ra thực đơn đầu tiên, trong cái thực đơn đó có hàng trăm món ăn, quý vị có gọi hết cả trăm món ăn đó để ăn không, chắc chắn là không. Quý vị gọi một món thôi, cũng vậy đối với pháp môn tu, thấy cái nào hợp thì tu cái đó và kiên trì đi đến nơi đến chốn.

Ví dụ niệm Phật thì đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật, trú tâm vào lục tự Di Đà và như vậy thì thù thắng, là lợi lạc tới cuối cùng quý vị không niệm nữa mà tự nhiên trong đầu đều niệm mà không cố ý niệm thì đã bắt đầu đạt được loại trừ vọng tưởng điên đảo.



Cũng như thế có vô số phương tiện có người quán tứ niệm xứ, quán hơi thở, quán tướng mặt biển, ... quý vị cứ thử chọn cho mình thấy cái nào hợp thì làm, cũng không cần phải đi chùa, tụng kinh, nếu biết quán chiếu cái tâm mình cái nào sanh biết sanh, cái nào diệt biết diệt, khi tham biết tham, khi sân biết sân và khi nó mất đi cũng biết.

Nếu làm được như vậy thì Đức Thế Tôn nói thù thắng vô cùng đưa đến liễu đoạn sanh tử tại vì khi trú vào ấy rồi thì không có một niệm nào sanh nữa thì trí tuệ phát sinh, ở nơi trí tuệ phát sanh thì ba đời chư Phật mười phương đều sanh ra và trưởng dưỡng.

Duy tuệ thị nghiệp là ở chỗ này, đi tu mà có trí tuệ là thù thắng, nhứt tâm bất loạn thì trí tuệ phát sinh nhìn rõ thực tướng các pháp rõ ràng. Khi đã thấy rõ thực tướng các pháp rồi thì không thương không ghét, không buồn không giận nữa và tự nhiên thông dong tự tại, tới lúc mình chết mình muốn đi đâu thì đi cũng không phải quyến luyến phải quay trở lại cái nhà của mình, cõi này hay cõi nào, tự nhiên không vương mắc nữa.

Ở trong kinh Kim Cang nói rất rõ (ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm) có nghĩa là nếu tâm không còn vương mắc một cái gì nữa thì Phật tánh sẽ hiển lộ. Cứ thử quán chiếu cái tâm của mình thì hay vô cùng.

**Câu hỏi:** Trong một kiếp này nếu căn cơ thấp không đạt tới giải thoát, khi mình chết thì mình cũng không chắc đi về đâu, nhưng nhiều đời mình đã gieo những nhân không tốt thì mình cũng đi tái sinh lại nhưng từ bây giờ trở về sau con tu tập như vậy thì khi chết con tái sinh trở lại có gặp được Phật Pháp nữa hay không. Con muốn tu tập làm sao mà Phật Pháp vẫn ở trong mình cho dù có tái sinh ở bất cứ chỗ nào đi nữa, con không phải sợ bị đọa hay đi về đâu nữa.

**Trả lời:** Điều thứ 1 không khởi lên niệm mong cầu vì mong cầu là có vương mắc gọi là trú trong cái mong cầu ấy chính là vọng tưởng điên đảo thì sẽ bị kẹt. Cho nên tu thì cứ tu không mong cầu về Cực Lạc, không mong cầu sanh thiên, không mong cầu được phước, làm thiện vẫn cứ làm, bố thí, in kinh vẫn làm nhưng không mong cầu. In kinh là sẽ có trí tuệ thôi vì Đức Thế Tôn đã dạy như vậy, kẻ nào xây chùa, cúng dường Tam Bảo thì sẽ có phước nhưng mà mình đừng quan tâm tới.

Có khi nào mình đói bụng mà nói tôi sẽ đi nấu món này, món kia ăn, không quan tâm, cứ đói thì ăn, khát thì uống cái đó gọi là bình thường tâm thị đạo, đói ăn khát uống mệt ngủ khi.

Nếu tu giữ tâm thanh tịnh như vậy và quán chiếu thường xuyên biết cái nào sanh, diệt thì là thù thắng. Có một

pháp rất quan trọng cho hành giả nữa là khi hơi thở ra mà không thở vào nữa là chết. Cái thân của mình nếu chỉ có thở ra một hơi mà không hít vào được nữa thì coi như xong, thế thì pháp tu tập hơi thở rất quan trọng.

Hơi thở không điều hòa là cái tâm không theo hơi thở tức là mình chú tâm theo lời nói, cảm xúc, cảm thọ và như vậy không có lợi lạc cho nên hãy quán chiếu hơi thở: thở ra biết thở ra, thở vào biết thở vào, thở ít biết thở ít, thở dài biết thở dài, thở sâu biết thở sâu, luôn luôn quán chiếu hơi thở. Đi, nằm, ngồi cũng phải quán chiếu hơi thở và cứ như vậy.

**Điều thứ 2:** kiếp này quý vị gặp được Phật Pháp thì cứ tin đi kiếp sau sẽ gặp được Phật Pháp nữa, muốn cho chắc ăn nên thọ Tam quy Ngũ giới thì đời sau chúng tử này cũng sẽ mọc lên cây thối.

Có một ông lão thời Đức Thế Tôn tới xin vào Tăng đoàn, Ngài Xá Lợi Phất quán chiếu 500 kiếp thấy ông này trong 500 kiếp không có gieo một điều gì dính líu đến tới phật pháp cho nên đuổi ông đi. Ra sông Hằng định nhảy xuống tự tử thì gặp Đức Thế Tôn đi ngang hỏi, ông già đáp: *tôi vào Tăng đoàn của ông Cổ Đàm tôi xin tu mà người ta đuổi tôi ra.* Phật quán chiếu 80 ngàn kiếp, ông già này trong một lần ở trong rừng ông bị con cọp rượt, ông leo lên cây rồi con cọp cắn ở dưới cây, ông hết

hồn mới la lên *Mô Phật, Mô Phật*, ông chỉ có nói thế thôi con cọp bỏ đi.

Ông này đã có niệm *Mô Phật* tức là đã có gieo duyên với Phật pháp cho nên Đức Thế Tôn mới nhận ông, ông già đi với tôi vào Tăng đoàn, tôi nhận ông cho. Thế thì ông già không tin, *tôi đi vào đấy rồi Ngài Xá Lợi Phất đuổi tôi ra, ông là cái gì mà ông nhận tôi*. Đức Phật nói *ta là Như Lai đây, Cồ Đàm đây*, ông già đánh lễ Phật, khi vào Tăng đoàn cuối cùng ông già chứng A La Hán.

Đức Thế Tôn độ hết từ người nghèo đến giàu, từ người ngu đến thông minh, từ thường dân cho đến quyền quý, từ người sang đến người hèn, không có người nào mà Ngài không độ cho tới cuối cùng người không niệm được *Mô Phật* thì Ngài cũng giao cho cây chổi quét sân, quét chổi sạch bụi, cái bụi bay lên hất vào mũi ông hất xì ông té xuống chứng đắc A La Hán. Tất cả những điều này nói tất cả pháp môn đều thù thắng.

Là con Phật thì phải quyết tâm tu, tinh tấn hành trì, không nên xao lãng vì vọng tưởng điên đảo xen vào thôi. Bất cứ pháp môn nào cũng chỉ là phương tiện, là ngón tay để người hành giả thấy mặt trăng, là cái bè để hành giả qua sông. Nếu không bước lên bè thì làm sao sang sông nên phải tinh tấn hàng giờ và đừng sợ kiếp sau

không gặp được phật pháp nếu quý vị đã thọ tam quy ngũ giới rồi là đã gieo duyên với Phật pháp.

**Câu hỏi:** Khi làm những công đức như bố thí, cúng dường, tụng kinh thì phải nguyện và hồi hướng cho điều nguyện đó nhưng con chưa có làm, cũng không có hồi hướng, sau mỗi thời tụng kinh con hồi hướng cho con và tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo. Con xin thầy giảng dạy cho con hiểu.

**Trả lời:** Đạo tràng đã học kinh Nikaya, Pháp Cú, Pháp môn tịnh độ, kinh Duy Ma Cật, chỉ có mục đích là quay trở lại quán chiếu cái tâm và thấy rõ tâm của mình thì các pháp hành đi theo mà được thù thắng, được lợi lạc, có thể thôi.

Ngày xưa vua Lương Võ Đế cất 82 kiếng chùa, in hàng trăm ngàn quyển kinh, cúng dường cả chục ngàn Tăng Ni gặp Tổ Đạt Ma hỏi ta làm những việc như thế có chút công đức nào không, Tổ trả lời không có một chút nào hết.

Tại vì làm mà có mong cầu thì có phước hữu lậu nhưng nói có công đức do tâm thanh tịnh thì không. Cho nên khi mình làm không có mong cầu gì hết làm tự nhiên với tâm thành thấy người ta đau thì cho thuốc, thấy người ta đói cho cái bánh không cần mong cầu để được phước,

tại sao thế, tại vì thấy người ấy là chính mình, ngày nào mình cũng sẽ đau thôi, cũng sẽ chết thôi. Khi mình hiểu được như vậy thì mình làm việc thiện rất thông dong, chính ngay chỗ thông dong đó là đạo, chỗ không chấp là đạo.



## BÀI 4: BẢY LẦN PHẬT VẤN A NAN - TÂM

Trong bài trước chúng tôi đã có trình bày sơ lược với bạn về 7 lần Phật vấn A Nan. Lần thứ nhất cũng chỉ nói sơ lược là khi ngài A Nan bị ngộ nạn con gái Ma Đăng Già, xem chút nữa mất giới thể thì quay trở về thì Đức Thế Tôn có hỏi là ông vì nguyên do gì mà ông đi tu, ở ngoài đời sung sướng, là em vua có quyền chức vừa đẹp trai. Tại sao lại ông bỏ hết để ông đi tu? Ngài A Nan mới nói rằng tại vì con thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vì con suy nghĩ rằng đó là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp ấy không thể nào có từ nơi sự dâm dục của thế gian mà có được mà phải do một sự tu học chúng đắc. Và vì con thấy như thế, con suy nghĩ như thế cho nên con đi tu để mong có được ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

Đức Thế Tôn hỏi ngay: “*Nếu ông nói rằng ông thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và ông khởi tâm ưa thích để rồi ông đi tu. Vậy thì ông lấy cái gì để mà ông thấy và ông lấy tâm thì tâm ưa thích thì tâm ấy ở đâu?*”. Ngài A Nan nói con mắt thấy, và tâm nó khởi lên ưa thích. Thế thì bảy lần Phật vấn A Nan, Phật hỏi “Con mắt nó nằm ở chỗ nào thì A Nan không biết, rồi hỏi tâm nó ở đâu thì lúc nói nằm ngoài, nằm trong, lúc nằm chạng giữa.

Điều mà Đức Thế Tôn nói rằng là con mắt nó ở đâu và tâm nó ở đâu? Hỏi A Nan bảy lần như thế thì không có nghĩa là Phật nói rằng tâm nó nằm ở chỗ nào. Ngài A Nan nói nó nằm ngoài, nói nó nằm trong, nói nó nằm chặng giữa. Mục đích của bảy lần Phật vấn A Nan là chỉ có một mục đích duy nhất là phá chấp. Tại vì ngài A Nan chấp rằng con mắt nó nằm ở trên mặt và con mắt nó mới thấy, có con mắt thì mới thấy không có con mắt không thấy. Cho nên là Phật mới hỏi 7 lần để phá chấp. Chấp vào tướng, chấp vào vị trí, chấp vào kiến thức của ông ấy. Ngài A Nan chấp rằng với kiến thức đa văn của Ngài thì con mắt phải nằm trên mặt và tâm phải nằm trong lẫn ngoài.

Rồi bảy lần được hỏi đều không biết nó nằm chỗ nào. Nếu nói rằng nó nằm ở ngoài thì nó phải thấy mặt ta, tại sao tâm nó không thấy mặt ta. Nếu nói là tâm nó nằm ở trong thì phải thấy ruột gan, phèo phổi, tại sao nó không thấy ruột, gan, phèo, phổi? Nó không biết. Thế thì tâm nằm ở chỗ nào? Cho nên khi ngài A Nan nói rằng Con lấy mắt để thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và con khởi tâm ưa thích thì Đức Thế Tôn hỏi: “*Tâm nó nằm ở đâu?*” và cuối cùng đều không biết.

Đức Thế Tôn chỉ dùng bảy lần vấn ngài A Nan về tâm để phá chấp của ngài A Nan. Tại vì ngài A Nan nói rằng



là có con mắt mới thấy được. Thế thì chúng ta thử nghĩ xem có con mắt có thấy được không? Bây giờ người chết thì con mắt vẫn còn đấy. Nhưng hỏi người chết có thấy không? Thứ nhì, nếu nói là lấy tâm để ưa thích thì tâm ấy nó nằm ở chỗ nào? Nó nằm ngoài thì nó phải thấy mặt của ta. Nếu nó nằm trong nó phải thấy ruột gan, phèo, phổi. Như vậy, tất cả bảy lần mà Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan rồi ngài A Nan đưa bảy giải đáp đều sai hết.

Nếu bạn không biết tâm của bạn thì trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ, nếu người đi tu học mà không biết được tâm, tánh của ta hình tướng ra sao thì cũng như lấy cát, sỏi mong nấu thành cơm. Chuyện ấy như là lông rùa sừng thỏ, không bao giờ có được.

Bạn đi làm đủ mọi thứ chỉ được chút xíu phước hữu lậu, đi bố thí thì được phước, in kinh thì được thông tuệ, tụng kinh nhiều được thông minh. Nhưng kiếp sau sẽ quay trở lại để tiếp tục tu, tiếp tục có chồng đẹp trai, nhà giàu có, vợ xinh xắn. Còn nếu ai đi tu thì mau lên chức, thay vì đang là Sư cô thì nên Ni sư, ai làm Đại Đức thì lên Thượng Tọa, mau chóng có chùa lớn, đại khái có phước.

Nhưng nếu nói rằng tu để mà liễu đoạn sanh tử, tu để ra khỏi tam giới e rằng còn lâu lắm, vì không thấy được tánh, không thấy được tâm. Mà tu Phật tức tu tâm, trong

tâm đã có Phật, cho nên nếu không thấy được nó thì coi như là lông rùa sừng thỏ và làm chuyện lấy cát sỏi mong nấu thành cơm.

Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan bảy lần tâm nằm ở đâu, con mắt nằm ở đâu thì nên nhớ rằng không phải Đức Thế Tôn muốn nói rằng con mắt nằm ở chỗ này hay chỗ kia mà cũng không phải Đức Thế Tôn muốn nói tâm nó nằm ở trong hay ngoài mà ý của Đức Thế Tôn, lời nói của Đức Thế Tôn chỉ là phương tiện để phá chấp của ngài A Nan, ngài A Nan nói rằng con mắt ở trên mắt và nếu không có con mắt thì không thấy mà nếu không thấy không khởi tâm ưa thích, không ưa thích thì không có tu.

Đức Thế Tôn hỏi như vậy để chỉ cho ngài A Nan biết rõ rằng những điều ngài A Nan suy nghĩ, những điều ngài A Nan chấp đều sai, nó không có thực. Và ngay cả những điều Đức Thế Tôn nói để phá chấp của ngài A Nan cũng không thực luôn. Nó chỉ là phương tiện, không phải là chân lý.

Cho nên nếu bạn nói rằng những điều của Đức Thế Tôn nói ở trong 7 lần Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan là kinh điển là sự thực, chân lý, là bạn cũng sai luôn. Tại vì nó không thật, chẳng qua Đức Thế Tôn hỏi như thế là vì ngài A Nan nói rằng con lấy mắt để thấy ba mươi hai

tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp và con lấy tâm ưa thích để mà đi tu. Thấy có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, cho nên mới khởi tâm ưa thích và đi tu. Vì ngài nói như thế cho nên Đức Phật mới vận dụng hỏi 7 lần để chỉ cho ngài A Nan thấy rằng ngài A Nan đang chấp.

Thế thì câu hỏi của Đức Thế Tôn là để thay vì trả lời cho ngài A Nan là con mắt là đâu, tâm ở đâu thì Đức Thế Tôn bằng một phương pháp khai thị là Ngài hỏi ngược lại và vì hỏi ngược lại cho nên ngài A Nan phải động tâm suy nghĩ động não cho nên mới hiểu được vấn đề.

Có nhiều cách để chuyển tải một bản tin. Có đôi khi nói hết, có đôi khi nói hé mở, có đôi khi nói ngược lại, nói sai để cho người ta phải suy nghĩ, để rồi cuối cùng người ta tìm được chân lý và có nhiều khi phải đẩy người ta vào trong cái thế, người ta bất mãn, người ta bực bội từ chỗ bất mãn, bực bội thì người ta mới hiểu tâm bực bội nó ở đâu mà có, tâm bất mãn ở đâu mà có và chính vì như vậy thì nó mới thù thắng, tức là gặt hái được kết quả là chính.

Bởi thế, cho nên chuyện mà ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già rồi Đức Thế Tôn hỏi 7 lần. Nếu bạn chấp rằng những lời của Đức Thế Tôn là sự thực, bạn cũng sai. Chỉ vì nhân duyên ngài A Nan không biết tâm ở đâu, không

biết con mắt ở đâu cho nên Đức Phật mới hỏi thế thôi, cho nên những ấy cũng không thực. Những câu hỏi của Đức Thế Tôn cũng không thực. Vì nó là phương tiện có nhân duyên mà hễ cái nào do nhân duyên sanh thì như huyễn, nó không thực, nó là phương tiện.

Chúng ta đã biết rằng tâm không nằm trong, không nằm ngoài, con mắt nó không nằm ở trên mặt, tại vì con mắt nó chẳng qua là cửa sổ thôi, để cho căn trần giao thoa rồi nó mới sinh ra thức.

Thức là cái biết, biết theo kiến thức, biết theo nhận biết của căn và trần, tức là căn nó không nằm ở trên con mắt. Cho nên nói rằng nhãn căn thì có nhiều người nói là con mắt như vậy không đúng. Nhãn căn không phải là con mắt. Nhãn căn là con mắt thì nó phải biết?

Đức Phật đã hỏi ngài A Nan: “*Tâm nó nằm ở đâu?*” Cuối cùng ông nói nó nằm ở đằng sau con mắt. Thế thì, Đức Thế Tôn nói nếu nằm sau con mắt thì con mắt phải thấy nó chứ? Tại sao không thấy? Cho nên cái gọi là nhãn căn chỉ là danh từ, tên gọi mà thôi.

Khi bạn thấy một vật gì thì lập tức bạn nhận diện ra nó liền phải không? Thế thì cái gì làm cho bạn biết cái đấy là cái gì?

Thí dụ bạn thấy một con chó đi ngang, lập tức bạn biết đây là con chó không có sai, không thể nào nói đó là con mèo, không thể nào nói đó là con rắn, không thể nào nói đó là con người, mà dứt khoát bạn sẽ nói nó là con chó.

Thế thì cái gì làm cho bạn biết nó là con chó? Có phải con mắt không? Thứ nhất là con mắt. Thứ nhì là nhãn căn. Thứ ba là con chó. Thứ tư là ánh sáng và thứ năm là cái thức, tức là nhận biết, được ghi nhận, được nhồi sọ từ nhỏ tới lớn.

Lúc mới sinh ra, bố mẹ bảo đó là con chó, bạn bè nói là con chó lớn lên đi học, ông thầy nói là con chó, hàng xóm nói con chó thì ta nghĩ nó là con chó, bị nhồi sọ trong đấy và không bao giờ ta chắt vắn ta có thực sự nó là con chó hay không?

Ở trong bài kinh Kalama Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Này người Kalama, chớ có tin điều gì chỉ vì được nghe điều đó nhiều lần; chớ có tin chỉ vì đó là truyền thống; chớ có tin chỉ vì đó là lời đồn đại; chớ có tin chỉ vì điều đó đúng với sách vở hay kinh điển truyền tụng; chớ có tin chỉ vì nó nghe có vẻ hợp lý; chớ có tin chỉ vì điều đó phù hợp với một hệ thống triết lý, tư tưởng; chớ có tin chỉ vì lý luận logic và suy diễn; chớ có tin chỉ vì điều đó phù hợp với quan điểm của ta; chớ có tin chỉ vì*

*người nói điều đó có vẻ là người đáng tin; chớ có tin chỉ vì người đó là thầy của ta. Nhưng này người Kalama, khi nào các con tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc”, thời này người Kalama, hãy chứng đạt và an trú!”. Hãy áp dụng những điều ấy giống như người thợ bạc thử vàng trong cuộc sống và trong con đường tu học. Nếu nó đem lại lợi lạc cho bản thân ta, cho con đường tu học thì ấy là chân lý. Còn nếu người ta nói ông Phật nói như thế này, kinh sách nói như thế này, đa số nói như thế này thì cũng đừng có tin.*

Cho nên thức bị nhồi sọ. Chúng ta tưởng rằng đó là cái biết nhưng không phải! Bị nhồi sọ. Thế thì thực sự biết nó nằm ở đâu? Con mắt, nếu nói rằng con mắt thấy thì người chết nó cũng có con mắt, nhưng tại sao không thấy? Thế rồi nói người mù, người mù có thấy không? Rồi, thế thì con mắt ở chỗ nào và nhãn căn nằm ở chỗ nào và cái biết nằm ở chỗ nào?

Trong Phẩm Ngàn kinh Pháp Cú có một đoạn ông Bahiya hỏi Đức Thế Tôn hai lần. Đức Thế Tôn đều từ chối, nói nhà người hỏi phi thời tức là không đúng lúc, cho nên từ chối không trả lời.

Tới lần thứ ba, khi Đức Thế Tôn vừa mới đắp y xong sắp sửa đi vào thành khất thực thì ông chặn ngay giữa đường, ông nói: “*Không biết con ngày mai còn sống hay không. Con khẩn khoản và thiết tha mong Đức Từ Phụ Đức Thế Tôn là ngài Cô Đàm hoan hỉ từ bi dạy cho con một câu, một phương pháp để con tu học. Con chỉ xin thế thôi*”. Đức Thế Tôn nói như thế này: “*Này hiền giả, nếu nhà người thật sự muốn tu thì ta nói cho nhà người nghe. Trong cái thấy, chỉ có cái thấy hãy suy nghĩ như vậy, hãy quán chiếu như vậy đi. Trong cái thấy chỉ có cái thấy. Trong cái nghe chỉ có cái nghe. Trong cái hiểu biết, chỉ có cái hiểu biết.*”

Ông Bhiya nghe được như thế, ông cứ tâm niệm như thế và ông đắc quả La Hán.

Tại sao? Tại vì ông thấy rất rõ: trong cái nghe chỉ có cái nghe, trong cái thấy chỉ có cái thấy, và trong hiểu biết chỉ có cái hiểu biết, cho nên nói rằng ta thấy và cái ta thấy là ta biết là hoàn toàn sai. Có nghĩa là không có ngã, ngã sở ở trong ấy, mà chỉ có sự thấy, Đức Thế Tôn dạy như thế.

Cho nên nếu quán chiếu được thì biết rõ ràng. Thí dụ bạn thấy một con chó đi ngang là nhờ con mắt và ánh sáng và từ nhỏ tới lớn ta đã được nhồi sọ. Bố mẹ, bạn

bè, anh chị em đều nói con đây là con chó cho đến khi ta nhìn thấy nó lập tức ta nói con chó.

Những cái ta thu lượm ở trong bộ não của ta để cuối cùng khi ta vừa nhìn thấy là ta nói con chó. Thế thì những thông tin được lưu trữ ở trong đầu đầu phải của ta. Mọi người đều nói như thế, ta bị nhồi sọ, ta giữ trong đầu ta cứ ngỡ rằng nhận thức, cái biết được, cái ấy là con chó, do ta có con mắt và ta có kiến thức. Nhưng mà ta quên một điều là từ nhỏ tới lớn ta đã được nhồi sọ từ môi trường xung quanh cha mẹ, anh chị em, thầy giáo nói đó là con chó. Cho nên khi ta nhìn thì ta nói là con chó. Ta nghĩ là ta thông minh vì ta đã thấy con chó, nhưng thực tế ta chỉ là một thùng rác thông tin. Lượm lặt lại tất cả những cái người ta nói.

Đức Thế Tôn dạy cho ngài Bihaya ở trong Phẩm Ngàn, trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái nghe chỉ có cái nghe. Cái gọi là thức là không thực. Ta cứ ngỡ rằng chúng ta suy nghĩ, có kiến thức nhưng không đúng, chỉ là thông tin lượm lặt. Nó chỉ là đối tượng, để cho một sự nhận thức mà nhận thức ấy không có thực, tức là sao? Có nghĩa là duyên sanh. Nó vì có các điều kiện như thế, tức là cha mẹ, anh chị em môi trường thời gian là những điều kiện; thuật ngữ nhà Phật gọi là duyên.



Đối với ngôn ngữ toán học gọi là điều kiện cần và đủ, là điều kiện, hễ có đủ điều kiện thì phát sinh ra vật ấy. Trong thuật ngữ nhà Phật thì gọi là duyên. Mà cái gì do duyên sinh là như huyễn, không thực. Nếu các pháp nào mà do duyên sanh thì đều là như huyễn.

Đức Thế Tôn đã dạy là Vạn Pháp Do Duyên Sanh. Nghĩa là không có pháp nào mà thấy có hình tướng không do duyên sanh. Các pháp đều do duyên sanh. Đức Thế Tôn khẳng định như vậy. Và nó đúng như vậy.

Nước là H<sub>2</sub>O, khí là nó cũng có đầy đủ nhân duyên, bạn thấy cái bàn là nó cũng đầy đủ các yếu tố trong ấy, không phải tự nó mà có, nó có nhiều yếu tố, cho nên hễ có nhiều yếu tố cộng lại ngay lập tức nó là duyên sanh mà hễ duyên sanh là không thực.

Tự tánh nó là không có nhưng mà chẳng qua nó gom các yếu tố lại, cơ thể bạn cũng vậy, đất nước gió lửa bốn thứ chính, có chỗ thì nói 7, thất đại hay tứ đại cũng được, nhưng mà đại khái là nó đều do các yếu tố cộng lại, mà nếu đều do các yếu tố cộng lại thì vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt.

Mà hễ vạn pháp do duyên sanh thì giống như người Huyền Sư tạo ra huyễn sự, ảo thuật gia, bày đồ chơi ra chơi vậy thôi, nó không có thực. Mà nếu nó không có

thật rồi mà ta cứ nói nó thật thì cái ấy gọi là thức. Cái thức đó là giả danh, gọi nó là thức thôi, để cho dễ hiểu.

Thí dụ, nói nhãn căn là con mắt ư? Người chết cũng vẫn có con mắt, tại sao người chết không thấy. Thế thì người mù có con mắt không? Người mù nó vẫn có con mắt, nhưng mà con mắt nó không thấy được thôi. Tại vì dây thần kinh nối với con mắt không có, con mắt chỉ là cửa sổ, trong con mắt có cái gọi là đồng tử. Trong đồng tử, nó có võng mạc, võng mạc là những tấm phim của máy chụp hình. Nó ghi nhận hình một cách ngược, tức là những gì mà bạn thấy đứng trong máy chụp hình thấy ngược, võng mạc của đồng tử trông đồng tử của ta cũng y như thế. Những gì mà bạn thấy ở ngoài đường đều xoay ngược lại, nhưng tại làm sao bạn vẫn thấy con người đứng, thấy cái nhà đứng mà không có ngược? Vì nó có sợi dây thần kinh từ võng mạc, dẫn lên não. Trên não có một trung tâm gọi là trung tâm thị giác thần kinh, tức là trung tâm ghi nhận dữ liệu tất cả các tín hiệu ở trong trung tâm đấy.

Trên não nó có những trung tâm thính giác thần kinh, trung tâm thị giác thần kinh, thính giác để nghe và thị giác thì để thấy cho nên trung tâm thị giác thần kinh là một khu thần kinh ở trên não, nếu khu thần kinh nó bị

hủy hoại thì đâu có con mắt đi chẳng nữa vẫn không thấy.

Bởi thế cho nên người mù là người có con mắt, nhưng vì trung khu thần kinh thị giác của họ bị hỏng. Đối với những người mù mà nếu vì võng mạc bị hư mà trung tâm thị giác thần kinh vẫn còn ở trên não thì khoa học đã làm được cái việc mà họ chế ra con mắt giả, con mắt giả ấy nó có tầm nhìn, tức là cái tầm nhìn giống như võng mạc. Nó có dụng cụ giống y như con mắt, nhưng nối với dây thần kinh thị giác thần kinh của con người ấy để giúp cho con người mù nhìn thấy được mọi cảnh vật.

Ở bên Mỹ, bên Âu Châu, họ đã làm thành công cho rất nhiều người. Họ lấy một con mắt giả bên ngoài bằng thủy tinh. Rồi họ nối dây thần kinh đi thẳng vào trong não, họ nối vào trong hệ thống gọi là trung khu thị giác thần kinh. Và nếu trung khu thị giác thần kinh của người ấy vẫn còn tốt ở trong não thì khi nối với con mắt giả ở bên ngoài thì người ấy vẫn nhìn được.

Có nghĩa là nhãn căn không phải là con mắt. Cho nên khi Phật khởi ngài A Nan, ông lấy cái gì để ông nhìn thì ngài A Nan nói con lấy con mắt để nhìn thì Phật mới hỏi con mắt ở đâu? Thế thì ngài A Nan nói con mắt trên mặt.

Con mắt nó chỉ là cửa sổ thôi. Nó không phải là nhãn căn, tại vì nó không có tác dụng ghi nhận các dữ kiện thông tin. Thế thì cái thức nằm ở đâu? Nếu nói rằng nhãn thức nhãn căn thì nhãn thức nằm ở đâu? Nó là duyên sanh! Cái tên gọi là như thế thôi chứ nó có thật đâu, con mắt cũng không có thật, nhãn căn cũng không có thật, nhãn thức cũng không có thật luôn.

Bởi vậy, cho nên trong Phẩm Ngàn, khi Đức Thế Tôn dạy cho ông Bahiya, Đức Thế Tôn dạy: “*Này hiền giả, nếu người thực sự muốn tu học, hãy quán chiếu có một điều này thôi*” ông Bahiya quán chiếu rồi chứng đắc A La Hán.

Đức Thế Tôn nói: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái nghe, chỉ có cái nghe, trong cái sự hiểu biết, chỉ có cái sự hiểu biết*”. Chỉ có sự hiểu biết có nghĩa là sao?

Bảy lần Phật vấn A Nan, Phật hỏi ngài A Nan tại sao ông đi tu. Ngài A Nan nói: “*Con thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp con khởi tâm ưa thích. Cho nên con đi tu*”.

Đức Thế Tôn mới hỏi: “*Ông lấy cái gì để thấy*”. Ngài A Nan nói lấy mắt. Rồi Đức Thế Tôn hỏi tâm nó nằm ở chỗ nào? Cho nên ông nói tâm nằm trong, ở ngoài, ở

chặng giữa nói lung tung 7 lần. Ngài A Nan nói rằng là con lấy con mắt để thấy thì điều đó đúng không?

Ngài A Nan nói: “*Con lấy con mắt để thấy*” thế thì con mắt làm sao thấy được. Con mắt người chết còn đầy đủ mà không thấy được, người mù không có con mắt nhưng nếu trung khu thị giác thần kinh vẫn còn nếu bây giờ người ta gắn vào đó con mắt giả bên ngoài người đấy vẫn nhìn thấy, nhìn thấy như là người có mắt. Vậy thì con mắt có phải là cần thiết không? Con mắt dứt khoát không phải là cần thiết.

Con mắt chỉ là cửa sổ mà thôi. Con mắt chỉ là cửa sổ để cho nó nhìn ra bên ngoài thôi chứ nó không có trách nhiệm ghi nhận dữ kiện. Như vậy cái thức nằm ở đâu? Nhãn thức nằm ở đâu. Nếu con mắt không có thật thì nhãn căn cũng không có thật. Tại vì nó là duyên sanh, nó là mượn danh để gọi, nếu con mắt không có thật, nhãn căn không có thực thì lấy đâu mà nói là có nhãn thức. Thức là cái biết, biết của con mắt.

Bởi thế Đức Thế Tôn dạy ông Bahiya trong Phẩm Ngàn, kinh Pháp Cú, Đức Thế Tôn nói: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy*”. Chứ còn cái gọi là con mắt, gọi là nhãn căn, nhãn thức là ta gọi tá danh để ta gọi để ta hiểu, ta phân tích thế thôi chứ nó không thật.

Từ xưa đến giờ ta chấp rằng là con mắt nhìn rồi đằng sau con mắt có cái tâm nó khởi lên ưa thích, tức là vọng tưởng điên đảo. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ. Đức Thế Tôn nói không hiểu được việc ấy thì giống như là lấy cát mong nấu thành cơm.

Trong Kinh Kim Cang nói: *“Phàm có hình tướng thì tức là tức là hư vọng, tức là phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”* nhưng bạn nói được mà hiểu được hay không mới là vấn đề. Biết rằng nó có hình tướng, tức là giả, nhưng chấp nó là giả, là kẹt ngay chỗ này đây.

Tại vì ngài A Nan trả lời với Đức Phật là con lấy con mắt để nhìn, và nói rằng: *“Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và khởi tâm ưa thích cho nên mới suy nghĩ rằng là ba mươi hai tướng tốt này không thể nào do tinh cha huyết mẹ, tức là do sự dâm dục mà thành được mà phải do công phu tu học. Bởi như thế cho nên mới đi tu.”* Có nghĩa là nhờ con mắt mới thấy. Con mắt là tá danh thôi, nó là cửa sổ, tự tánh nó là thanh tịnh, nó không có ghi nhận thông tin.

Thế thì nếu con mắt không có thì lấy cái gì bạn gọi là nhãn căn. Mà nếu con mắt không có, nhãn căn cũng không có nữa thì lấy gì để bạn có nhãn thức. Cái thức là cái biết của con mắt, thế thì cái biết ấy cũng giả danh, không có thật.

Nếu bạn không quán chiếu được những điều này thì tất cả những việc bạn làm, ngồi thiền tụng kinh chỉ được phước hữu lậu. Tụng kinh nếu hiểu được nó, đây là chìa khóa. Nếu hiểu được thì chỉ cần một câu tụng kinh là nhập thể ngay với cõi Cực Lạc. Tại vì trong kinh A Di Đà, Đức Phật đã nói như thế này: *“Dẫu đến một niệm mà nhất tâm bất loạn, dẫu một niệm thôi mà nhất tâm bất loạn, thì bảo đảm chắc chắn sẽ sanh về cõi cực lạc”*.

Ngay lúc bạn nhất tâm bất loạn khi niệm Phật thì bạn đã thể nhập được vào trong cõi cực lạc trong cảnh giới của Đức Phật, chứ không cần phải đợi tới lúc chết mới được Đức Phật A Di Đà rước. Ngay lúc ấy, bạn đã thể nhập được vào cõi Cực Lạc, hưởng thụ được cái an lạc của Đức Phật A Di Đà và thấy Đức Phật A Di Đà, cho nên con mắt là không có thật, con mắt không có thật thì nhãn căn cũng không có thật, mà nhãn căn không có thật thì nhãn thức cũng là giả danh mà thôi.

Bởi vậy, cho nên trong kinh Pháp Cú Phẩm Ngàn, khi Đức Thế Tôn dạy cho ông Bahiya, Đức Thế Tôn nói như thế này Trong cái thấy chỉ có cái thấy. Cho nên tất cả những điều mà Đức Phật gạn hỏi 7 lần chỉ có một mục đích đưa thẳng ngài A Nan đến chỗ tự ngộ. Lời của Phật hỏi không phải là chân lý, còn nếu bạn dùng nó là chân lý thì lỗi bạn. Tại sao chúng tôi lại nói là Phật hỏi ngài

A Nan là giả chứ không phải là thật, là tại sao? Tại vì ngài A Nan chấp, chấp có con mắt thấy, chấp có tâm, cho nên Đức Thế Tôn cũng dùng thuốc để trị bệnh giả của ngài A Nan.

Ngài A Nan có bệnh mê mờ chấp, ngài A Nan nói rằng: “*Con vì thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, cho nên khỏi tâm ưa thích mà đi tu*”. Đức Phật mới bảy lần hỏi ngài A Nan, Con mắt nằm ở đâu? Cái tâm nằm ở đâu, sự liên hệ giữa tâm và con mắt? Cái tâm ấy là gì? Tức là nhãn thức, tức là tâm thức, tức là nhãn thức của con mắt. Ngài nói nó ở trong, ngoài, chặng giữa, hòa hợp đủ các thứ, đều sai hết nhưng không phải mục đích Thế Tôn nói không có con mắt hay có con mắt. Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan 7 lần là để cho ngài A Nan phá chấp.

Đức Thế Tôn đưa thuốc giả trị bệnh giả của ngài A Nan. Ngài A Nan bệnh giả là gì? Là chấp rằng có con mắt, chấp rằng có tâm, tâm nó nằm ở chỗ ấy. Cho nên Đức Thế Tôn đưa thuốc giả để trị bệnh giả của ngài A Nan thôi, chứ nó không có thực.

Tại sao nói ngài A Nan có bệnh giả? Tại vì ngài A Nan có kiến chấp. Chấp rằng có con mắt, chấp rằng có tâm, và chấp rằng Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là thật, nó là kiến chấp. Cho nên,



Đức Thế Tôn hỏi 7 lần để phá chấp ấy. Cho nên thuốc của Đức Thế Tôn là thuốc giả để trị bệnh giả của ngài A Nan, chứ không phải bệnh thật. Cho nên lời phá chấp của Phật là phương tiện, nó không phải chân lý, nó không phải là thực. Lời nói của Đức Phật không phải là thật. Tại vì nó là thuốc giả để trị bệnh giả của ngài A Nan, bệnh chấp. Ngài A Nan nói rằng tâm ở trong thân, tâm ở ngoài thân rồi đến nói rằng vô trước cũng là tâm, thật sự ra Đức Phật đều bác bỏ hết.

Thế thì bạn nghĩ như thế nào? Nói là ngài A Nan nói sai? Nếu bạn nói rằng ngài A Nan nói sai là bạn đang chấp. Mà nếu bạn nói ngài A Nan không sai là bạn cũng chấp. Cho nên mục đích Đức Thế Tôn đưa thuốc giả để trị bệnh giả của ngài A Nan là để phá chấp. Nếu bạn nói rằng Đức Phật nói đúng là bạn cũng chấp, mà bạn nói Đức Phật nói không đúng là bạn cũng chấp. Phải buông chấp, chỉ là phương tiện thôi, nó không có đúng hay sai.

Tại vì ngài A Nan chấp rằng có con mắt mà con mắt ấy nằm ở trên mặt. Cho nên thực sự nếu chấp, thì không phải 7 chỗ đâu, ở rất nhiều chỗ nhưng chẳng qua là nói bảy là vì ngài A Nan chấp 7, nên nói 7 thôi, chứ nếu còn chấp nữa thì còn nữa. Cho nên hễ còn chấp thì còn nhiều chỗ để nói chứ không phải nói tới 7, mà hễ đã hết rồi thì chẳng có một chỗ nào nữa. Hết chấp rồi còn chỗ nào nữa

để nói. Tìm một chỗ cũng không có nữa chứ đừng nói gì tới 7. Nếu chấp thì nhiều chỗ chứ không phải là 7 mà nếu không chấp tìm một chỗ cũng không có.

Các pháp, nếu nói là chân lý, thì chân lý bất nhị, chân lý là không hai. Chân lý chỉ có một thôi. Cho nên nếu mà chấp theo lời Phật, thì con mắt, tâm, là có hay là không cũng đều là sai, tức là Pháp Nhị.

Nếu nó có thì nó đối đãi với không. Nếu nó không thì đối đãi với có. Cho nên nó đều sai. Nó đều là Pháp Nhị chứ không phải Pháp Bất Nhị. Đức Thế Tôn vì tâm từ, cho nên chỉ ngài A Nan để đưa tới chỗ tự ngài A Nan phải tìm ra.

Nếu nói rằng có, nếu nói rằng không thì đều là nhị. Bởi vậy Phật mới nói: “*Phàm hữu ngôn thuyết thì giai phi thật nghĩa*” có nghĩa là gì có lời nói, nói được thì chẳng phải là nghĩa thật, chẳng qua chỉ là phương tiện để mà nói.

Con mắt không phải là thấy, nếu con mắt không phải là thấy thì nhãn căn cũng không có, như huyễn, mà nhãn căn con mắt không có thật thì nhãn thức cũng không có luôn, đều là giả danh. Bởi thế cho nên Đức Thế Tôn nói với ông Bahiya trong kinh Pháp Cú Phẩm Ngàn: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy*”.

Bạn thấy con chó đi ngang là con chó đi ngang, còn bạn nhận diện qua con mắt là cái thấy được, biết được đó là con chó, những thứ ấy là giả danh, thứ ấy không có thật. Còn ta nghĩ rằng nó là con chó ở trong đầu của ta, ta nhìn ta biết nó là con chó mà ta nói ta biết, thì tất cả những thứ ấy gọi là biết kiến thức, tất cả những thứ ấy đều là dỏm, những thứ ấy không có thực.

Cho nên phương tiện Phật mới hỏi 7 lần là để phá chấp, để ta không vướng. Thí dụ như đi từ Sài Gòn ra Hà Nội, bạn có thể đi bằng xe lửa tới Nha Trang, từ Nha Trang đi tàu sang Hải Phòng, từ Hải Phòng lại đi xe hơi vào Hà Nội. Thế thì đi từ Sài Gòn ra Hà Nội đi bằng phương tiện gì cho đúng?

Nếu nói là đi bằng xe lửa thì sai mà nếu nói đi tàu thì cũng sai mà nếu nói ta đi xe lửa, đi xe ô tô thì cũng sai. Tại vì bằng cả ba thứ ấy bạn mới tới được Hà Nội. Thí dụ bạn nào ở Mỹ thì nói đi từ California đi qua Washington, có nhiều khi bạn phải đi xe hơi, ô tô, xe hơi từ nhà ra đi ra phi trường rồi từ phi trường bạn mới đi máy bay, bay tới sân bay, từ phi trường, bạn mới đón xe khác về nhà.

Như vậy nói là đi từ điểm này tới điểm kia bằng mấy thứ phương tiện, bạn nói đi bằng cái gì cho đúng? Nói bằng máy bay cũng sai, nói bằng xe hơi cũng sai, nó là

sự phối hợp của nhiều yếu tố, mà sự phối hợp của nhiều yếu tố thì trong thuật ngữ nhà Phật gọi là duyên sanh, duyên sanh thì như huyễn, không thật, thế mà ta vẫn chấp là thật. Con mắt thì chấp nó ở trên mặt. Con mắt thấy thì gọi là nhãn căn nhãn thức. Đều là tá danh hết.

Đức Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề ở trong kinh Bát Nhã, Đức Phật hỏi: *“Này Tu Bồ Đề, Như Lai có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp hay không?”* Tu Bồ Đề nói: *“Không.”* *“Tại sao thế?”* *“Tại vì nếu có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp ấy, tức là có hình tướng mà nếu có hình tướng thì phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng”*.

Trong kinh Kim Cang đã nói rất rõ như thế, có nghĩa là cái nào có hình tướng thì đều là giả, mà nếu nói Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, tức là có hình tướng, cái ấy cũng là giả. Cho nên Tu Bồ Đề mới nói ba mươi hai tướng tốt ấy là không thể nói được. Cho nên mới gọi là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp ấy không thể nào thấy được và không thể nào nói được, cho nên mới gọi là tám mươi vẻ đẹp.

Dụng ý của Đức Thế Tôn khi hỏi ngài A Nan 7 lần, hỏi về con mắt và Tâm. Ngài A Nan trả lời lòng vòng. Đức Phật nói: *“Hãy lấy trực tâm mà trả lời cho ta.”* Ở trong Kinh Duy Ma Cật, Ngài Xá Lợi Phất thấy ông Duy

Ma Cật ở trong chợ đi ra, mới hỏi chứ ông ở đâu thì ông Duy Ma Cật nói là ta ở trong đạo tràng. Thế thì mới hỏi chứ Đạo tràng là gì? Thì lúc bấy giờ ngài Duy Ma Cật mới nói: “*Trực tâm tức đạo tràng*”.

Trực tâm là gì? Trực tâm tức là không có vọng tưởng điên đảo, tức là tự tánh của nó đã có. Trực tâm là nó thấy như vậy. Khi bạn nghe một tiếng chó sủa là bạn biết con chó sủa, không làm lẫn. Nhưng bạn không có ngừng ở đây. Nghe tiếng chó sủa lập tức khởi lên niệm thứ nhì liền: Con chó này chắc bị đánh; Con chó này nó đang chạy; Con chó này chắc con chó cái; tức là niệm thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu nó nhảy ra liền che lấp niệm đầu tiên. Mà niệm đầu tiên ấy mới chính thực là tâm, tức là nhận diện bản thể thanh tịnh, nó giống như tấm gương khi bất cứ vật gì đi ngang nó nhận diện liền.

Chúng ta trong đời sống hằng ngày, huân tập chạy theo vọng tưởng điên đảo, cho nên khởi lên niệm này niệm kia và vì thế nó che mất chân tâm thường trú. Cho nên Đức Thế Tôn mới hỏi ngài A Nan 7 lần là mục đích như thế? Và ngài nói rất rõ là hãy lấy trực tâm. Nhưng ngài A Nan không bao giờ lấy trực tâm mà vòng vo nói vì như thế này, vì như thế kia, cho nên con nghĩ như thế này cho nên con nghĩ là con mắt nó nằm ở trên mặt. Người ta nói con mắt nằm ở trên mặt thì con thấy thực

sự con mắt con nó cũng có nằm trên mặt. Ngài còn nói con cũng thấy trên mặt Đức Thế Tôn cũng có con mắt nó nằm ở trên mặt. Ý là sao? Ý là vì con thấy con mắt trên mặt của Đức Thế Tôn, cho nên con nói, nói như thế để cho Đức Thế Tôn đừng có cãi, có bằng chứng đàng hoàng. Nhưng mà như thế có nghĩa là vọng tưởng điên đảo chứ không có trực tâm.

Khi chúng tôi hỏi bạn, bạn trả lời liền. Đánh một cái nói đau, rồi đủ rồi, tức là trực tâm. Còn vì như thế này, vì như thế kia, tức là có biện luận, tức là có suy luận, có phân biệt. Có phân biệt thì còn vọng tưởng điên đảo. Cái niệm thứ nhì, thứ ba, thứ tư, thứ năm nó nhảy ra chứ đâu có phải là chân tâm thường trụ. Không phải là bản thể thanh tịnh của ta.

Đức Thế Tôn hỏi bảy lần, mục đích để phá chấp. Nếu bạn cứ chấp cứng ngắc rằng có tâm, rồi Đức Thế Tôn hỏi bảy lần như thế, tức là chỉ cho tâm nằm ở chỗ nào đều không đúng. Vì mục đích là Đức Thế Tôn để trị bệnh giả của ngài A Nan, bệnh đó là chấp có con mắt và chấp là có tâm và tâm nằm sau con mắt và tâm nó dính mắc tới con mắt, có nghĩa là nhãn thức, cái biết nó nằm trong đây, nhưng hoàn toàn sai, không phải vậy.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ, nếu người nào tu hành mà muốn vượt ra khỏi sinh tử luân hồi mà

không thấy được tánh thì giống như là lấy cát sỏi mà mong nấu thành cơm, việc ấy không thể có được. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, chỉ thẳng nơi cái tánh, chỉ thẳng nơi tâm của bạn. Có nghĩa là gì? Có nghĩa là Liễu Tri, biết rõ tánh giác của ta nằm ở chỗ nào. Cái biết nó nằm ở chỗ nào. Chứ không thể nào nói nhãn thức, tức là cái biết của con mắt. Chỉ thẳng cái biết, cái biết đấy nằm ở đâu, tức là tuệ.

Kinh điển của Đức Thế Tôn trong 45 năm hoằng Pháp, Ngài để lại rất là nhiều. Những lời của Ngài nói là ngón tay và bè. Sau 45 năm hoằng Pháp, ngài đều nói Ta không nói gì cả. Lý do là tất cả chỉ là phương tiện, tất cả chỉ là thuốc để trị bệnh. Tùy theo bệnh mà ngài đưa thuốc. Ngài là một vị bác sĩ rất là thiện xảo, tùy bệnh cho thuốc.

Có nghĩa là những lời vàng ngọc từ kim khẩu của Đức Thế Tôn không phải là chân lý, Ngài chỉ tùy bệnh cho thuốc.

Ngài dặn dò rất kỹ: tất cả những lời ta nói như ngón tay và bè. Ngón tay để làm gì, chỉ cho thấy mặt trăng và bè để cho người hành giả bước lên và sang sông mê. Nó chỉ là phương tiện, khi bạn đã nhìn thấy mặt trăng thì quên ngón tay. Khi bạn đã sang tới bờ sông bên kia thì bỏ bè đi, đừng vác cái bè đi tiếp tục bên sông khi lên bờ

nữa. Cũng như thế, kinh điển chỉ là phương tiện để cho người ta tìm thấy bản tâm thanh tịnh của ta, tức là Phật tánh.



Con mắt là một cơ quan có đồng tử và đàng sau đồng tử có võng mạc, võng mạc nó giống như phim của máy chụp hình, nó ghi nhận. Nhưng tự chính nó thì vô dụng, không ích lợi gì. Nếu không có những sợi dây thần kinh nối từ võng mạc ấy lên trung khu thị giác thần kinh trên não, trung khu thần kinh trên não ghi nhận những dữ kiện đã được nhòì sọ từ nhỏ tới lớn. Những cái ấy đều từ bên ngoài, đều do được hấp thụ, đều do môi trường, chứ tự nó không có.

Bởi thế cho nên người mù mà nếu trung khu thị giác thần kinh vẫn còn tốt thì ở bên Mỹ, bên Âu Châu người ta đã thành công, người ta chế được con mắt giả rồi



người ta nói dây thần kinh với con mắt giả ấy và nó giúp cho người mù đã nhìn thấy.

Điều ấy làm cho chúng ta càng tin vào giáo lý của Đức Từ Phụ, Ngài nói rất rõ, con mắt không phải là chỗ biết, cái biết của cái thấy. Nhãn căn cũng không phải, nhãn thức cũng không phải. Bởi vậy, cho nên trong kinh Pháp Cú, Đức Thế Tôn mới nói với ông Bahiya: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong sự hiểu biết, chỉ có cái hiểu biết, trong cái nghe chỉ có cái nghe*”. Và vì quán chiếu được như thế, cho nên ông Bahiya chứng đắc A La Hán.

Tất cả những điều mà Đức Từ Phụ nói chỉ là phương tiện mà nếu bạn bám cứng ngắc vào đấy là bạn kẹt. Ngũ Tổ giao y bát lại cho Lục Tổ Huệ Năng thì trong đại chúng mới hỏi tại sao ông Huệ Năng không biết gì về Phật Pháp mà tổ lại giao? Trong khi đó trong 500 người đều giỏi về Phật Pháp tại sao Tổ không giao, thì Tổ mới nói: “*Đúng, các ông giỏi Phật Pháp là tuyệt vời mà ông Huệ Năng không biết gì về Phật Pháp, cho nên ta giao y bát*”. Đại chúng mới hỏi: “*Tại sao kỳ vậy?*” Thế thì Ngũ Tổ mới nói như thế này: “*Các ông biết Phật Pháp, nhưng ngài Huệ Năng lại biết Đạo*”. Như thế thì nó khác nhau ở chỗ nào? Đạo là chân lý mà Phật Pháp là phương tiện.

Bạn căn cứ nơi lời Đức Từ Phụ dạy các phương thức như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, để làm gì? Đó là phương tiện để cuối cùng gạt bỏ tất cả những vọng tưởng điên đảo, để tìm cho được bản thể thanh tịnh, chơn như thường trụ của ta. Chơn như thường trụ của ta gọi là Phật tánh.

Có một Thiền sư tới hỏi ngài Triệu Châu: “*Con chó có Phật tánh hay không?*” thì ngài Triệu Châu nói: “*Không?*”. Ông tăng mới nói: “*Đức Phật đã dạy các sinh vật đều có Phật tánh bình đẳng với nhau. Thế tại sao Thiền sư Triệu Châu dám nói là không?*” Thiền sư Triệu Châu nói như thế này: “*Con chó nó có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ cho nên nó không thấy, mà nếu có mà không thấy thì cũng như không?*”.

Cho nên chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta không thấy được tâm của chúng ta nó nằm ở đâu mà chúng ta cứ chấp rằng tâm có thật. Thật sự ra tâm mà chúng ta gọi là tâm tham tâm sân tâm si thực sự ra những tâm ấy đều là duyên sanh. Cái gì mà duyên sanh thì như huyễn, không thật. Huyễn sư bày ra huyễn sự, mà nếu chúng ta cứ chấp vào đấy là kẹt.

Khi người ta nói một câu trúng ý ta thì bạn khởi tâm ưa thích. Nói câu ngược ý ta, bạn khởi tâm phiền não thì bạn có biết là ta đang khởi tâm ưa thích hay khởi tâm

phiền não hay không? Điều đó mới là điều tu, còn nội dung mà người ta nói hay nội dung bạn có ưa hay không ưa, điều đó không quan trọng. Mà nếu bạn quán chiếu thường xuyên biết rằng tâm của ta vừa nảy sinh ra tâm ưa thích, khởi lên niệm ưa thích cũng như niệm bực bội, ngay nơi ấy là bạn tu.

Có một bài pháp rất là thù thắng Không Có Pháp Nào, Đức Thế Tôn nói như thế này: *“Không có cái pháp nào, kể cả bố thí, trì giới, nhẫn nhục, 37 Phẩm trợ đạo, in kinh, cúng dường chư Tăng,...* Những thứ ấy chỉ là phước hữu lậu, tức là có làm có hưởng, bạn in kinh thì bạn được thông tuệ, kiếp sau sẽ được thông minh. Bố thí thì kiếp sau được giàu có, nhân quả là như thế, nhưng để thoát ra khỏi sinh tử luân hồi thì xa vời, nếu không thấy được tâm. Rồi sẽ quay trở lại cõi Ta-bà này luân hồi để tiếp tục hưởng những gì mà ta đã tạo ra. Tạo thiện thì được nghiệp thiện. Nhưng không thấy được tâm, không thấy được tánh thì giống như lấy sỏi cát mà mong nấu thành cơm, bước ra khỏi ba cõi là không bao giờ có.

## **Phật Pháp Vấn Đáp**

**Câu hỏi:** Trong cái thấy và cái hiểu biết khác nhau như thế nào. Trong cái biết bao trùm hết vũ trụ mà tôi biết là

biết như vậy nhưng chưa thâm nhập được. Vậy cái thấy của một vị Tu Đà Hoàn đến vị Phật cách thấy đều khác nhau phải không? Nhưng không làm sao thấy được cho đến khi mình chứng quả vị đó phải không?

**Trả lời:** Thế thì hỏi là hỏi như thế này, hỏi là trong cái thấy và cái hiểu biết, nếu không thấy thì làm sao hiểu biết. Như hồi nãy chúng tôi có nói, phải có thấy mới hiểu biết. Thế bây giờ người mù có thấy không? Không thấy. Mà có biết không? Biết chứ. Đừng có nói họ không biết. Nóng, lạnh, bây giờ lấy kim chích vào trong tay họ biết không? Bây giờ cầm một đồng tiền, nói người mù đưa giấy một đô với giấy trăm đô, hỏi có khác nhau không? Biết ngay, biết cái nào 1 đô, cái nào 100 đô. Cho nên đừng có nói là mù, không có mắt rồi không biết. Thế thì nhãn thức nó nằm ở chỗ nào, biết trong con mắt nằm ở chỗ nào? Bạn thấy chưa?

Cho nên bây giờ ngày hôm nay chúng tôi chỉ nói tới chấp, tức là ngài A Nan, thọ nạn Ma Đăng Già và Đức Thế Tôn hỏi 7 lần là mục đích để phá chấp. Nếu bạn nói rằng là những điều của Đức Thế Tôn nói, hỏi ngài A Nan là thực, tâm là có thực, con mắt là có thực, nhãn căn là có thực, nhãn thức là có thực là bạn đã phụ lòng Đức Từ Phụ, Ngài không muốn nói chuyện ấy, Ngài đưa thuốc giả để trị bệnh giả của ngài A Nan thôi. Mà bạn chấp là

có bệnh thật và có thuốc thật thì coi như là lỗi tại bạn, cho nên từ từ bạn sẽ tới một giai đoạn bạn sẽ tự hiểu thôi.

**Câu hỏi:** Lấy huyền độ chân?

**Trả Lời:** Không có huyền, cũng không có chân. Tại vì đây là phương tiện, có huyền có chân đâu, chẳng qua là ngài A Nan có bệnh là chấp có con mắt, và chấp có tâm.

Cho nên Đức Phật mới hỏi như thế, tức là lấy thuốc giả để trị bệnh giả, cho nên làm gì có huyền có chân ở đây. Nó giống như là Huyền sư bày ra huyền sự vậy thôi, nó không có chân trong này mà cũng không có huyền ở trong này. Nó là phương tiện, cho nên những điều mà Đức Thế Tôn nói cũng là giả. Tại vì để trị bệnh giả của ngài A Nan, ông chấp, cho nên mới nói như thế thôi. Tất cả chỉ là phương tiện, nếu ta nói rằng có chân thì ngay lập tức là nó có sự đối đãi, tức là có gọi là không chân, tức là cái đó gọi là giả hoặc là huyền, hoặc là tạm. Thế thì cái chân ấy mà nếu có thì nó có hình tướng không? nếu nó có hình tướng thì phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, Kinh Kim Cang có nói rất rõ, cái gì mà có hình tướng thì đều là huyền đều là do các vọng tưởng điên đảo mà ra. Thế thì chân mà nếu có hình tướng thì cái ấy cũng không thực. Cho nên chỉ là tá danh, chúng ta dùng

cái chân, hay huyền chỉ là tá danh, mượn danh từ để mà diễn đạt vậy thôi. Còn nếu chấp cứng vào đấy là bạn kẹt.

Cho nên bài pháp Bảy Lần Phật Vấn A Nan chỉ là mục đích để phá chấp trong khi đó sư cô lại chấp rằng có huyền, chấp rằng có chân, là kẹt rồi. Tại vì nó không có thực, thuốc là thuốc giả đâu phải thuốc thật.

Bây giờ người mù phân biệt được. Thế thì đưa 1 đồng phân biệt được, đưa 100 phân biệt được. Thế thì làm sao nói là con mắt nhìn mới thấy rồi mới có nhãn căn, nhãn thức. Thế thì nhãn thức là cái biết của con mắt chứ gì? Thế thì người mù làm sao biết đồng 1 đô với đồng 100 đô trong khi kích thước đều giống nhau.

Cho nên tất cả những cái mà chúng ta nói huyền, chân, thực, hư hay là giả, tạm, hay là thường tồn chỉ là danh từ. Xin đừng chấp.

Ở đây bài pháp nói về Bảy Lần Phật Vấn A Nan, chỉ với mục đích là phá chấp, cho nên bạn nói cái gì chúng tôi cũng không chấp. A Nan, 7 lần Phật vấn A Nan rồi bạn hỏi A Nan có ngộ được gì không, thì chắc là bạn phải đi hỏi ngài A Nan, tại sao thế? Tại vì bệnh của ngài A Nan là bệnh giả, đâu có bệnh thật, nói là có con mắt nói là có cái tâm, cái tâm dính với con mắt cho nên con mắt thấy cái tâm ưa thích, cái chuyện ấy là chuyện chấp, nó không

dính dáng gì tới có thật hay không có thật. Nếu bạn chấp rằng nó có thật, con mắt có thật và vật thấy có thật là lỗi tại bạn. Ở nơi đây Đức Thế Tôn chỉ phá chấp thôi. Nó không dính líu đến chuyện có thật hay không có thật. Nhưng chấp cho nên Đức Thế Tôn hỏi 7 lần để phá chấp. Tại sao thế, tại vì ngài A Nan đại diện cho đa văn trí tuệ của thế gian mà hề người nào có trí tuệ thế gian thường thường hay chấp, chấp cứng ngắc. Càng học nhiều thì lại càng chấp.



**Câu hỏi:** Huyền sư là gì?

**Trả Lời:** Huyền sư là ảo thuật gia. Còn huyền sự là gì? Là những vật chẳng hạn thò tay vào trong nón lấy ra con thỏ. Thò tay vào nón lấy ra con chuột, thì gọi là huyền sự. Cho nên nó không có thật mà ta chấp cho đến bảy lần, 7 lần Phật hỏi ngài A Nan là đưa thuốc để phá chấp, chứ chẳng nói tới chuyện là nó có thật hay không có thật. Chuyện đó không liên quan.

Người bước vào cửa đạo rất là khó, nếu người ấy là đa văn, tức là biết nhiều kiến thức của thế gian, đọc sách

cho nhiều chấp cứng ngắc. Nói sách nói như thế này, kinh nói như thế này, phải làm như thế này. Mọi người đều nói như thế này, đó là chấp, chấp cứng ngắc. Mà hề chấp như vậy thì bước ngoài đường còn xa lắm, chưa tới cổng chùa, họ muốn tới cổng chùa phải buông ngã, buông chấp. Người nào còn chấp thì còn xa lắm.

Ở trong Đại Trí Độ Luận, ngài Phạm Chí Trường Trảo đến gặp Đức Thế Tôn, nói: “*Này Cồ Đàm, kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?*” Tức là nói là không thọ các pháp, tức là có một pháp gọi là pháp không thọ. Nó kẹt cứng chỗ đấy. Thọ các pháp, nhưng thực sự ra lại nói ngược lại là có một cái pháp mà tên của pháp ấy là Pháp không thọ. Đức Thế Tôn mới hỏi là kẻ ấy có thọ kiến chấp là ta không thọ các Pháp hay không, tức là chấp có một pháp có tên nó là không thọ hay không. Kiến chấp. Ngay chỗ ấy ngài Phạm Chí Trường chào đã ngộ ra liền.

Cũng như thế, ở trong bài pháp này, Đức Thế Tôn bảy lần Phật vấn A Nan và chúng tôi giảng tới 3 lần rồi, tức là ba buổi và cũng xoay quanh bấy nhiêu thôi, chưa đi đâu xa đâu. Tại sao thế? Tại vì bạn còn chấp, chấp rằng còn con mắt thấy, tâm nghe, tâm biết, tâm biết nó dính với con mắt, tức là chấp? Nhưng mà thật sự ra Đức Thế Tôn thiện xảo để phá chấp. Cho nên chúng tôi nói tới nói lui, nói lòng vòng cũng chỉ để giúp cho bạn phá chấp



và chỉ thẳng cho bạn biết ở chỗ bạn cần nhìn, còn có vị lại nói chấp thường chấp đoạn mà lập nhân duyên nữa là cũng chấp nữa. Có cái gì gọi là thường, có cái gì gọi là đoạn, thường đoạn chẳng qua là ngôn từ của thế gian, quy ước với nhau, tá danh mà nói như thế.

Chúng ta đã học bài học kinh Trạm Xe rồi, đi từ điếm này điếm kia đi biết bao nhiêu chiếc xe gọi là tá danh, mượn nó để mà nói. Vậy thôi chứ có giải thích được gì đâu, không giải thích được gì, cho nên bạn còn dùng ngôn từ thì bạn kẹt.

Ở trong kinh Duy Ma Cật, khi nói tới pháp Bất Nhị thì ông nào cũng không trả lời được.

Cuối cùng ngài Văn Thù hỏi ngài Duy Ma Cật, thế thì theo ý của cư sĩ Duy Ma Cật thì pháp Bất Nhị là gì? Ngay lúc ấy, ngài Duy Ma Cật im lặng, ngài Đại Bồ Tát Văn Thù tán thán nói: *“Lành thay, lành thay, ngay cả như ngôn ngữ cũng vắng bật nữa thì mới gọi là diệu dụng, mới đi tới chỗ vi diệu”*.

Nếu có nói được pháp Bất Nhị thì lập tức rơi vào pháp nhị, tại vì có sự đối đãi giữa Pháp Bất Nhị và Pháp nhị. Trời có nói gì đâu, đất có nói gì đâu mà mùa xuân ấm áp, hoa nở, mùa đông lạnh lẽo, tuyết rơi, hoa tàn. Trời

không nói một tiếng, đất không nói một tiếng nhưng hiện tượng ấy nó vẫn xảy ra.

Thế thì tại sao chúng ta cứ đi tìm, thắc mắc hỏi cho nhiều? Hỏi cho nhiều là vướng mắc, quay trở lại tìm tâm của ta, buông hết tất cả những vọng tưởng điên đảo, để tìm trong tâm của ta, nghe tâm của ta, coi nó nằm ở chỗ nào, coi nó nằm chỗ nào và khi xoay phản quang tự kỷ, tức là quay trở về bên trong thì nhìn thấy được.

Còn bạn chạy bên ngoài, tâm nó phan duyên theo tiếng nói để mà nghe. Rồi thì nghĩ rằng theo tiếng nói mà nghe thì có cái biết của nghe, tức là đã có cái thức, cái thức do nghe, nhưng chúng ta biết nó là giả không có thật. Cái nhãn căn không có thật thì nhãn thức ở đâu mà có. Bởi thế cho nên trong kinh Pháp Cú, Phẩm Ngàn, Đức Thế Tôn nói: *“Trong cái thấy chỉ có cái thấy”*. Chúng tôi chỉ là phương tiện để chỉ cho bạn biết tâm của bạn. Điều đó mới có lợi lạc.

Khi Đức Thế Tôn hỏi, Ông muốn tu thì ông hãy dùng trực tâm để trả lời cho ta, tức là thấy sao nói vậy liền. Tại vì khi khởi tâm suy nghĩ lập tức có phân biệt, tức là ý thức và Mạt-na thức hoạt động thì rớt vào trong A-lại-da-thức. Như vậy nó đầy cứng ở trong đó, Chấp đủ mọi thứ. Buông hết, nghe thông dong, tự tại, không mong cầu. Nghe giống như bạn nghe nhạc, hoan hỉ. Còn bạn

cố tập trung lại để mà nghe để tìm hiểu là bạn rớt. Tại vì khi bạn cố tập trung, cố nghe, cố tìm hiểu tức là ức chế tâm là thứ nhất, thứ nhì là chạy theo cảnh, chạy theo âm thanh, có thật đâu. Những điều chúng tôi nói chỉ muốn cho bạn để quay trở về với tự tánh của ta. Chúng tôi đâu có nói là chúng tôi nói đúng hay nói sai hay chúng tôi nói thế này thế kia đâu. Phương tiện, nếu bạn chấp lời giảng sư nói là quý vị khởi lên tâm phân biệt và khởi lên tâm phân biệt ấy là Pháp Nhị? Cho nên nội dung không quan trọng.

Cho nên chúng tôi nói lời của Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan 7 lần lại là thuốc giả để trị bệnh giả. Ngay cả những lời của Đức Thế Tôn nói cũng không thật. Bạn chấp và có thật là bạn kẹt rồi. Cũng như lời giảng sư nói là không thật, là phương tiện để cho bạn phải suy nghĩ, bạn chạy theo sự suy nghĩ của bạn, chạy theo âm thanh, theo lời nói của giảng sư, là bạn để cho tâm rong ruổi đường dài. Rong ruổi đường dài thì không bao giờ quay trở về nhà, bạn đi lạc đường. Giảng sư nói gì thì mặc kệ giảng sư, bạn nghe như nghe âm nhạc, nghe mà trong tâm hoan hỉ, đừng chạy theo, ấy mới là tu. Sống ở trong bản thể thanh tịnh của ta, đâu có chạy theo sắc thính hương, đâu có cần biết nó là thực, giả. Đâu có cần phải lấy huyền để tìm chơn. Bạn rớt vào bài của ngài A Nan, hễ có khởi lên phân biệt thì cái ấy đã là vọng tưởng điên đảo, sống

trong vọng tưởng điên đảo thì khi chết nó lăn trôi trong ba cõi sáu đường, lấy giả làm thật, biết rõ thực tướng của các pháp mà không dính mắc, điều đó mới quan trọng.

Bởi vậy cho nên trong kinh Kim Cang mới nói: “*Ung Vô Sở Trụ Như Sanh Kỳ Tâm*”. Và khi ngài Huệ Năng nghe được nhảy lên la: “*Trời, con không ngờ tự tánh của con vốn thanh tịnh. Con không ngờ tự tánh của con tròn đầy, và con không ngờ tánh con có đầy đủ hết các thứ mà con mãi tìm bên ngoài*”, giống như là anh chàng Cùngthử ở trong kinh Pháp Hoa có viên ngọc ở trong ché áo mà cứ đi ăn xin, xin hết chỗ này chỗ kia, giống như bạn đã chạy hết đạo tràng này tới đạo tràng kia, chạy hết chùa này, đến chùa kia, chùa này không linh chùa kia linh. Thầy này nói dở thầy kia nói hay. Chẳng có thầy nào dở, chẳng có thầy nào hay. Tùy phương tiện cho thuốc. Nếu các thầy đã là thầy, các thầy đều là phương tiện. Mục đích chính làm cho người hành giả được trở về với tự tánh của ta, nhìn thấy rõ tự tánh của ta, điều đó mới quan trọng, điều đó mới đem lại lợi lạc cho người hành giả. Đó là mục đích chính của những đệ tử của Phật. Nếu không đem lại được cho hành giả thì chỉ là nói suông vô ích. Cho nên có khi các vị Thiền sư phải đánh la, chọc. Khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi ngài A Nan tới hỏi ngài Ca Diếp “Bạch sư huynh, Đức Thế Tôn đưa lại y bát cho sư huynh, Đức Thế Tôn có

dạy cái gì bí mật của trong đạo Phật hay không?” ngài Ca Diếp nói

- Này A Nan!
- Dạ.
- Cây phượng trước chùa ngã

Ý nói cái gì thế? Tại sao ngài A Nan hỏi là Đức Phật có đưa bí mật, yếu chỉ gì cho đại sư huynh không, thì ngài Ca Diếp gọi, Này A Nan! thì là trực tâm chứ gì, khi người ta gọi thì ta dạ, rồi ngài Ca Diếp lại nói tiếp, “*Cây phượng trước chùa ngã*”. Bạn hiểu không?

Hòn Ngọc Minh Châu hỏi cái gì “Lìa tứ cú”, ấy lại chấp có tứ cú. Có tứ cú đâu mà lìa, đã nói thuốc giả cho bệnh giả, thuốc giả để trị bệnh giả, làm gì có mà lìa với không lìa. Nhìn thực tướng của các pháp là thế.

Núi là núi, sông là sông thì có gì đâu mà phải lìa với không lìa. Khi chưa tu thì thấy cô gái đẹp, mới tu thấy cô con gái là tứ đại và ngũ uẩn, là nhơ nhớp, là bị bị thịt biết đi. Mà tu lâu hơn nữa rồi, thì thấy cô con gái vẫn là cô con gái đẹp. Tại sao thế? Tại vì thấy rõ thật tướng của các pháp nó như thế, không vương mắc nữa, không còn lý luận nữa, thấy nó biết ngay cô con gái đẹp.

Tại sao khi Đức Thế Tôn sau khi đi tu xong chứng đắc, quay trở về tìm lại gia đình cũ, tìm lại phụ vương, tìm

lại người vợ cũ là công chúa, rồi Đức Thế Tôn và ngài A Nan đi vào trong tư phòng của công chúa để gặp?.

Công chúa lúc bấy giờ ôm chân Đức Phật khóc sụt sướt, nước mắt rơi lã chã. Đức Thế Tôn vào, ngài A Nan cũng ở ngay đó chứng kiến. Công chúa gieo ta xuống dưới đất ôm chân ngài khóc, 6 năm em nhớ chàng, khóc như mưa.

Ngài A Nan rầy công chúa, không nên ôm chân Đức Phật và Phật cũng không nên để cho công chúa ôm chân. Đức Phật nói, Này A Nan, người không nên làm thế?

Tại sao Đức Phật nói “Này A Nan, người không nên làm thế, không nên cản? Tại sao?”

Đức Phật đã nhìn rõ thực tướng của chấp pháp là như thế. Như thị như thị, thì có gì đâu để mà dính mắc, mà không dính mắc rồi thì có ôm chân hay không ôm chân thì cũng như thế mà thôi.

Bạn đi lâu ngày về mà vợ nó ôm chân thì nhiều lúc bạn cũng sinh ra phiền não, tâm nó nhảy lùng bùng, nhưng đối với Đức Phật, Ngài đã nhìn rõ thực tướng của Pháp đã như thế, nó là như thế không sai, mà nếu đã không có sai chạy, tâm không động nữa thì có gì vướng mắc phải cản người ta đừng ôm chân.

***Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.*** Tâm đã không vướng mắc vào một pháp nào nữa thì nó là như thế, không chạy theo cảnh, không chấp. Cho nên ngài mới nói với ngài A Nan: “*ngươi không nên làm thế, ngươi không nên làm thế, đừng cản*”. Cho nên, nói là tâm, nhưng thật sự là vọng tưởng điên đảo, chạy theo tâm tham, tâm sân, tâm si. Tức là theo cảnh mới sinh tâm, còn cái gọi là bản tâm thanh tịnh, chơn tâm thường trụ hay là tam muội, những cái thứ gọi là Phật tánh, những cái thứ ấy giấu ở đâu, nó tiềm tàng ở đâu thì chúng ta phải học hết kinh Thủ Lăng Nghiêm thì may ra thấy được.



## **BÀI 5: VẠN PHÁP ĐỀU LÀ PHẬT PHÁP**

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là một loại kinh bất lập văn tự, chỉ thẳng vào tâm và chúng ta trong suốt thời gian qua đã học cũng chỉ để tìm ra cái gọi là chơn tâm thường trụ.

Bảy lần Phật vấn A Nan để phá chấp của A Nan. A Nan chấp, vì chấp ấy chạy theo thường kiến, thế gian pháp quy định như thế cho nên chấp như thế và chấp như thế thì rớt vào cái chỗ đó là chân lý. Bảy lần Phật vấn A Nan là có dụng đích để phá chấp, chấp rằng con mắt ở trên mặt, chấp rằng tâm ở trong hay ở ngoài và con mắt có sự quan hệ với tâm, con mắt nhìn tâm sanh. Đó đều là chấp. Và mục đích cũng chỉ là phá chấp mà thôi. Chú không hề chỉ cho chúng ta biết là tâm có hình dáng nó như thế nào, nó ở đâu? Và cũng không hề nói rằng con mắt thấy hay không thấy?

Chúng ta đi xa hơn một bước nữa để nhận ra thực tướng của các pháp, vạn pháp đều là Phật Pháp. Chúng ta học về thường kiến, chơn kiến, thường kiến chánh kiến và khi bạn đã có chơn kiến rồi lại chánh kiến nữa thì chúng ta tiếp tục đi một bước đồng mãnh hơn, thù thắng hơn, đó là các pháp đều là Phật Pháp.

Khi đã có chánh kiến thì một cử động - nhất cử nhất động đều theo Chánh pháp. Khi đã có chánh kiến, thì



thấy rất rõ các pháp đều là Phật Pháp. Mà các pháp đều là Phật Pháp thì tự nhiên giới luật là nghiêm trì, thân khẩu ý luôn luôn là thanh tịnh - tại vì Phật Pháp không có cái ô nhiễm, vạn pháp đều là bình đẳng và thanh tịnh, đó là lời Đức Thế Tôn dạy. Đức Thế Tôn dạy: “*Vạn pháp đều bình đẳng đó là lần thứ nhất, thứ nhì các pháp đều tự tánh vốn là thanh tịnh*”. Thế thì trong các pháp ấy không có ô nhiễm, cho nên các pháp đều là Phật Pháp tại vì Phật Pháp đều là thanh tịnh. Nếu có khởi lên một niệm mà niệm ấy không thanh tịnh thì Đức Thế Tôn cũng dạy: “*Biển cả không chứa tử thi*”.

Hễ có nhân đương nhiên có quả, nếu nhân không thanh tịnh thì quả sẽ không thanh tịnh, biển cả không chứa tử thi. Khi đã nhận thức được bằng chánh kiến, bằng chân kiến - các pháp vốn là duyên sanh. Đức Thế Tôn đã nói vạn pháp do duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyễn không thực. Thế thì có cái huyễn nào mà lại thanh tịnh hay không thanh tịnh, có cái huyễn nào mà nhuế hay là thanh tịnh.

Khi nó đã là như huyễn rồi thì đâu còn có chỗ nào nữa để mà nói rằng nó thanh tịnh hay không thanh tịnh. Chúng ta biết ở trong trái đất này: Nhà cửa, đất, gió lửa các thứ .. xe cộ, máy bay... hình tướng khác nhau nhưng nó chỉ là năng lượng. Cho tới hiện nay người ta đã khám

phá ra được tổng cộng 118 nguyên tử. Nhưng cấu trúc của nguyên tử cũng chỉ là electron, proton và notron. Có nghĩa là thực tướng của các pháp đều là thanh tịnh, nó chỉ là năng lượng, mà hễ nó là năng lượng thì nó bình đẳng.

Năng lượng không có năng lượng thanh tịnh hay năng lượng nhuế. Năng lượng là năng lượng. Electron là electron, proton là proton, notron là notron. Không có electron thanh tịnh hay electron nhuế. Nó đều bình đẳng tại vì nó là năng lượng. Thế thì khi nó là năng lượng tức là nó đều bình đẳng thì nó làm gì có dư có sạch, làm gì có nhuế có tịnh, thế thì dư nhuế tịnh ở chỗ nào? Nếu đó là bình đẳng, nó cùng là năng lượng, trong trái đất này có 118 nguyên tử mà cấu tạo nên muôn loài vạn vật. Và 118 nguyên tử đó cũng chỉ là năng lượng. Bởi thế, Đức Thế Tôn mới nói: “*Vạn pháp đều là bình đẳng*”. Vạn pháp tự tánh vốn thanh tịnh. Tại vì năng lượng không hề có nhuế có tịnh, không hề có tăng có giảm. Năng lượng là năng lượng.

Nếu đã có chánh kiến, chúng ta đã thấy rõ thực tướng của các pháp đều là như thế. Có nghĩa là vạn pháp đều là Phật Pháp tại vì nó thanh tịnh. Mà Phật Pháp lúc nào cũng thanh tịnh, cho nên các pháp đều thanh tịnh. Khi đã có chánh kiến, các pháp đều thanh tịnh.

Nếu bây giờ chúng ta thử đặt câu hỏi, nếu như chúng ta không có chánh kiến, chúng ta chỉ có thường kiến. Thường kiến là kiến chấp theo quy ước của thế gian. Quy ước của thế gian là con gái thì phải mặc áo dài, con trai nó phải để tóc ngắn, ông thầy tu thì phải cạo đầu. Thế thì nếu sống trong thường kiến thì có xa lìa chơn kiến và chánh kiến hay không?

Nếu sống trong thường kiến tức là quy ước của thế gian mà quy ước của thế gian tức là có điều kiện là duyên sanh mà duyên sanh là như huyễn. Thế thì cái thường kiến ấy có thay đổi vạn pháp đều là Phật Pháp hay không? Có thể nào lấy thường kiến để nhìn vào vạn pháp để biết rằng các pháp ấy đều là Phật Pháp hay không?

Chúng ta đã biết chánh kiến nhìn thực tướng của các pháp thấy rất rõ bản chất của nó vốn là thanh tịnh là ion cộng và ion trừ thì các pháp đồng 1 thể. Cho nên các pháp đều là Phật Pháp. Thế rồi bây giờ chúng ta lật ngược trở lại, chúng ta nói rằng thường kiến thì sao? Tức những con người không hề có chơn kiến và chánh kiến. Thường kiến là cái kiến trúc, nhìn theo quan điểm của thế gian, nhìn theo quy ước của thế gian. Mà quy ước của thế gian thì nó không có đồng nhất. Ở bên Mỹ, quy ước của thế gian nó khác với quy ước của thế gian ở Việt Nam và ngay cả ở Việt Nam cũng có quy ước ba miền

khác nhau, miền Bắc quy ước với nhau khác, sinh hoạt khác, văn hóa khác và miền Nam quy ước nó cũng khác, không có chỗ nào giống chỗ nào mặc dù cùng ở trong một đất nước Việt Nam.

Thế gian pháp luôn luôn thay đổi phù để hợp theo địa phương theo phong tục tập quán, thường kiến tức là cái nhìn của thế gian có thấy được các pháp đều là Phật Pháp không? Nếu là người tu Phật thì chúng ta thấy rất rõ các pháp đều do duyên sanh, bất chấp nó là thường hay là chân hay là chánh, chánh kiến thường kiến và chơn kiến.

Thường kiến là pháp của thế gian, có nghĩa là lấy sóng, lấy vọng tưởng điên đảo làm gốc nhưng nếu không có sóng thì làm sao thấy được nước, nương theo sóng để tìm nước, nương theo vọng để thấy cái chơn, trong vọng đã có chơn, chơn là thể tịnh, đủ duyên thì vọng, cho nên là danh từ thế gian đối đãi quy ước gọi nó là vọng nhưng bản chất của nó cũng là chơn.

Trong Chứng Đạo Ca ngài Huyền Giác mới nói: *“Thân không ảo hóa ấy pháp thân chẳng trừ vọng mà chẳng cầu chơn”*. Chẳng trừ vọng chẳng cầu chơn tại sao thấy tại vì ấy là thường kiến cho nên có chơn có vọng, còn khi đã thấy rất rõ thực tướng của các pháp không vướng mắc vào chỗ chơn hay là chánh kiến hay là thường kiến nữa thì các pháp đều như thị.

Trái Đất này chúng ta thấy nhà cửa máy bay, xe cộ, người lớn, người trẻ, người già, đàn ông, đàn bà, muôn hình vạn tượng nhưng đều không đi ra ngoài 118 nguyên tử, nó được cấu tạo bởi 118 nguyên tử và trong 118 nguyên tử ấy chỉ khác nhau ở số lượng và cấu trúc của electron, proton và notron. Có nghĩa là năng lượng, bản chất của năng lượng tự tánh nó vốn là thanh tịnh, nó không có gì khác hết, không tăng không giảm, không dơ không sạch.

Thế thì cái gì mà làm cho nó khác, cái gì làm cho nó dơ? Ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi chấp tay đánh lễ Phật nói rằng trong hội này chẳng ngộ được hai nghĩa phi thị với tiếng kiến tinh và sắc không của Như Lai, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt nếu kiến tính thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tính thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩ do đâu, nên sinh sợ mong Như Lai từ bi, phát minh những vật được Phật kiến tinh trong đó chẳng có thị và phi thị, thì nó vốn là vật gì.

Phật bảo Văn Thù và đại chúng, Phật trả lời như thế này: “*Mười phương Như Lai Đại Bồ Tát tự trụ lên chánh định, mười phương Như Lai Đại Bồ Tát tự trụ nơi chính định, thoát khỏi chân trần kiến tính với sắc không, tức là năng kiến với sở kiến đầy, ý năng tưởng, tưởng sở*

*tướng vốn không có cũng như hoa đóm trên hư không, vậy thì cái kiến tính và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của vô thường Bồ Đề sao lại có thị hay là phi thị ở trong ấy. Nay ta hỏi người Văn Thù, lại có Văn Thù nào lại là thị Văn Thù hay là phi thị Văn Thù chẳng?”.*

*Đức Thế Tôn hỏi: “Ý năng tướng, tướng sợ tướng vốn chẳng thật có như hoa đóm trên hư không, vậy thì cái kiến tính và cái sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ vô thường Bồ Đề, thì làm gì có thị và phi thị hay là phi thị ở trong ấy, trong cái năng lượng làm gì có cái thị phi ở trong cái năng lượng”.*

*Thế thì Ngài Văn Thù trả lời: “Bạch Thế Tôn, đúng thế, con là chơn Văn Thù tức là Văn Thù thứ thiệt, không có chẳng thị Văn Thù hay chẳng phi Văn Thù, chẳng có hai cái tướng thị và phi trong cái Văn Thù vì Văn Thù là Văn Thù, thực tướng của các pháp là như thế không có thị và cũng không có phi”.*

*Phật nói tiếp: “Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ tròn đầy, trong sạch của vô thường Bồ Đề, hễ vọng thì thành sắc không một kiến văn như đệ nhị nguyệt, vậy thế nào là thị nguyệt cái nào là phi nguyệt”?*

Văn Thù chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng thị nguyệt, phi nguyệt. Cho nên người phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần gọi là vọng tướng, chẳng thể chỉ ra thị hay phi thị về cái giác tính, tính diệu sáng suốt nên khiến người được khỏi vượt qua khỏi chỉ và phi chỉ, đã nói bản kiến diệu minh thì tự nó là như thế, nó đồng với hư không và nó cũng đồng với lục trần và nó cũng đồng với sáu căn, và cũng đồng với sáu trần, nó tròn đầy trong sạch, hễ khởi vọng thành sắc không khó phân biệt như là đệ nhị nguyệt, tức là mặt trăng thứ 2.

Mặt trăng thứ 2 là gì? Là hoa đóm trong hư không. Khi bạn dụi mắt bạn thấy hoa đóm, cái hoa đóm ở đâu mà ra, nếu nói rằng nó không có thì làm sao thấy, mà nếu nói rằng có thì chúng ta sai, tại vì dụi mắt mới thấy hoa đóm mà thôi, cho nên mặt trăng thứ hai cũng không phải giả, nhìn vào mặt hồ thấy mặt trăng ở trong nước, nhưng mà nương theo mặt trăng ấy để nhìn lên trời, nhìn lên bầu trời thấy mặt trăng thứ nhất, có nghĩa là nếu không nương vọng thì làm sao có chơn, nếu không nương theo sóng thì làm sao thấy được nước.



Cho nên thường kiến, chánh kiến hay chơn kiến chẳng qua là quy ước của thế gian đối đãi khi khởi ý phân biệt thì lập tức rớt vào vọng tưởng điên đảo, tức là tà chơn tánh chơn dặt diệu minh đủ duyên thì hiện ra như thế thôi. Đức Thế Tôn dạy: *“Vời hư không và lục trần cũng như thế nó vốn là chơn tâm sáng tỏ”*. Nên hư không và lục trần cũng là chơn tâm sáng tỏ thôi. Cho nên trong mặt trăng thứ hai làm gì có cái gọi là thị nguyệt hay là phi nguyệt, nếu thấy rõ được như thế thì ra khỏi được cái chỗ thị phi, đúng sai.

Thế thì áp dụng vạn pháp đều là Phật Pháp như thế nào?

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn hỏi 25 vị đệ tử: *“Vì lý do gì mà các ông chứng đắc?”* Đức Thế Tôn hỏi: *“Vì cái duyên có gì mà các ông chứng đắc các*



ông được vào Tam-ma-địa”? Ngài Kiều Trần Như trong năm vị Tỳ-kheo đó mới thưa rằng: “Do con nhờ nơi âm thanh của Phật cho nên con ngộ được tứ thánh lễ, cho nên Phật ứng chứng còn là A-nhã-đa (ngộ giải), được Diệu âm mật viên. Con do âm thanh mà đắc quả A la Hán, cho nên đối với con âm thanh là hơn cả”.

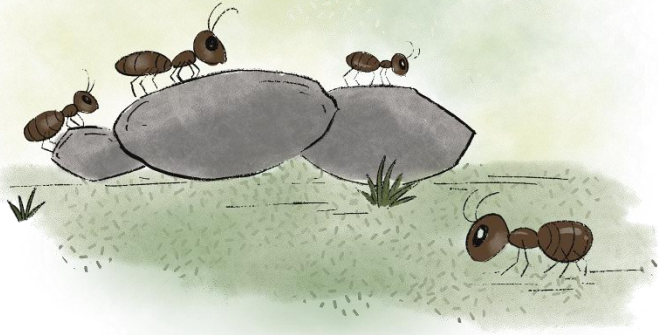
Ngài Kiều Trần Như nhờ nghe pháp âm của Đức Từ Phụ chứng đắc A La Hán mà hiểu được cái diệu dụng của Tứ Diệu Đế vì nhờ âm thanh nên chứng đắc A La Hán. Cho nên đối với Kiều Trần Như thì âm thanh là hơn cả. Âm thanh là gì? âm thanh có phải là trần không, âm thanh là trần, lỗ tai là căn, nhĩ căn. Còn âm thanh là nhĩ trần. Thế thì nương theo trần mà chứng đắc A La Hán, tại sao? Là vì quán chiếu biết âm thanh là trần, mà trần là duyên sanh.

Ở trong kinh Pháp Cú ở phẩm Ngàn, Đức Thế Tôn dạy cho Bahiya, Đức Thế Tôn nói như thế này: “Người hành giả muốn quán chiếu thì hãy chú ý, trong cái sự nghe sẽ có cái nghe”. Thế thì âm thanh là gì? Nếu không có tai, nếu không có nhĩ thức thì liệu chúng ta có cảm nhận được âm thanh không? Chúng ta có biết được âm thanh đó không? Nếu chúng ta điếc thì có nghe được không? Chắc chắn là không.

Thế thì cái gọi là âm thanh, cảm nhận được âm thanh, phải có hội đủ các các yếu tố cần và đủ, các yếu tố ấy là phải có điều kiện môi trường, lỗ tai, rồi nhĩ thức những quy ước của thế gian, những văn từ a, b, c, ráp lại thành câu, chúng ta đã được nhồi sọ từ nhỏ tới lớn, để khi nói ra cái chữ a, b, c, d, chúng ta hiểu ngay được ý nghĩa. Tức là âm thanh tự tánh nó vốn là không, nhưng khi nghe thì biết đó là âm thanh, thì âm thanh đó phải có điều kiện, là duyên sanh. Cho nên Đức Thế Tôn mới nói ông Bahiya là ông hãy quán chiếu trong sự nghe chỉ có cái nghe, tức là sao?

Ông Kiều Trần Như cũng thế, nhờ quán chiếu âm thanh, nhờ phát âm vi diệu của Đức Từ Phụ mới hiểu được Tứ Diệu Đế, nương vào đấy để hiểu được Tứ Diệu Đế. Nhiều người nói khổ tập diệt đạo. Nhưng hỏi bạn có sống trong đó không?

Giống như cái muỗng canh múc hết tô này đến tô kia hoặc là giống như con kiến ở vườn Kỳ Viên. Ở cổng Kỳ Viên, có con kiến chỗ nào có Phật ra đời thì nó tới nghe. Nhưng nó chỉ có nghe thôi, tức là nó vẫn nhưng nó không tư, không tu. Rồi thành thử 80 ngàn kiếp chỉ là con kiến. Ngài Kiều Trần Như nhờ âm thanh của Phật, âm thanh vi diệu của Phật mà chứng ngộ được Tứ Thánh Đế, cho nên đối với ngài, âm thanh là hay nhất.



Ngài Ưu Va Ni Sa Đà quán tướng bất tịnh khi thấy rằng các tướng đều bất tịnh, thân là bất tịnh cho nên sinh lòng nhàm chán, mà sinh lòng nhàm chán thì biết rằng cái tánh sắc đều là bất tịnh như xác chết, con người ta thấy sống thấy đi đứng, cười nói vui vẻ xinh đẹp nhưng bạn có biết rằng tự trong cái thân của ta hoàn toàn bất tịnh hay không? Chúng ta chỉ là thùng phân biết đi, những cái thùng nước tiểu biết đi và những xác chết chờ đợi ở trong hòm, có khác gì đâu. Ở trong bao tử là biết bao nhiêu là con vi khuẩn nó đang ở trong đó, rồi xương từ từ thoái hóa, thịt nó cũng từ từ nó thoái hóa, hai mươi một ngày thì tất cả các máu ở trong con người đều được

thay té bào mới, rồi khi chết mà bỏ vô hòm rồi thì sao? Mới chết mấy tiếng đồng hồ là lạnh ngắt, rờ tới thân nó lạnh là đã sợ rồi, mà để năm, sáu ngày thì thúi chịu không nổi.

Hồi xưa có câu chuyện nói về phẩm quán âm, ngài Quán Thế Âm rất là từ bi, Ngài tùy theo căn cơ chúng sanh mà Ngài độ, có một làng đó chuyên môn phỉ báng Phật Pháp, thế rồi Ngài mới thị hiện ra làm cô con gái của ông trưởng làng rất là xinh đẹp, tới năm mười bảy mười tám tuổi thì đương nhiên rất nhiều người muốn làm kết nghĩa, thế thì cô con gái nói rằng: *“Có một mình tôi mà đông quá làm sao tôi lấy làm chồng được, thôi thì bây giờ ai mà thuộc lòng được mấy câu của Đức Phật dạy, luôn làm các điều lành, luôn tránh các điều ác, luôn giữ tâm thanh tịnh đó là lời chư Phật dạy, ai mà thuộc lòng, trả bài, thì tôi sẽ nhận làm chồng”*.

Tới ngày dự thi, năm chục ngàn người đều nói được câu ấy, thế thì cô mới nói: *“Có mình tôi mà năm chục ngàn người thì làm sao tôi nhận làm chồng được, thôi thì bây giờ trong số năm chục ngàn người này nếu ai tụng được bài Chú Đại Bi đó thì tôi nhận làm chồng”*.

Ba tháng sau người ta lại tiếp tục khảo thí, thì có một ngàn người tụng chú Đại Bi rất ráo, không những tụng được mà hiểu nghĩa nữa giải thích rất hay. Thế cô gái

mới nói: “*Một ngàn người thì tôi cũng đâu có thể nào mà lấy làm chồng hết được. Thôi bây giờ ai tụng kinh Kim Cang mà tụng thuộc lâu. Trong một năm sau đi thi, thì tôi nhận làm chồng*”.

Người ta đi về học kinh Kim Cang, vì Kinh Kim Cang khó quá, cuối cùng còn có một người. Có một người đăng ký đã thuộc lòng, mà không những thuộc lòng còn hiểu nghĩa, xin đăng ký đến dự thi, khi vừa đăng ký đến dự thi thì nghe tin cô gái này chết. Anh chàng tới nói với gia đình bằng mọi cách cho tôi xem mặt vì tôi đã bỏ hết công sức tôi học cho thuộc kinh đó rồi mà nay cô ấy chết thì cũng cho tôi thấy mặt cho thỏa mãn. Gia đình nói chết rồi thì bỏ vào hòm, mở ra làm gì nữa. Nhưng anh chàng này anh năn nỉ quá, cuối cùng gia đình cũng siêu lòng mở quan tài ra cho anh xem. Khi mở quan tài ra cho anh xem, cô gái này đã chết bảy ngày rồi. Cô con gái rất là xinh đẹp nhưng khi mở quan tài lên thì lập tức nó xì hơi thúi, rồi mở lên thấy dòi nó đục ở trong mắt, trong mũi các nơi nào cũng có dòi nó đục ở trong ấy, lỗ tai, lỗ mắt rồi đầu trán dòi thúi khắp mọi nơi và xình lên, trương lên, và khi anh chàng này nhìn thấy như vậy lập tức anh hiểu ra được trong kinh Kim Cang nói Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm.

Đức Phật dạy: “*Không trụ nơi sắc mà sanh tâm, không trụ nơi hương mà sanh tâm*”, tức là ung vô sở trụ nói cho đúng là không trụ nơi sắc mà sanh tâm không trụ nơi hương mà sanh tâm, và khi nhìn thấy cô con gái đó xác nó xình lên, nó to ra, dòi nó đục ở trong lỗ mắt, lỗ mũi, dòi nó bò ra lúc nhúc, ảnh dòm ảnh ói mưa ra ngay ở chỗ ấy, thấy được thực tướng của các pháp như thế nào gọi là bất tịnh, thân bất tịnh, ngay chỗ ấy ảnh mới hiểu được thế nào gọi là ung vô sở trụ, thế nào là không trụ nơi sắc mà sanh tâm, không trụ nơi hương mà sanh tâm. Người tu hành đọc một ngàn quyển kinh sách nhưng không thể nghiệm, không sống ở trong những chân lý ấy thì cũng chỉ là muông mức canh.

Nguyễn Du (1765 - 1820) đi xứ sang Tàu, đi tới chỗ thạch đài, thấy chỗ đó ngày xưa xây dựng rất to, cả chục ngàn Tăng Ni ngồi đó để dịch kinh sách cho tới ngày Ngài đi sang thì tan hoang hết rồi, còn lại nền cỏ thôi, lầu đài sập đổ, cho nên ngài mới nói mấy câu trong bài thơ Đọc Kinh Kim Cang: “*Kim Cang đọc cả ngàn lần. Mà trong mờ ảo như gần như xa*”. Kim Cang đọc cả ngàn lần trong mờ ảo như gần như xa, tại vì nói rằng ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm không trụ sắc mà sanh tâm, không trụ hương mà sanh tâm, ai cũng nói được nhưng hiểu được lại là chuyện khác, rồi thể nghiệm được với điều ấy tức là sống thực với những điều ấy là chuyện

khác nữa. Không trụ sắc mà sanh tâm, không nên trụ hương mà sanh tâm.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, ngài Kiều Trần Như nói nhờ âm thanh của Phật mà con ngộ được tứ diệu đế, thế thì âm thanh đó là gì? Tại sao ngài Kiều Trần Như lại nhờ âm thanh tức là trú vào âm thanh mà ngộ ra thánh đế, rồi trong kinh Kim Cang lại nói không trụ nơi sắc mà sanh tâm là gì vậy?

Vạn pháp đều là Phật Pháp tại vì ngài Kiều Trần Như chấp rằng các pháp đều có thực, có quả vị gọi là A La Hán, mà muốn đạt tới quả vị A La Hán là phải tu khổ hạnh, phải buông xả hết, phải ép xác, để cho cuối cùng mới nhìn thấy được chân lý đó là phương pháp tu hành khổ hạnh. Khi Đức Từ Phụ đến vườn Lộc Uyển nói bài pháp Tứ Diệu Đế thì chỉ có ngài Kiều Trần Như nương theo âm thanh vi diệu của Đức Thế Tôn hiểu được tứ diệu đế. Tại vì Ngài Kiều Trần Như đã sống ở trong khổ hạnh, cho nên nói tới khổ là gì mới hiểu được, nương theo âm thanh mà hiểu.

Thiền sư Hoàng Bá – Hy Vận có một câu: “*Chẳng phải một phen sương lạnh buốt. Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương (Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt. Tranh đắc hoa mai phốc tử hương)*”, phải qua một đêm đông lạnh buốt thì mai nở mùa xuân mới đẹp. Người tu hành cũng

thể nếu không bị đánh đập, không bị tra khảo, không bị chửi mắng, không bị khảo đảo thì làm sao thể nghiệm được cái nào là sắc, cái nào là không, cái nào là tâm, cái nào là không tâm, cái nào là vọng, cái nào là chơn. Nói lý thuyết thì giống như cái muỗng múc canh, nhưng phải sống ở trong đó, phải bị người ta mắng chửi, bị người ta sai xử mà tâm rất hoan hỉ.

Bạn ở chùa thì ít phiền não, tại vì thường thường Phật tử tới chùa gặp Tăng Ni đều chấp tay, lâu lắm mới có một người cự nự ông sư thôi, còn ngoài ra đều chấp tay thưa gửi, thưa thầy, thưa cô nghe cũng khoái lắm phải không chư vị? Nghe âm thanh là thích phải không? Thích rồi sao? Khởi lên ngã liền lập tức, khởi lên ngã, ưa thích thì có ngã sở khởi tâm phân biệt thì lập tức vọng tưởng điên đảo, sống trong vọng tưởng điên đảo.

Trong gia đình khó tu lắm nhưng chỗ ấy mới là chỗ tu tốt. Các cụ hồi xưa đã nói thứ nhất là tu tại gia. Vợ chửi tôi ngày, chồng mắng nhiếc tôi ngày, ấy thế mà nghe vợ mắng nhiếc, cần nhần như nghe đàn piano, nghe chồng cần nhần nghe giống y như là nhạc opera, nghe được như vậy tâm nó mới khởi lên hoan hỉ, mà tâm khởi lên hoan hỉ thì lúc ấy mới thật sự là tu. Chúng đắc ở đây. Chớ còn nói nhần nhục ông xã, bà xã nói như thế tôi nhần nhục, chịu đựng tôi không cãi lại thì đó là trạng



thái ức chế tâm, không có lợi lạc gì hết, nhưng nghe rồi hoan hỉ giống như nghe nhạc thì mới thật sự là tu, mới là thể nghiệm được thực tướng của pháp.

Đức Thế Tôn hỏi 25 vị đại đệ tử bằng cách nào các ông chứng đắc, người thì nói nhờ âm thanh, người thì nói quán tướng bất tịnh. Ngài Hương Nghiêm đồng tử nói: “*Con thấy mùi hương trầm bay vào mũi thì lập tức quán chiếu thấy mùi hương này phi gỗ, phi không phi khói, phi lửa chẳng từ đâu đến chẳng đi về đâu*”, vì biết rằng từ gỗ cũng không có mùi hương, từ lửa cũng không mùi hương, từ khói cũng không vị hương, từ không gian không có mùi hương. Cho nên khi quán chiếu thì ngài thấy rằng phi gỗ, phi không, phi khói phi lửa và mùi hương này cũng chẳng từ đâu đến cũng chẳng biết đi về đâu, chẳng qua nó đủ nhân duyên cho nên nó thành ra mùi hương trầm đó thôi và khi quán chiếu được lý duyên sanh rất rõ như thế, thể nghiệm được như thế, ý căn đều tiêu diệt và phát minh vô lậu. Cho nên Như Lai mới ấn chứng hiệu là Hương Nghiêm, khi hương trần đã diệt diệu hương mặc viên, do Hương Nghiêm mà đắc quả A La Hán. Cho nên ngài Hương Nghiêm đồng tử mới nói hương trầm là hương trần hơn cả. Thế thì hương trần là gì? Hương trần là mùi hương của mùi trầm. Hương trầm đó là trần nó không có dính mắc gì tới ta hết, nhưng mà khi chạm tới mũi lập tức khởi lên ưa thích hay buồn

phiền, thường thường hương trầm khởi lên ưa thích, nhất là hương trầm là tâm lại thư thái, cứ nghĩ ta ở chùa, người thấy mùi trầm là tâm xung mãn ưa thích.

Thế thì 25 vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn, khi hỏi 25 vị ấy vì sao các ông chứng đắc thì mỗi vị nói một cách. Nhưng có ai biết con số 25 không? Tại sao không 26, hay 23 hay 22. Hai mươi lăm là sáu căn, sáu trần, sáu thức và bảy đại. Sáu căn là gì? Sáu căn (Mắt tai mũi lưỡi thân ý) là cái của ta phải không? Thức là gì? Nhãn thức (quan năng thấy), nhĩ thức (quan năng nghe), tỷ thức (quan năng ngửi), thiệt thức (quan năng nếm), thân thức (quan năng tiếp xúc), ý thức (quan năng dùng bộ não phối hợp với các căn trên mà nhận thức ngoại cảnh)) là do căn trần giao thoa. Trần là cái gì (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), trần là những cái ở ngoài chẳng có dính mắc gì tới ta, sắc thanh hương vị xúc pháp. Bảy đại là gì? Bảy đại là những căn chất cấu tạo nên thân.

Sáu căn sáu trần sáu thức và bảy đại là những cái thứ ở ngoài, ở trong những cái thứ hỗn tạp như thế này, nó là một đồng rác, thùng phân biết đi. Cái thứ ấy nó lại quý vô cùng, tại sao? Tại vì nhờ nơi nó mà chứng đắc, nhờ chứng đắc đó mà có thể quý, cho nên bất cầu bất tịnh là chỗ này đây. Nếu thấy được thì nhận diện nó, còn không thấy được thì sống trong vọng tưởng điên đảo.

Sáu căn sáu trần sáu thức đều là huyễn, bảy đại cũng là huyễn. Nhưng cũng phải nhờ nó mới thấy được thực tướng của các pháp. Thế thì chính nó là gì, chính nó là Phật Pháp. Sáu căn ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn nói rất rõ: “*Nương nơi sáu căn mà chư Phật thành tựu, cũng nương nơi sáu căn mà chúng sanh trôi nổi trong ba cõi sáu đường, trong lục đạo*”. Sống trong sáu căn mà vọng tưởng điên đảo thì ba cõi sáu đường cứ thế mà trôi lăn mãi.

Thấy cô con gái đẹp khởi tâm ưa thích, cũng giống như ngài A Nan, con lấy mắt để thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp cho nên khởi tâm ưa thích mà đi tu. Thấy căn và trần cho nên tạo ra cái thức, mà thức ấy làm tưởng rằng là tâm. Chúng sanh cũng thế, lấy thức làm tâm, sáu căn sáu trần sáu thức, cho nên trôi nổi trong ba cõi sáu đường. Nhưng thật sự ra thì sáu căn sáu trần sáu thức đều là huyễn.

Chọn tướng các thứ ấy đều là Phật Pháp. Nếu không nương nơi nó thì không thể nào thấy được chân lý. Không nương nơi căn, không nương nơi trần, không nương nơi thức, thì không bao giờ thấy được chân lý. Tại vì căn trần thức chỉ là năng lượng của các pháp mà hễ là năng lượng thì bình đẳng và thanh tịnh. Có thức

nào gọi là thức nhưế? Tự tánh nó vốn là thanh tịnh, nó do duyên sanh, duyên sanh thì như huyễn.

Thế thì tại sao mà chúng ta lại trôi nổi trong ba cõi sáu đường khi các pháp đều là Phật Pháp? Tại vì chúng ta cố chấp, chấp ngã, chấp pháp và kiến chấp, ba cái chấp ấy chính là điên đảo. Mà sao lại chấp ngã, trong khi biết rằng ngã là không có. Nếu có người nào chê sao dốt quá vậy, tự nhiên nổi sân lên liền, nếu không nổi sân thì cũng buồn, cũng phiền phải không? Nói con xinh đẹp như thế này mà thầy nói con xấu thì khởi tâm buồn phiền, thế thì âm thanh tự tánh vốn là thanh tịnh tại sao người nghe khởi tâm phân biệt, khởi tâm phân biệt thì vọng tưởng điên đảo chạy theo cảnh, chạy theo cảnh thì trôi nổi trong ba cõi sáu đường.

Thực tướng của các pháp đều là Phật Pháp. Tại vì các pháp đều bình đẳng vì các pháp đều là thanh tịnh. Mà hề thanh tịnh, bình đẳng đều là Phật Pháp. Tại sao mà chúng ta nói cái này hơn cái kia? Có cái này thanh tịnh hơn cái kia, có cái này tốt hơn cái kia. Tại vì tâm phân biệt của chúng ta. Tự tánh các pháp vốn là thanh tịnh. 25 vị chứng đắc A La Hán đã chứng minh cho chúng ta thấy căn, trần, thức, và thất đại đều bình đẳng. Cũng nhờ nơi các chỗ ấy mà các vị chứng đắc A La Hán.

Bạt-đà-bà-la cùng 16 vị Đại Sĩ đứng dậy đánh lễ Phật nói rằng: “*Chúng con trước kia ở nơi Phật Oai Âm Vương nghe Pháp rồi xuất gia, đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc.*” Bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc, thấy rất rõ tánh nước chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân. Nếu nói rằng dùng nước để rửa thân hay dùng nước để rửa bụi, quán chiếu thì thấy nó không có cho nên An Nhiên. “*Như-lai đặt tên con là Bạt-đà-bà-la (có nghĩa là Hiền Hộ) do phát minh Diệu Xúc, cho nên đối với con xúc trần là hơn cả*”.

Tất cả các pháp đều là Phật Pháp. Người tu Phật biết được các Pháp đều là Phật Pháp thì chỉ cần có diệu tâm tức là diệu dụng. Giống như là bạn có thỏi vàng nhưng nếu bạn là thợ kim hoàn giỏi thì sẽ chế biến thỏi vàng đó thành ra nữ trang, làm thành nhẫn hột xoàn, vòng đeo tay, dây chuyền đều do bàn tay của thợ kim hoàn. Có nghĩa là diệu tâm nó chế biến từ chơn tâm thường trụ. Cho nên các pháp đều là Phật Pháp.



Bởi thế, cho nên ở trong Đại Trí Độ Luận, Ngài Pháp Sư Hỷ Căn nói dâm, nộ, si vốn là Phật tánh. Tại sao? Tại vì chúng nó chỉ là năng lượng. Quy trình chế biến năng lượng của muối tức là natrium và clorium, khi đưa vào đi ngang của màng tế bào thần kinh nó nhả năng lượng ra và khi vào trong rồi thì nó nhập lại, thu hút năng lượng. Cái sự nhả năng lượng và thu năng lượng ấy tạo ra sự rung động trong dây thần kinh để khiến cho cơ thể nó rung động và nó phát ra từ trường. Khi thu năng lượng và nhả năng lượng thì nó phát ra từ trường. Chuyển thông tin đi khắp cơ thể đưa tới bộ não. Bởi thế cho nên, nhìn cho kỹ các pháp đều là Phật Pháp. Mà tâm

không phân biệt thì các pháp đều là Phật Pháp. Ý khởi lên thì có vọng tưởng điên đảo, có sự sai biệt.

Là người tu Phật thì chúng ta đều thấy rõ ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn dạy 25 vị chúng đắc A La Hán đều nhờ những căn trần thức và thất đại để mà chúng đắc. Có nghĩa là các Pháp đều là Phật Pháp. Không lìa pháp nào cả. Nếu bạn nhận rõ được như thế thì bạn bước ra ngoài ánh nắng thì ánh nắng cũng là Phật Pháp, hoa cũng là Phật Pháp, ngọn gió cũng là Phật Pháp, vì tất cả đều cho chúng ta một điều mà chúng ta cần học là các pháp ấy đều thanh tịnh và các pháp ấy đều bình đẳng, nó không vì chúng ta mà gió thổi. Gió thổi thì cứ thổi thôi, không vì chúng ta mà thổi đâu.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm khi Đức Thế Tôn hỏi hai mươi lăm vị A La Hán, thì ngài A-na-luật-đà nói rằng khi con mới xuất gia thường ham nằm ngủ, Như Lai quở con là loài súc sinh, nghe lời Phật quở con tự khóc lóc suốt bảy ngày không ngủ, hư hai con mắt, Thế Tôn dạy con tu pháp lạc kiến chiếu minh kim cang tam muội chẳng nhờ con mắt, xem thấy mười phương rỗng suốt như trái cây trong bàn tay; Như-lai ấn chúng cho con đắc quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông như chỗ chúng của con thì xoay cái thấy trở về bản tánh là hơn cả.

Ham nằm ngủ bị quả khóc lóc bảy ngày không ngủ hư hai con mắt, nhưng khi xoay cái thấy trở về bản tánh thì thấy hết tất cả mười phương ở trong bàn tay. Thế thì ở đây nói cái gì? Ngủ là gì? Ngủ là một cái dục phải không? Tài, sắc, danh, thực, thù, thù là ngủ, ngủ là một trong năm cái dục. Nhưng chúng sanh can cường, cứng đầu khó độ, ham mê ngũ dục cho nên chư Phật cũng lấy ngũ dục để mà nói, nói ngược lại thì nó không nghe đâu, cho nên cũng phải thuận theo chúng sanh khế lý khế cơ, tức là đưa nào nó ưa thích danh thì cho danh, đưa nào ưa thích tiền thì cho tiền, đưa nào ưa thích gái thì cho gái, nhưng mà ngay chỗ ấy nó mới ngộ.

Cái ngũ dục tự tánh nó vốn là thanh tịnh, nhưng đắm chìm trong đó chấp trước trong đó thì kẹt. Hễ có chấp trước là có cảm thọ mà cảm thọ là dính mắc, hễ dính mắc thì sanh tử luân hồi.





Trong kinh Phạm Võng Đức Thế Tôn cũng nói rõ 62 vị đại biện luận đại tài, đưa ra 62 lý thuyết thật là tuyệt vời. Nhưng tại sao Đức Thế Tôn nói là lưới, lưới Phạm Võng là cái lưới rất lớn mà 62 vị đại biện luận đại tài cũng không vượt ra khỏi cái lưới được. Các luận thuyết của các vị ấy là nhà biện luận đại tài, nhìn thấy vũ trụ trên trời dưới đất, biết hết, vậy mà không vượt ra khỏi cái lưới Phạm Võng được. Đức Thế Tôn nói tại vì các ông lấy cảm thọ, đều thọ rằng cái thuyết của ta là đúng, và nói rằng cái thuyết của ta là đúng thì lập tức phát hiện ra ngã là ngã sở, cái điều kiến chấp là đúng, cho nên không vượt ra khỏi cái lưới Phạm Võng. Khi đã biết rất rõ, thấy rất rõ thì thông dong, bất cứ pháp nào cũng là Phật Pháp. Từ ánh nắng, từ cọng sinh, từ lá rơi, tất cả đều là Phật Pháp.

## **Phật Pháp Vấn Đáp**

**Câu hỏi:** Nói các tu hành cần phải rút bỏ hết để đạt tới chân tâm thanh tịnh. Nếu mà rút bỏ hết thì sao?

**Trả lời:** Nếu mà bạn rút bỏ hết tức là không còn cái gì hết tức là gỗ đá hả? Phải là gỗ đá không? Mà gỗ đá thì không có tu được đâu. Cho nên chúng tôi mới nói rằng các pháp tự tánh vốn là thanh tịnh. Thấy biết thì nó là thanh tịnh, không thấy biết thì chạy theo vọng tưởng

điên đảo, cũng như bạn ăn, ăn miếng ngon thì khởi lên tâm ưa thích mà ăn miếng dở thì tâm phiền não, mà khi tâm phiền não đó mới vừa sanh thì lập tức biết nó sanh ra thì ngay ở chỗ ấy thanh tịnh rồi. Còn nếu không biết thì cứ chạy theo khổ sở, phiền não ấy.

Có bài Pháp *Có Pháp Môn Nào* ở trong kinh Tương Ưng Bộ, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: “*Khi căn va chạm với trần là tức niệm pháp, pháp sanh, là người hành giả luôn luôn quán chiếu niệm*”. Cho nên trong nghệ thuật của tu học luôn luôn quán chiếu, quán chiếu trong từng sát-na, quán chiếu không ngừng nghỉ.

**Câu hỏi:** Chấp trước là gì?

**Trả lời:** Chấp trước tức là chấp rằng cái đây là có, chấp thường chấp đoạn cũng là chấp, chấp rằng là con gái thì phải mặc áo dài, đàn ông con trai thì phải để tóc ngắn, đó là chấp.

**Câu hỏi:** Rồi làm sao tiêu diệt chúng?

**Trả lời:** Chẳng có tiêu diệt nó được đâu. Hễ mà chấp hãy nhận biết nó thì tự nhiên nó mất, buông xả thôi chứ không tiêu diệt nó được. Có ba cái trở ngại người tu hành. Thứ nhất là ngã chấp, thứ nhì là pháp chấp, thứ ba là kiến chấp. Ngã chấp nói rằng có ta đây, mà hễ có ta thì lập tức có cái của ta, mà hễ có cái của ta thì đâm ra

ái ngã. Thí dụ hễ có ta thì lập tức những cái gì dính mắc là chồng ta, vợ ta, con ta, nhà ta, xe ta, bàn ta, giường ta, đủ các thứ, cái gì cũng là của ta, thì đương nhiên phải yêu thương thứ đó, dính mắc tới nó, ai đụng tới thì bảo vệ nó thôi, cho nên sanh tử luân hồi. Ái, niệm thì sanh tử luân hồi, mà thực chất của ngã là không tự tánh của ngã vốn là tứ đại và ngũ uẩn, tứ đại là giai không, tứ đại và ngũ uẩn như huyễn. Nhưng mà tại ta không nhận rõ cho nên ta chấp nó là có.

Có nhiều người tu nói giờ con dẹp được cái ngã rồi ai mắng chửi con đó thấy không, không có nữa, tức là không có buồn phiền nữa. Thế thì dẹp bớt được ngã rồi. Thì rơi vào pháp chấp, nếu mà người ta mắng chửi ta thì ta không buồn phiền, nhưng nếu người ta nói rằng đạo Phật là đạo dỏm là khởi tâm buồn phiền liền, nói: *“trời ơi đạo Phật vi diệu như thế này, tôi theo đạo Phật mà, đạo Phật là đạo giải thoát mà sao ông nói thế”*, người ngoài đạo nó tới nó nói ông Thượng Đế mới là chân lý, còn ông Phật tìm chân lý, tại sao lại nghe các ông nghe Phật mà không nghe Thượng Đế, thế là ta nổi sân nổi si nên ta cãi nhau với người ta, rồi ta lọt vào bẫy rồi phải không nào? Tức là chấp pháp, nói tôi không chấp ngã nữa nhưng tôi lại chấp pháp, rồi ngay cả khi ta buông được mấy cái đó rồi thì ta lại vướng vào chấp rằng là ta đã buông. Buông mà chấp ta buông thì mắc kẹt. Cũng

nhu người đi tu chấp nói người đi tu là phải cạo đầu. Ở trong chùa, nói năng đi đứng nghiêm trang, quỳ thì phải quỳ cho đàng hoàng, y áo phải nghiêm túc. Vạn pháp đều là Phật Pháp, người tâm thanh tịnh thì nhất cử nhất động đều là Phật Pháp. Còn người không thanh tịnh thì nói trời, nói đất, có cạo đầu đi chẳng nữa thì cũng chỉ có cạo đầu cho mát. Tâm sân tâm si còn y nguyên thì coi như là không có tu.

Tu, xuất gia là gì, xuất gia là ra khỏi nhà lửa, ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà nhiều chuyện. Ở trong chùa, cạo đầu mặc áo, rồi ăn chay nhưng mà tâm phiền não vẫn còn thì coi như chưa có tu. Chẳng được lợi lạc gì hết. Thấy hình tướng ở trong chùa chứ tâm không ở trong chùa, hình tướng đi tu, nhưng mà tâm không tu, thì cũng như không, giống như con chó của ngài Triệu Châu. Có vị Tăng tới hỏi Phật tánh con chó, “*Con chó có Phật tánh hay không?*” Ngài nói “*Lhông*”. Hỏi tại sao thế, “*Tại vì nó có Phật tánh nhưng mà bị nghiệp thức che mờ cho nên nó không thấy cái Phật tánh*”. Mà có mà không thấy thì cũng như không. Người đi tu mà tâm không tu thì cũng như không.

Xuất gia chỉ cạo đầu cho mát, mặc áo lên cho có hình tướng. Câu chấp đủ mọi thứ là ta tu nha, tướng như thế này, tu cho mọi người kính nể, ai nói nặng nói nhẹ là

buồn phiền, và đi đứng là phải kiêu này, đi đứng phải kiêu kia, tức là toàn là ngã chấp, pháp chấp, kiến chấp rồi đủ mọi thứ chấp như vậy thì làm sao tu? Không ra khỏi nổi nhà phiền não, chỉ có thân tướng là tu như vậy thôi, chứ còn tâm không có tu. Mà tu Phật tức tu tâm. Mà nếu không tu được tâm thì đường vào đạo còn xa vời vợi. Đóng tuồng hát xiếc chơi vậy thôi, cạo đầu rồi mặc áo cà sa để đóng tuồng, để hát xiếc giống như gánh hát cải lương, chứ tâm đi vào đạo không có thì cũng như không. Vô lượng kiếp cũng chưa thấy được cửa đạo, giới lắm cũng như con kiến ở ngay cửa Kỳ Viên 80 ngàn kiếp cũng chỉ là con kiến. Người ta nói ông thầy tu như thế này, ông thầy tu như thế kia, cũng có những vị tu sỹ đàn hạch chúng tôi đó, nói thầy phải như thế này, thầy phải như thế kia, chúng tôi nghe lặng lẽ không dám nói một câu, bạn biết tại sao chúng tôi rớt nước mắt trong lòng không? Tại vì chúng tôi tội nghiệp cho những người như vậy, họ uổng công họ đi tu mà tâm sân tâm si nhiều quá, thấy thương họ hết sức, mà không dám nói, tại vì nói thì người ta lại càng sân nữa thì người ta bị rớt vào địa ngục.

Hồi thời Đức Thế Tôn, có một ông sư, khi ổng chết thì có áo cà sa mà ổng chưa mặc, ông ấy tiếc áo cà sa. Ngài cản đừng có đụng tới cái áo, lập tức các vị đại đệ tử mới thắc mắc: *“Tại sao Đức Thế Tôn ngày hôm nay lại cấm chúng ta không đụng tới cái áo cà sa?”*. Đức Thế Tôn

nói ông Tăng mới chết, ông ấy tiếc cái áo cà sa, ông thương cái áo cà sa lắm, ông chưa được mặc, cho nên ông đầu thai làm con rận, bò trong áo cà sa đó, và nó thấy rằng các vị này sắp sửa xé cái áo cà sa chia làm bảy mảnh chia nhau, cho nên nó nổi sân, cho nên nó bò tới bò lui giận, nếu cắt cái áo cà sa ra là nó giận, mà hễ nó giận là nó bị đọa vào địa ngục, cho nên Đức Thế Tôn mới nói các ông không được đụng cái áo cà sa đây trong bảy ngày, sau bảy ngày con rận nó biết nó chết rồi, nó mới đi đầu thai kiếp khác thì mới chia cái áo cà sa đó ra. Tức là đi tu mà còn thương áo cà sa, chết rồi còn hóa thành con rận để giữ áo cà sa, đi không nổi. Cho nên tu hình tướng thì nhiều, tu tâm thì khó quá.

Là người đi tu phải thoát ly ra khỏi sanh tử, tu là tu ba cái tham sân si. Đức Thế Tôn cũng tu nơi ba cái tham sân si mà thành. Chúng ta cũng tu ba cái tham sân si đấy. Thế mà để cho tâm chạy theo sắc thính vị xúc, tức là tu có hình tướng chứ không có tu tâm.

Hai mươi lăm vị A La Hán ở thời Đức Phật cũng nương nhờ nơi 25 cái tức là sắc thanh hương vị xúc pháp, căn trần thức và thất đại, các thứ ấy đều là Phật Pháp. Khi đã liễu tri thì các pháp đều là Phật Pháp. Còn nếu không liễu tri chỉ là hình tướng, chỉ là thùng rỗng, một cái trống đi gõ chứ nó không ích lợi gì hết. Làm người tu mà

không có được tứ vô lượng tâm (tức là tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả) thì đường vào đạo xa vời vợi. Mà ở trong kinh Kim Cang thì nói rất rõ ung vô sở trụ, không trụ vào sắc mà sanh tâm, tại vì nếu trụ vào sắc thì lập tức tâm ấy là tâm vọng, tâm điên đảo. Mà nếu không quán chiếu cho rõ thì thấy nó là điên đảo thì khởi tâm ưa thích, tâm phân biệt và khởi ý phân biệt và ngay chỗ này vướng mắc cảm thọ, thế cảm thọ này mới là khổ, vướng mắc, sanh tử luân hồi. Chứ không phải nơi các pháp mà có cái hơn cái kém đưa chúng ta vào đạo hay không, mà ở chỗ cảm thọ này.

Vị tu sĩ nào thời Đức Thế Tôn hóa thành con rận ở để giữ áo cà sa cũng vì cảm thọ cho nên chết rồi cũng phải làm con rận, biến thành con rận để giữ áo cà sa thì cũng có khác gì các vị tu sĩ thời nay. Thấy người ta như vậy ta đâm ra thương, công lao tu học, mà sân nhiều quá thì giống như con rận giữ áo cà sa thôi có khác gì đâu, chẳng được lợi lạc gì hết. Tội nghiệp.

**Câu hỏi:** Vào chùa có 2 vị hộ pháp: Một vị mặt dữ, một vị mặt hiền?

**Trả lời:** Hai vị đấy nói tượng trưng thôi, chứ chẳng có vị nào dữ, cũng chẳng có vị nào hiền, hai vị đều hiền. Người nào làm ác thì nhìn thấy cái dữ thì bớt làm ác, còn người nào có tâm tánh đang thiện, đang hiền mà gặp

người mà thấy bạn hiền thì khởi tâm hiền hơn. Dữ hiền là đối đãi phương tiện vậy thôi. Hai vị cũng là Bồ Tát hết. Chẳng có gì sai khác hết.



# LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

## QUYỂN I PHẬT VẤN ANAN VỀ CÁI TÂM



**TUỆ TÂM THIÊN THƯ QUÁN**

Website: [www.tuetam.info](http://www.tuetam.info)

Facebook: Tuệ Tâm Thiên Thư Quán

Email: [tuetamthienthuquan@yahoo.com](mailto:tuetamthienthuquan@yahoo.com)

Lotus Wisdom Publishing Co.2023